

Số 159

VĂN HÓA

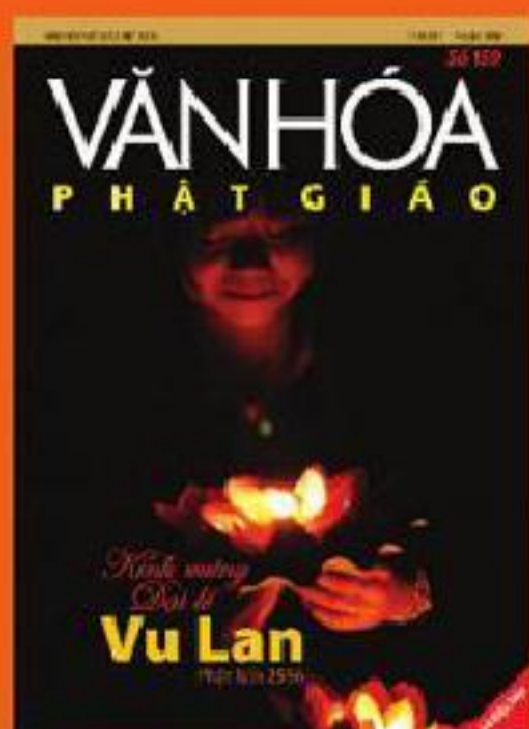
PHẬT GIÁO

*Kính mừng
Đại lễ*

Vu Lan

Phật lịch 2556

Số Đặc biệt



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT

Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Xây đắp một xã hội hiếu hạnh (Nguyễn Cần)	3
Sương mai	6
Bông hồng dâng mẹ (Hoàng Hằng)	7
Vu lan với đạo hiếu và nhân cách người Việt (Đinh Đức Hiến)	10
Ván khắc các bản diễn Nôm Phật giáo tại chùa Bỏ Đà (Đổng Dương)	12
Bệnh người xuất gia (Thiện Năng)	15
Thuận tánh khởi tu (Nguyễn Thế Đăng)	18
Phật giáo và thần thông (Đại sư Tinh Vân, Nguyễn Phước Tâm dịch)	22
Nước mắt chảy xuống (Hoàng Tá Thích)	24
Vết xước trên bầu trời (Susan Moon, Diệu Liên Lý Thu Linh lược dịch)	26
Mẹ (Lê Huỳnh Lâm)	28
Giảng thu (Cao Huy Hóa)	30
Mùa... đã thu (Nguyễn Nguyên)	32
Những cơn mưa mùa hạ (Nguyễn Văn Hoan)	34
Đàn gảy tai trâu (Lê Hải Đăng)	36
Củ năn (Lý Thị Minh Châu)	38
Đỗ Hồng Ngọc, nghĩ về trái tim (Nguyễn Lệ Uyên)	40
Thăm Bà Nà (Đỗ Hồng Ngọc)	44
Thơ	45
Vào đời (truyện ngắn của Nguyễn Trọng Hoạt)	47
Dòng sông thấp nển (Thích Nguyên Mãn)	50
Lời cảm ơn	52

Bìa 1: Tường nhớ mẹ hiền. Ảnh: Quảng Tâm

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Vu-lan Phật lịch 2556 đang đến rất gần với những người con Phật. Trong khi nhớ nghĩ đến công lao trời biển của các đấng sinh thành, người Phật tử Việt Nam chúng ta thành tâm sửa mình dâng lòng hiếu lên chư Tăng Ni ở khắp mười phương vào ngày Tụ tứ để nguyện cầu cho cha mẹ hiện đời và cha mẹ nhiều đời về trước được hưởng hồng ân của chư Phật. Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo chân thành cầu mong đến với quý độc giả, ân nhân, thân hữu và cộng tác viên một mùa Vu-lan đầy phước đức và lợi lạc.

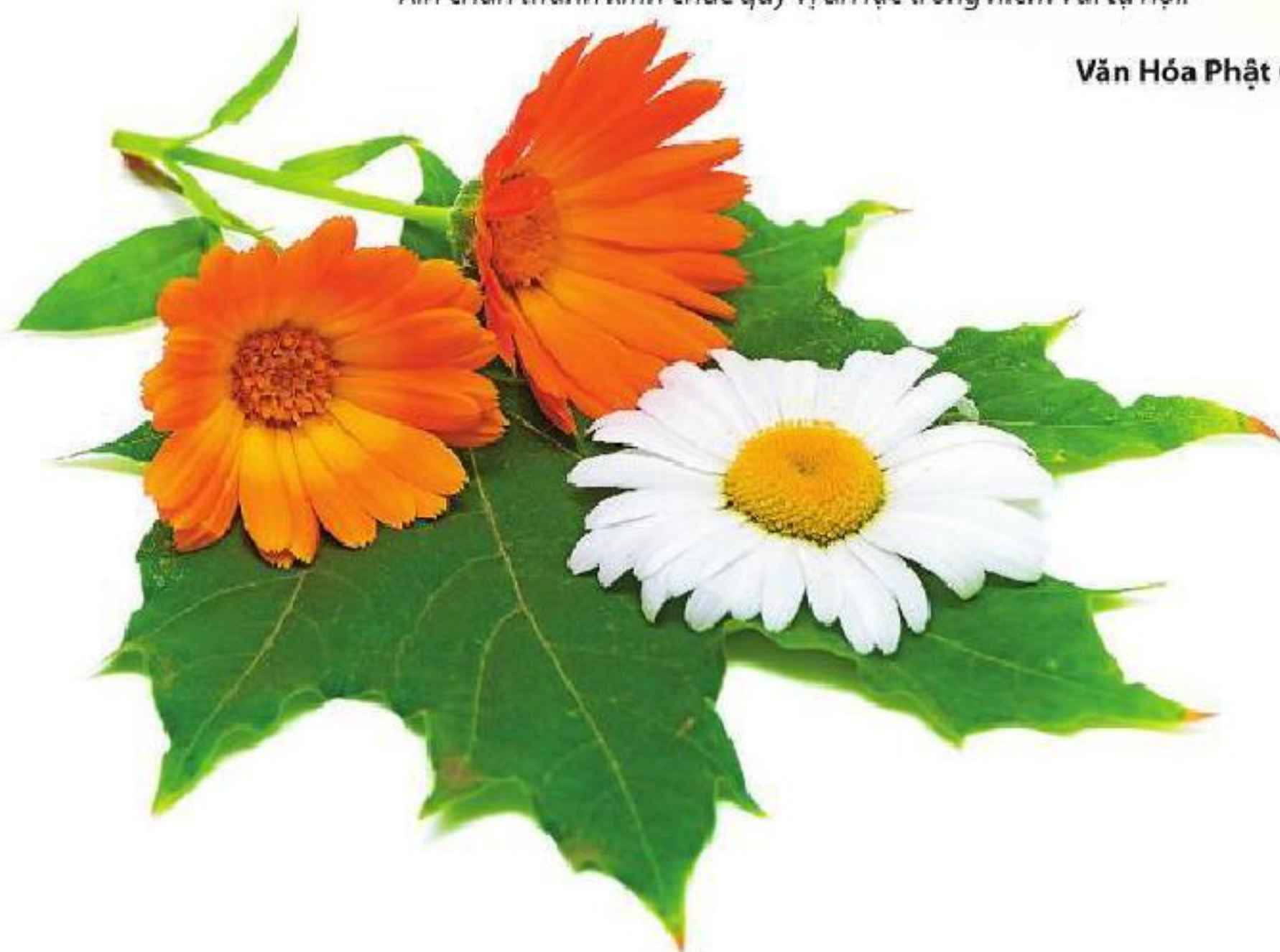
Năm nay, để chào mừng mùa Vu-lan, VHPG đã tổ chức thành công một chương trình biểu diễn Thơ Nhạc có chủ đề Bông Hồng Dâng Mẹ. Buổi biểu diễn đã có được sự giúp đỡ hết sức quý báu của nhiều cơ quan đơn vị và các vị thân hữu, ân nhân, đồng thời cũng giành được sự ủng hộ nồng nhiệt của chư vị Thiện tri thức đã nhiệt tình đến tham dự.

Trong niềm vui chào đón mùa Vu-lan năm nay, suốt hai ngày 8 và 9 tháng Tám năm 2012 vừa qua, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động sáu tháng đầu năm của toàn Giáo hội. Trong Hội nghị, đề tài tu chỉnh Hiến chương của Giáo hội đã được bàn thảo chi tiết và được sự nhất trí cao. Hội nghị cũng đã thông qua chương trình Đại hội Phật giáo Việt Nam toàn quốc lần thứ VII sẽ chính thức diễn ra vào các ngày 22 và 23 tháng Mười một năm 2012 sắp tới. Chúng ta có thể tin tưởng rằng Đại hội Phật giáo toàn quốc lần này sẽ mang đến cho Giáo hội một luồng gió mới để phát triển mọi hoạt động Phật sự trong thời hội nhập, xứng đáng với một dân tộc đã hơn 2.000 năm theo Phật.

Theo thông lệ, số báo Vu-lan năm nay là số đặc biệt in toàn bộ bốn màu chứa đựng những bài viết xiển dương lòng hiếu của người con Phật, mong được là món quà dành tặng quý độc giả, ân nhân, thân hữu và cộng tác viên nhân ngày rằm tháng Bảy, VHPG hy vọng sẽ được quý vị đón nhận với thâm tình. Trong quá trình thực hiện số báo này, tòa soạn đã nhận được nhiều bài vở từ khắp nơi gửi về. Tuy nhiên, vì số trang báo có hạn, một số bài buộc phải để dành cho các số kế tiếp. Rất mong quý vị lượng tình hoan hỷ.

Xin chân thành kính chúc quý vị an lạc trong niềm vui tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo



Xây đắp một xã hội hiếu hạnh

NGUYỄN CẦN

Đạo đức xã hội đang bị xói mòn

Từ hơn chục năm nay, trên các phương tiện truyền thông đại chúng, những bản tin lạnh lùng về những vụ án mạng xảy ra giữa những người có quan hệ thân tộc với nhau đã khiến người ta chạnh lòng lo âu cho sự xói mòn của nền đạo đức xã hội. Nhưng nếu trước kia người ta chỉ thấy một số vụ án xảy ra giữa những người là vợ với chồng hay anh chị với em giết nhau, hoặc là cô dì chú bác dưỡng với cháu giết nhau; thì trong khoảng hai năm trở lại đây, sự tình lại còn khủng khiếp hơn khi cha mẹ với con cũng đang tâm giết nhau hoặc cháu nội cháu ngoại đang tâm giết chết ông bà mình, đối xử với nhau bằng sự tàn độc chứ không chỉ là sự giận ghét thông thường. Số án mạng cũng tăng lên đáng ngại! Rất nhiều trường hợp khiến người ta phải bàng hoàng vì nguyên nhân dẫn tới án mạng quá đơn giản, đến mức phi lý.

Chẳng hạn, hồi mùa Giáng sinh năm ngoái 2011, một thanh niên 18 tuổi ở thôn Quỳnh Đô, Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội, chỉ vì cần tiền mua quà tặng bạn gái mà lập mưu giết chết bà nội đã 74 tuổi để cướp đôi hoa tai bằng vàng và lấy của cụ một số tiền 30.000 đồng rồi quăng xác bà mình xuống hồ nước. Vào tháng 7 năm 2011, một người đàn ông 28 tuổi ở Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội nghe nói cha và mẹ có gây gổ đã tìm cha để hỏi cho ra lẽ nhưng ngay khi gặp cha thì lại lao đến đâm cha tới tấp bằng dao khiến người cha tử vong. Tháng 4-2012, tại Khánh Hòa một thanh niên mới 16 tuổi rủ bạn cùng tuổi giết ông nội mình đã 70 tuổi để cướp của nhưng ông cụ thoát chết nhờ những vết thương chỉ

chạm đến phần mềm của cơ thể. Chiều ngày 19-6-2012, tại Gio Thành, Gio Linh, Quảng Trị, một thanh niên 18 tuổi đã giết mẹ chỉ vì bị mẹ mắng nhiếc sau khi đương sự trộm lúa trong nhà mang bán lấy tiền chơi game vi tính. Gần đây nhất là sự việc xảy ra ngày 24-6-2012 tại phố Thụy Lĩnh, Hoàng Mai, Hà Nội, một người đàn ông 26 tuổi âm mưu đột nhập nhà cha mẹ dùng dao giết chết cả cha lẫn mẹ chỉ vì xin tiền mà không được đáp ứng.

Cũng đã có những hoàn cảnh bi thảm theo một hướng khác khi cha mẹ phải lấy đi mạng sống của con cái vì đã lỡ nuông chiều chúng đến nỗi không thể tiếp tục chịu đựng sự nhúng nhieu của chúng. Tối 21-12-2010, tại Đức Linh, Vũ Quang, Hà Tĩnh, có hai vợ chồng lúc ấy chồng 49 tuổi, vợ 46 tuổi, đã buộc phải hợp lực giết một đứa con trai lúc ấy 20 tuổi từng là sinh viên khoa Thể dục Thể thao Trường Đại học Hà Tĩnh rồi mang xác con ra vứt xuống sông Ngàn Sâu để phi tang, vì đứa con lêu lổng chơi bời nhiều lần bán tài sản gia đình, trước đó đã dọa nạt bố mẹ đòi tiền. Ngày 26-2-2012, ở Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội, một người cha 53 tuổi đã dùng búa đinh liên tiếp đập vào đầu đứa con 24 tuổi đang ngủ vì người con này ngỗ nghịch ham chơi lười biếng thường xuyên lấy tài sản gia đình mang bán, hỗn hào với cha mẹ và anh chị, trước đó đã đánh cha gãy răng, chém cha đứt gân tay. Gần đây hơn, ngày 31-5-2012, tại Ô Chợ Dừa, Đống Đa,

Hà Nội, một người cha 63 tuổi cũng buộc phải siết cổ đến chết đứa con trai nghiện hút đã 34 tuổi vẫn thường xuyên nã tiễn bố mẹ với thái độ hỗn xược từng chửi bới đánh đập cả bố mình.

Trước chuỗi sự kiện mà từng vụ việc riêng rẽ cũng đủ làm dư luận sững sốt như nêu trên, các cơ quan hữu trách và giới học giả cũng đã sốt sắng lên tiếng tìm cách lý giải hiện tượng với mong muốn có phương cách làm giảm bớt những sự kiện đau lòng ấy trong tương lai. Nguyên nhân đầu tiên mà người ta đưa ra là đạo đức xã hội đang xuống cấp. Cũng được kể đến là sự kiện lớp trẻ bị đầu độc bởi quá nhiều thứ văn hóa nghe nhìn giải trí có nội dung kích động bạo lực. Việc giới trẻ sử dụng các loại ma túy tổng hợp gây ảo giác cũng là một trong những lý do được nêu ra. Một lãnh vực bị phê phán là vai trò giáo dục của nhà trường và xã hội đối với giới trẻ có phần lơ lửng: *nhà trường chỉ lo nhồi nhét kiến thức chạy theo thành tích hơn là dạy học sinh hình thành nhân cách và văn hóa ứng xử, trách nhiệm công dân; xã hội thiếu quan tâm đến lớp trẻ; ranh giới giữa thầy và trò, cha mẹ và con cái, người trên và người dưới không còn mực thước khiến giới trẻ không có "tấm gương" để học tập.* Điều được coi là quan trọng nhất được quy cho việc gia đình thiếu quan tâm đến con cái. Cũng có quan điểm quy trách cho tình trạng kinh tế khó khăn. Một vấn đề được nhận diện là thành phần trẻ em hư hỏng hết thuộc những gia đình có cha mẹ ly dị hoặc vì quá ham mê kiếm tiền nên không có thời giờ chăm sóc con cái.

Tiếp theo việc xác định nguyên nhân, cũng đã có một số biện pháp được đề nghị, trong đó có cả một Chỉ thị số 48 của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm.

Nhìn chung, vấn đề đã được toàn thể xã hội quan tâm, được cả cơ quan lãnh đạo cao nhất của đất nước tìm cách giải quyết. Ở một mặt khác, Nhà nước cũng đã có một kế hoạch củng cố gia đình, xây dựng gia đình làm đơn vị hạt nhân trong việc phòng chống tội phạm. Vấn đề là nên xây dựng hướng giải quyết như thế nào để có thể sớm đẩy lùi tội ác.

Hiếu là nền tảng đức hạnh của con người

Từ ngàn xưa, ca dao của người Việt Nam vẫn có những câu nói về cách hành xử của con cái đối với cha mẹ: *"Mẹ già ở túp lều tranh / Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con"* hay *"Đêm đêm khấn nguyện Phật Trời / Cầu cho cha mẹ sống đời với con"* cho thấy trong nhân cách của người Việt ta, lòng hiếu đối với cha mẹ là một điều rất căn bản. Hiếu chính là cách hành xử đúng mực đối với người mình đã thọ ơn. Người Việt tiếp thu cả học thuật Trung Hoa và tư tưởng Phật giáo từ hơn hai ngàn năm qua, hai nguồn văn hóa này đều đề cao hiếu đạo. Đặc biệt, hiếu đạo trong quan điểm Phật giáo hết sức thực tiễn, quan tâm đến con người với tư cách là một cá thể tự do có năng lực tự giải

thoát khỏi mọi vướng mắc của tham sân si chứ không tìm cách gò con người vào trong khuôn khổ cứng nhắc của các định chế xã hội có giá trị tuyệt đối. Tiếc rằng trong quá trình tiếp xúc với văn minh phương Tây, có lúc những giá trị nền tảng của người Việt, trong đó có hiếu đạo, đã bị xã hội lơ là, dẫn đến tình trạng trên không ra trên dưới không ra dưới như hiện nay. Việc đề ra các chương trình phòng chống tội phạm lấy gia đình làm hạt nhân mang tính cách kỹ thuật mà không dựa vào nền tảng hiếu đạo có thể cũng có kết quả nhưng e rằng không bền vững và thiếu chiều sâu. Vì thế, việc xây dựng hiếu đạo trong quá trình hình thành nhân cách con người là điều cần được tính đến một cách căn bản. Ở đây, chúng ta nên tìm hiểu về hiếu đạo của người con Phật.

Kinh *Tăng chi*, chương *Hai pháp*, Đức Phật dạy, *"Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha"*. Theo đó, Mẹ và Cha là bậc không dễ gì có thể trả được ơn, vì ơn ấy rộng như trời biển, theo tinh thần câu ca dao của người Việt, *"Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"*. Cho nên, tiếp đó, cũng trong kinh *Tăng chi*, Đức Phật nói rõ hơn, *"Nếu một bên vai công mẹ, một bên vai công cha, làm vậy suốt trăm năm cho đến trăm tuổi cũng chưa trả ơn đủ cho cha mẹ. Nếu có phụng dưỡng cha mẹ với mọi báu vật trên trái đất này cũng chưa trả ơn đủ. Vì sao thế? Vì rằng cha mẹ đã bỏ nhiều công sức cho con cái, nuôi dưỡng chúng cho đến lúc lớn khôn, và dẫn dắt chúng vào trong đời này"*. Như vậy thì làm thế nào để có thể trả được ơn cha mẹ? Cũng trong kinh *Tăng chi*, chương *Hai pháp*, ở một đoạn khác, Đức Phật dạy, *"Này các Tỷ-kheo, những ai đối với cha mẹ không có lòng tin thì khuyến khích, hướng dẫn, để cha mẹ an trú vào thiện pháp; đối với cha mẹ gian tham thì khuyến khích, hướng dẫn, để cha mẹ an trú vào hạnh bố thí; đối với cha mẹ theo ác trí thì khuyến khích, hướng dẫn, để cha mẹ an trú vào chánh trí; như vậy thì những người đó làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha"*.

Ta cũng có thể tìm thấy trong các kinh điển khác những lời khuyên về hiếu đạo. Kinh *Nhân nhục* nói, *"Cùng tốt điều thiện không gì bằng hiếu. Cùng tốt điều ác không gì bằng bất hiếu"*. Kinh *Tâm địa quán* nói, *"Cha mẹ tại tiền như Phật tại thế; gặp thời không có Phật, khéo thờ Cha Mẹ tức là thờ Phật vậy"*. Kinh *Tứ thập nhị chương* nói, *"Thờ trời đất quý thần không bằng có hiếu với Cha Mẹ, vì Cha Mẹ là hai vị thần minh cao nhất trong các vị thần minh"*.

Xem thế ta thấy, hiếu chính là nền tảng đức hạnh của con người theo quan điểm nhà Phật.

Hiếu là nền tảng đức hạnh của xã hội

Xã hội không chỉ là một tập hợp những cá nhân riêng lẻ mà phải là một cộng đồng chia sẻ với nhau những giá trị văn hóa đạo đức chung. Có một sự nối kết giữa các chúng sinh theo lời Đức Phật nói trong kinh *Tương ưng*, *"Này các Tỷ-kheo, sữa mẹ mà các thầy đã uống trong suốt*



quá trình luân hồi nhiều hơn nước trong bốn biển". Nước ở trong bốn biển thì biết bao nhiêu mà kể, vậy mà sữa mẹ ta đã uống từ suốt đời này qua đời khác còn nhiều hơn; nghĩa là quá trình luân hồi của mọi chúng sinh là không thể tính đếm được và mọi chúng sinh đều đã từng là quyến thuộc của nhau; nhưng đặc biệt, những chúng sinh ở trong cùng một quốc độ thì có những căn bản giá trị chung. Mọi cá nhân trong một cộng đồng đều phải nương gá vào nhau mà tồn tại và phát triển. Các cộng đồng cũng phải tập hợp thành xã hội, quốc gia; tất cả đều hiện hữu nhờ vào đất đai, sông suối, lùm rừng, các hệ động vật thực vật, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, khí quyển... do đó, mọi cá nhân hiện hữu tồn tại và phát triển đều phải biết đến ba ơn lớn là ơn cha mẹ, ơn quốc gia xã hội và ơn chúng sinh. Với người con Phật, chúng ta còn có ơn Tam bảo, gọi chung là Tứ trọng ân. Với tất cả những ơn trên, con người đều phải biết đến ơn, biết cách hành xử đúng mực, nghĩa là phải có lòng hiếu. Từ quan niệm đó, ngoài lòng hiếu đối với cha mẹ, người Phật tử còn nói đến hiếu với chúng sinh, với quốc gia xã hội, nghĩa là có thể nói đến hiếu với dân. Từ đây, người ta đã mở rộng quan niệm hiếu đạo. Do vậy mà có thể nói đến trung với nước và hiếu với dân như một nền tảng đức hạnh của xã hội.

Ở bình diện xã hội, tất nhiên mọi người đều phải hiếu với dân, nhưng đặc biệt, những kẻ là công bộc của dân, những người thay mặt dân hành xử quyền cai trị, chính là thành phần cần phải quan tâm đến lòng hiếu này hơn cả. Ở đây, người công bộc thể hiện lòng hiếu với dân phải gần dân, gần bó với dân, kính trọng và học tập dân, lấy dân làm gốc, chăm lo đến việc hiểu rõ dân tâm, cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, nhờ đó mà có thể thực hành việc lãnh đạo dân, cai trị dân, phục vụ dân một cách sáng suốt và hữu hiệu.

Xây đắp một xã hội hiếu hạnh

Hiếu vốn là nền tảng đức hạnh của cá nhân và của xã hội. Với những con người có hiếu với cha mẹ, xã hội sẽ có được những con người có hiếu với dân. Khi ấy, việc xây đắp một xã hội hiếu hạnh không phải là điều khó. Một xã hội hiếu hạnh thì sẽ không có hiện tượng đối xử với nhau bằng bạo lực, sẽ không sợ tạo loạn; thay vào đó là việc cùng nhau xây dựng các cộng đồng an lạc, hòa bình.

Xét trong lịch sử dân tộc, có thể thấy một xã hội hiếu hạnh rất gần với người Việt, nhưng nếu ngay từ bây giờ, chúng ta không chú tâm gieo rắc và ươm mầm hạnh hiếu theo quan kiến nhà Phật trong lòng giới trẻ thì có thể mãi mãi xã hội ấy đối với chúng ta chỉ là không tưởng. ■

Công ơn của từ mẫu

Phật bảo A-nan: “Công ơn từ mẫu gồm có mười điều.
Phàm kẻ làm con phải lo báo đáp”:

1. Ôn sâu thứ nhất:

Chín tháng mười ngày cưu mang nặng nhọc

2. Ôn sâu thứ hai:

Ngay lúc sinh nở đau đớn tột cùng

3. Ôn sâu thứ ba:

Con vừa ra đời mẹ quên đau đớn

4. Ôn sâu thứ tư:

Mẹ chọn miếng đắng, miếng ngọt dành cho con

5. Ôn sâu thứ năm:

Dời con sang chỗ khô, mẹ nằm chỗ ướt

6. Ôn sâu thứ sáu:

Ba năm bú mớm chăm sóc nâng niu

7. Ôn sâu thứ bảy:

Giặt giữ tắm rửa chịu đựng ô uế

8. Ôn sâu thứ tám:

Lòng luôn khắc khoải lúc con vắng nhà

9. Ôn sâu thứ chín:

Chỉ vì nuôi con chịu bao ác nghiệp

10. Ôn sâu thứ mười:

Trọn đời yêu dấu chẳng phút nào nguôi.

Trích kinh Đại Phương tiện Phật bảo Phụ mẫu Trọng ân.



Ảnh: Minh Lê

Bông Hồng Dâng Mẹ

HOÀNG HẰNG

Từ khi phát hành số ra mắt vào mùa xuân năm 2005, *Văn Hóa Phật Giáo* cũng đã tổ chức một buổi lễ kỷ niệm hai năm ngày chính thức góp mặt với sinh hoạt báo chí tại Văn phòng II Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào ngày 18 tháng Giêng năm 2007 và một Tuần lễ *Văn Hóa Phật Giáo* tại chùa Từ Đàm TP. Huế trong thời gian từ 1-3 đến 7-3 năm 2008. Sau hai hoạt động mang tính cộng đồng đó, suốt gần năm năm tiếp theo, *Văn Hóa Phật Giáo* miệt mài lặng lẽ chú tâm vào việc chăm chút cho phẩm chất của tờ báo. Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn khách quan để phát triển cả về hình thức lẫn nội dung và công tác phát hành. Với những nỗ lực của toàn thể nhân viên bên cạnh sự giúp đỡ tận tình của các vị ân nhân và thân

hữu, thêm vào đó là sự ủng hộ nhiệt thành của độc giả và các cộng tác viên, *Văn Hóa Phật Giáo* dần dần khởi sắc và ngày càng giành được sự yêu mến nhiều hơn của quý độc giả. Trong thời gian ấy, tâm nguyện tổ chức một buổi sinh hoạt có sự tham dự của các độc giả, ân nhân, thân hữu và cộng tác viên để thể hiện lòng biết ơn luôn được Tạp chí quan tâm nhưng chưa có điều kiện. Mãi đến ngày 29-7-2012 vừa qua, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* mới lại có dịp gặp gỡ một số độc giả, ân nhân, thân hữu, và cộng tác viên trong khu vực TP.HCM thông qua chương trình thơ nhạc mừng mùa Vu-lan Phật lịch 2556 tổ chức tại Nhà Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ.

Phải nói rằng duyên lành đối với tâm nguyện của *Văn Hóa Phật Giáo* chính là tâm nguyện của một số



Ảnh: *Thiên Hương*

thân hữu, mong muốn thể hiện lòng hiếu của người con Phật nhân dịp Vu-lan năm nay. Các nhà thơ Hồ Đắc Thiếu Anh, Tôn Nữ Thu Thủy, Trương Nam Hương, và Bảo Cường, vốn là các cư sĩ Phật giáo và những người có đạo tâm, rất khao khát tổ chức một chương trình Thơ Nhạc mừng mùa Vu-lan Phật lịch 2556. Các vị thân hữu này đề nghị hỗ trợ Văn Hóa Phật Giáo thực hiện cuộc gặp gỡ với các vị thiện tri thức thông qua việc thực hiện một buổi biểu diễn ngâm thơ và ca hát với chủ đề *Bông Hồng Dâng Mẹ*. Qua sự vận động của các nhà thơ, Đài Truyền hình TP.HCM đồng ý trở thành đơn vị đồng tổ chức. Và thế là mọi việc bắt đầu chuyển động, không quá nửa tháng trước giờ trình diễn.

Sáng sớm ngày 29-7-2012, bầu trời khu trung tâm Sài Gòn đầy mây đen đe dọa những cơn mưa tầm tã. Thế nhưng trong khuôn viên Nhà Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ tại số 202 đường Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, TP.HCM vẫn rộn ràng những tà áo dài đủ màu sắc bên cạnh hai tà áo màu lam của những người tham gia tổ chức và thực hiện chương trình. Tiếp nhận mặt bằng ngay trong buổi sáng hôm ấy, nhóm thực hiện đã phải tất bật sắp đặt để kịp đón khách. Dưới sự chỉ dẫn của nhà thơ Hồ Đắc Thiếu Anh, khoảng hành lang dẫn vào hội trường chính nơi diễn ra buổi biểu diễn đã nhanh chóng trở thành khu đón tiếp quan khách đến dự. Biểu trưng cho sự đón tiếp là một giá đèn Dục sư có 49 bông sen tượng trưng được đặt ngay đầu hành lang. Điểm đặc biệt là trong các bông sen đó chứa đựng tổng cộng 2.012 chiếc bánh in làm bằng hạt sen tươi mang hình bông hồng do một vị Phật tử cúng dường chương

trình Thơ Nhạc; con số 2.012 tượng trưng cho mùa Vu-lan năm 2012. Hai bên hành lang là những chồng sách báo được bày sẵn; những số báo mới nhất để tặng, sách và những quyển báo đóng tập là để trưng bày. Trong lúc sắp đặt nơi tiếp khách, nhóm thực hiện vẫn nhìn bầu trời đầy đe dọa mà lo lắng. Nhưng rồi càng lúc thời tiết càng trở nên thuận lợi.

Vừa qua khỏi 8 giờ, trong lúc việc sắp đặt vẫn còn đang tiếp tục thì những vị khách tham dự đầu tiên đã bắt đầu có mặt. Mỗi vị khách đến dự đều được tặng 3 số báo *Văn Hóa Phật Giáo* liên tiếp mà số báo mới nhất là số báo sẽ chính thức phát hành vào ngày 1-8. Khách cũng được mời ghi cảm tưởng và ký tên vào sổ vàng lưu niệm trước khi được hướng dẫn vào hội trường.

Mặc dù từ sáng sớm đã có lác đác những cơn mưa nhẹ nhưng càng lúc bầu trời càng trở nên quang đãng và nhờ thế mà không khí thật dịu. Gần chín giờ, hội trường 500 chỗ ngồi hầu như đã đầy với sự hiện diện của các vị khách mời cả Tăng lẫn tục. Chương trình thực sự bắt đầu vào lúc 9g10 với việc giới thiệu những vị khách quý đã đến dự.

Sau lời khai mạc ngắn gọn của đại diện Ban Tổ chức, tiếng sáo trúc vang lên làm nền cho lời giới thiệu của người dẫn chương trình. Tiếp đó, lần lượt các nhà thơ và các nghệ sĩ lên sân khấu trình bày những bài thơ, những bài hát thể hiện lòng hiếu của con người trước công lao trời biển của Mẹ Cha, lòng yêu thương quê hương đất nước, lòng quý trọng thiên nhiên... Thái độ biểu diễn nghiêm túc của các nhà thơ và các nghệ sĩ đã khiến nhiều người xúc động. Người ta có thể cảm nhận



Ảnh: Minh Lê

được sự xúc động của khán thính giả khi hội trường có lúc như lặng đi trước những lời thơ sâu lắng hay những lời hát khi êm đềm lúc vút cao mang nội dung chân thành. Cuối buổi diễn, có những vị khách vẫn còn đôi

mắt đỏ hoe. Trong khán phòng, bốn chiếc máy quay phim của Đài Truyền hình thành phố lặng lẽ ghi hình suốt thời gian; ngoài ra, cũng còn những chiếc máy khác ghi lại hình ảnh toàn cảnh của việc tổ chức buổi biểu diễn.

Trong số những người đến tham dự, không ít những vị nổi tiếng đã lặng lẽ tiến vào hội trường mà Ban Tổ chức không kịp nhận diện để giới thiệu, đành phải nhờ người gửi lời cảm ơn sau khi được biết lúc chương trình đã hoàn mãn.

Được chuẩn bị trong một thời gian kỷ lục, vừa lập chương trình, vừa xin giấy phép tổ chức, vừa vận động kinh phí, vừa mời người tham gia biểu diễn, lại không có điều kiện để quảng bá rộng rãi, nhưng nhờ ơn Tam bảo gia hộ, chương trình Thơ Nhạc mừng mùa Vu-lan Phật lịch 2556 do Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo phối hợp với Đài Truyền hình TP.HCM tổ chức đã có được kết quả tốt đẹp.

Sự thành công của chương trình không chỉ bởi người tổ chức mà còn bởi những người tham dự. Tuy nội dung chương trình có chủ đề *Bông Hồng Dâng Mẹ*, nhưng được tổ chức trong mùa Vu-lan với trọn tâm thành để thể hiện lòng biết ơn và lòng hiếu, ý nghĩa của việc tham dự chương trình chính là để dâng lên chư vị Thánh Tăng khắp mười phương lòng biết ơn và thể hiện cách đền ơn của những người con đất Việt với tâm nguyện cầu cho mọi sinh linh được thoát ba đường khổ, mà trước hết là hướng đến cha mẹ hiện đời, còn tại thế hay đã khuất, cũng như cha mẹ bảy đời về trước, theo đúng lời dạy của Đức Phật. ■



Vu lan với đạo hiếu và nhân cách người Việt

ĐINH ĐỨC HIỀN

Là một trong 6 tôn giáo lớn ở Việt Nam, hiện có gần bốn mươi lăm triệu tín đồ và đã có mặt ở nước ta từ hơn 2.000 năm qua, dù đã trải qua không ít thăng trầm theo mọi bước tiến của lịch sử dân tộc, nhưng với những tư tưởng chứa đựng nhiều giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp: từ bi, cứu khổ, thương người, tôn trọng sự thật..., Phật giáo đã trở thành một bộ phận không thể tách rời trong di sản văn hóa dân tộc và nhân cách con người Việt Nam.

Nhân cách con người Việt Nam hiện nay, xét về mặt bản chất, là sản phẩm của nhiều học thuyết, tư tưởng, và tôn giáo khác nhau, là sự kết tinh của nhiều hoàn cảnh lịch sử, là sự tổng hòa từ nhiều mối quan hệ xã hội. Nhưng rõ ràng có một thực tế không thể phủ nhận; đó là, bên cạnh sự chi phối trực tiếp đến nhân cách mỗi người Phật tử bởi lý thuyết và nếp sống của Phật giáo, thì Phật giáo cũng đã có những tác động nhất định đến nhân cách của hầu hết con người dân tộc Việt, dù họ là lương hay giáo.

Tìm hiểu về những tác động của lễ Vu lan đối với đạo hiếu của con người Việt Nam phần nào lý giải cho chúng ta thấy rõ điều đó.

Đôi nét về nguồn gốc ngày lễ Vu lan trong đạo Phật

Lễ hội Vu lan còn có tên gọi khác là ngày báo hiếu hay ngày xá tội vong nhân, được toàn thể tín đồ Phật giáo coi trọng và tổ chức trang nghiêm vào ngày rằm tháng 7 âm lịch hằng năm.

Kinh điển của Phật giáo cho biết nguồn gốc của lễ hội này xuất phát từ một nhân vật có tên gọi là Tôn giả Mục-kiền-liên, một trong những vị đại đệ tử xuất chúng của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Tôn giả Mục-kiền-liên có một người mẹ. Do bản tính tham lam, dối trá, bà đã tạo ra nhiều nghiệp nặng lúc còn sống, nên khi chết đi bà phải chịu sự đày đoạ nơi địa ngục. Là người con hiếu thảo và biết mẹ mình nặng nghiệp, ngay khi chứng lục thông, Tôn giả Mục-kiền-liên dùng huệ nhãn quán sát và thấy cảnh mẹ mình thác sanh làm thân quỷ đói nơi địa ngục. Thương mẹ, ông vội thị hiện thần thông mang cơm dâng cho mẹ ăn; nhưng vì nghiệp chướng của người mẹ quá lớn nên bát cơm hóa thành bát than lửa đỏ, không thể dùng được. Thấy sức mình không thể cứu mẹ, Mục-kiền-liên đến cầu xin Đức Phật giúp đỡ. Đức Phật cho biết, muốn cứu tế người thân có nghiệp chướng sâu dày thì lòng hiếu thảo dù lớn đến đâu cũng không đủ, mà phải nhờ vào thần lực của mười phương Tăng. Nhân đó, Đức Phật hướng dẫn nghi thức cúng dường vào dịp



Tứ tử hằng năm, là ngày rằm tháng Bảy. Vào ngày đó, chư Phật hoan hỷ vì chúng Tăng vừa hoàn tất một mùa an cư thanh tịnh, nếu Phật tử thành tâm cúng dường tử sự cho mười phương Tăng và hồi hướng công đức cho cha mẹ bảy đời thì với sức chú nguyện của chư Tăng, người được hồi hướng công đức sẽ thoát khỏi cảnh khổ địa ngục. Vâng lời Phật dạy, Mục-kiền-liên đã cứu mẹ thoát khổ. Nghi thức cúng dường Vu lan được truyền tụng và hàng Phật tử đã duy trì lễ hội này đến tận ngày nay.

Lễ hội Vu lan - ngày đạo hiếu của dân tộc được nâng cao

Đã là người con của đất Việt thì không ai xa lạ với những câu ca dao ca ngợi công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Từ lâu, người Việt vẫn truyền tụng những câu ca dao nhắc nhở về lòng hiếu như “*Công cha như núi Thái Sơn / Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra / Một lòng thờ mẹ kính cha / Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con*”, hay “*Công cha đức mẹ cao dày / Cưu mang trứng nước những ngày ngây thơ / Nuôi con khó nhọc đến giờ / Trưởng thành, con phải biết thờ song thân*.” Để làm nổi bật tính cách quan trọng của hiếu đạo, ca dao Việt Nam nhắc nhở, “*Tu đâu cho bằng tu nhà / Thờ cha kính mẹ ấy là chân tu*”.

Gần đây, mỗi khi mùa Vu lan về, giới Phật tử thường truyền tụng những lời kinh Phật có gốc từ văn bản Pali nói về lòng hiếu. Chẳng hạn, kệ 332 kinh Pháp Cú viết, “*Vui thay, hiếu kính Mẹ / Vui thay, hiếu kính Cha / Vui thay, kính Sa-môn / Vui thay, kính Hiền thánh*”. Kinh Tăng chi, chương Hai pháp cũng có một câu được nhiều người nói đến, “*Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha*”. Trong kinh Phật thuyết như vậy, Mẹ và Cha được Đức Phật so sánh với những bậc đáng được cúng dường, “*Phạm thiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Mẹ Cha. Các đạo sư thời xưa, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Mẹ Cha. Đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Mẹ Cha. Vì có sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỷ-kheo, là Mẹ Cha đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời*”. Cũng trong chương Hai pháp thuộc kinh Tăng chi, Đức Phật dạy về cách báo hiếu, “*Này các Tỷ-kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin, khuyến khích, an trú, hướng dẫn các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha*”.

Qua những đoạn kinh văn dẫn trên, người ta thấy Phật giáo hết sức coi trọng đạo hiếu với đặc trưng của một tôn giáo lấy trí tuệ và hành động thực tiễn làm nền tảng xây dựng nhân cách. Thứ nhất, cha mẹ được coi là quan trọng như các bậc đạo sư thời xưa, như những bậc đáng được cúng dường. Có lẽ chính từ nhận thức này mà ca dao Việt Nam mới nói đến chân tu là thờ cha kính mẹ. Thứ hai, để

thực hiện tốt cùng lòng hiếu, người con phải biết cách khuyến khích, hướng dẫn, và an trú cha mẹ mình vào sự tin tưởng ở các thiện pháp, không tham lam bòn sẻn, và từ từ đạt đến trí tuệ chân thực của Phật pháp.

Không chỉ nói đến lòng hiếu để phải biết ơn và biết cách đền ơn đối với cha mẹ, Phật giáo có nói đến tất cả bốn trọng ân mà ơn cha mẹ là hàng đầu. Ba ơn kế tiếp là ơn Tam bảo và Sư trưởng, ơn quốc gia xã hội, và ơn chúng sinh. Với quan niệm tích cực này, người Phật tử không chỉ biết đến công ơn của cha mẹ mình, mà còn quan tâm đến việc đền ơn tất cả mọi chúng sinh. Với Phật pháp, lòng hiếu được mở rộng, nhưng trên hết, Đức Phật vẫn nhắc nhở mọi đệ tử của Ngài phải chú ý đến lòng hiếu đối với Mẹ Cha, phải biết ơn và biết cách đền ơn Mẹ Cha đã, rồi mới có thể thành tựu được lòng hiếu hướng đến những đối tượng rộng lớn hơn.

Xuất phát từ những ý nghĩa đó, khi lễ Vu lan trở thành ngày hội của Phật giáo thì cũng chính là dịp để mỗi người con trong gia đình Việt Nam bày tỏ lòng biết ơn chân thành của mình đến với mẹ cha. Dù có nhiều bận rộn trong công việc mưu sinh nhưng họ vẫn dành thời gian để hòa chung vào dòng người đổ về các chùa cầu nguyện cho mẹ cha.

Có thể nói, vào mùa Vu lan của Phật giáo, trong tâm hồn của không ít con người Việt, hình ảnh các bậc cha mẹ được hiện lên một cách sống động nhất, những công ơn và sự hy sinh của cha mẹ dành cho con cái được thức tỉnh và nâng niu nhất. Vì thế, tuy là ngày lễ truyền thống của đạo Phật, nhưng ở nhiều nơi trên cả nước Việt Nam, lễ hội Vu lan cũng đã gần như trở thành ngày báo hiếu của cả cộng đồng.

Trong thời kỳ hiện nay, khi mà bên cạnh những yếu tố tiến bộ của xã hội văn minh, hiện đại đem lại, vẫn còn đó sự tác động của không ít những giá trị tiêu cực, do mặt trái của cơ chế thị trường và quá trình hội nhập đưa đến, làm cho không ít người vì xoay tròn trong vòng mưu sinh, danh vọng, chạy theo lợi ích của đồng tiền mà bỏ quên cha mẹ, phụ tình phụ mẫu, không biết đến giá trị của lòng tri ân, khiến đạo hiếu của dân tộc có sự suy giảm... thì tinh thần tôn trọng, đề cao đạo hiếu trong lễ Vu lan của Phật giáo lại càng trở nên có ý nghĩa.

Thế nhưng, cũng cần phải khẳng định rằng, giá trị đích thực của chữ Hiếu không phải được thể hiện trên những hình thức trống rỗng với mâm cao cỗ đầy, với khối lượng hàng mã được đốt... Ngược lại, chữ Hiếu trong lễ Vu lan của đạo Phật được thể hiện ở thái độ, lòng tri ân thành kính thật sự và bằng chính những hành động thiết thực của người con đối với bậc sinh thành, dưỡng dục. Có như thế, giá trị chân chính của lễ hội Vu lan mới được ghi nhận và có sức lan tỏa, trở thành ngày đạo hiếu của người con Phật tử và toàn dân tộc.

Chú thích:

* Theo thống kê của Ban Hướng dẫn Phật tử, GHPGVN, công bố ngày 7-11-2008. ■



Ván khắc các bản diễn Nôm Phật giáo tại chùa Bồ Đà

Bài & ảnh: ĐÔNG DƯƠNG

Trong một chuyến diễn dã năm ngoái, chúng tôi đến thăm chùa Bồ Đà (Bồ Đà sơn Tứ Ân thiền tự Tam Đức am) thuộc thôn Thượng Lát, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Được vị Đại đức trụ trì hướng dẫn, chúng tôi mới biết Bồ Đà là một chốn tổ lớn, là tổ đình của sơn môn Bồ mà sơn môn này phát triển mạnh tại các tỉnh như Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng. Theo sử liệu tại bốn tự, chùa lập khá lâu, được sơ tổ Tĩnh Ảnh trùng tu và gây dựng. Từ đó, Bồ Đà được nhiều vị cao tăng đến trụ trì và mở mang chùa cảnh. Nơi đây, xưa kia là trường hạ của sơn môn nên sự giáo dục tăng tài được chú trọng. Nhiều bộ kinh sách khắc ván như *Yết-ma hội bản*, *Lãng nghiêm chính mạch*, *Nam hải ký quý*, *Qui nguyên trực chỉ*, *Phật tâm luận*, *Giới đàn ni*, *Tây phương hiệp luận*, *Tây phương công cú*, *Nhật tụng*, *Thiền lâm bảo huấn*, *Hộ pháp luận giải âm*, *Ngũ gia tông phái*... làm tài liệu tu học cho đại chúng¹. Trong số đó, chúng tôi lọc ra được một số tấm ván có khắc in chữ Nôm nhưng không thấy thuộc bộ nào².

Các ván khắc chữ Nôm khi được in ra thì biết đó là thuộc mấy văn bản như *Ngũ giới quốc âm*, *Thập giới quốc âm*, *Uy nghi quốc ngữ*, *Uy nghi quốc âm*, *Ni bát kính pháp phương ngôn*, *Sự lý dung thông*. Như thế, bao gồm 6 bản Nôm có giá trị mà chưa ai biết đến trong kho ván³.

Theo bài tựa sách *Nhật tụng*, vào năm Tự Đức thứ 10, chùa in khá nhiều sách, trong đó in một số tác phẩm cho hàng sơ cơ như *Ngũ giới quốc âm*, *Thập giới quốc âm*, *Nhị thập tứ uy nghi quốc âm* (tức *Uy nghi quốc ngữ*). Thế thì ba văn bản *Ngũ giới*, *Thập giới*, và *Uy nghi* được in trong giai đoạn đó. Còn ba văn bản khác thì có thể cũng được in cùng thời. Do chưa tìm ra được bản giấy in nên chưa biết thứ tự cũng như các văn bản này có đứng tự lập hay phụ thuộc các sách khác. Chúng tôi tự đóng thành một tập các văn bản để tiện nghiên cứu.

Trước hết, xin giới thiệu sơ từng văn bản. *Quốc âm ngũ giới* theo tờ 1a, dòng đầu ghi "Tại thế tục gia quốc âm ngũ giới" dòng tiếp theo để tên tác giả "Lân Giác sa di Như Như Trùng Trùng soạn" nghĩa là văn bản do tổ Như Trùng Như Trùng soạn. Văn bản có năm tờ, mỗi tờ hai

trang, mỗi trang chín dòng, mỗi dòng 20 chữ, khắc chân phương dễ đọc. Gáy sách để *Quốc âm ngũ giới* phía dưới đánh số tờ. Đây là văn bản diễn năm giới của hàng cư sĩ tại gia nên đến mỗi giới, sách cho sang dòng. Cuối văn bản là bài kệ hồi hướng bằng Hán văn gồm tám câu.

Bản thứ hai là *Quốc âm thập giới*. Bản này cũng do Lân Giác sa-di Như Như Trừng Trừng soạn, dựa trên cơ sở 10 giới xuất gia của hàng sa-di. Dòng đầu tiên để “Xuất gia sa-di quốc âm thập giới”, gáy sách để *Quốc âm thập giới*. Bản này cũng có năm tờ, trang trí, chữ viết khá giống bản trên. Đến mỗi giới thì cho sang dòng để phân biệt. Cuối văn bản cũng có bài kệ tám câu chữ Hán như bản trên.

Bản thứ ba là *Uy nghi quốc ngữ* chiếm 11 tờ. Dòng đầu tiên in tên sách, phía dưới ghi tác giả là “Như Thị hòa thượng giải”. Mỗi trang có bảy dòng, mỗi dòng trung bình 16 chữ, khắc chân phương, chữ viết rõ, rời, to hơn hai bản kia. Theo chư sơn Bồ Đà, Như Thị hòa thượng chính là sơ tổ Tính Ảnh tại bốn tự. Hành trạng của ngài còn chưa rõ nên đành nghiến cứu sau. Hòa thượng Như Thị dựa trên 24 thiên uy nghi để diễn sang thể thơ lục bát. Theo văn bản:

“Như Thị cũng dòng Chân Nguyên
Lịch triều pháp sự quốc ban rõ ràng
Cổ kim nay cũng đảm đang
Theo đòi dấu trước mở mang kim thi
Giải hai mươi bốn oai nghi
Để cho hậu học biết thi kính tôn”. (Câu 1-6)

Từ thông tin trên, ngài thuộc về dòng pháp của tổ Chân Nguyên. Theo kệ phái, ngài ở chữ “Tính” thì gọi Thiền sư Chân Nguyên bằng sư ông. Và ngài đã:

“Như Như tổ diễn đã lâu
Như Thị lại giải nối sau để truyền”.

Như Như ở đây là chỉ tổ Như Trừng Lân Giác và tổ Như Thị kế thừa cách giải để truyền cho bậc hậu lai. Nhiều người cho Như Trừng đã giải 24 thiên Uy nghi rồi, sau đó được Như Thị giải lại. Thực chất, Như Trừng giải ngũ giới, thập giới mà ta nói ở trước. Ngài Như Thị mới theo đó giải tiếp 24 thiên uy nghi để làm cơ sở cho người mới xuất gia. Đây là văn bản được sử dụng học thuộc lòng khi vị nào mới xuất gia tại miền Bắc cũng như ở Trung Nam thuộc lòng bộ luật tiểu.

Bản thứ tư là *Sa-di-ni học pháp uy nghi quốc âm* do Từ Trầm lão nhân dịch Quốc ngữ. Bản này chiếm sáu tờ, mỗi tờ hai trang, mỗi trang tám dòng, mỗi dòng chia đôi trên khắc sáu chữ, dưới khắc tám chữ tức theo lối in thể thơ lục bát. Chữ khắc in uyển chuyển khá giống với lối chữ đời Hậu Lê. Có thể mộc bản dựa vào bản giấy cũ rồi đập lên in lại nên con chữ không khác với bản ban đầu. Văn bản dựa vào tư liệu “Sa-di-ni uy nghi” mà trong đó lấy 70 việc của sa-di-ni (Thất thập sự uy nghi) để diễn. Tác giả là Thiền sư Tính Quảng Thích Điều Điều có hiệu là Từ Trầm lão nhân. Cuối văn bản có một bài kệ tứ tuyệt cũng bằng chữ Nôm, rồi đến chữ “Thì” thì không thấy chữ. Có thể mộc bản bỏ qua năm khắc in lần trước.

Bản thứ năm là bản *Bát kính pháp phương ngôn*. Bản này gồm năm tờ, kể cả bài tựa viết bằng Hán văn và bài *Cổ đức khuyến niệm Phật phương ngôn kệ*. Nội dung được in theo thể thơ lục bát giống với bản trên. Theo bài tựa, thiền sư Tính Quảng dựa vào *Hội chính ký* để dịch *Bát kính pháp*. Nhận thấy trong giai đoạn này nhiều nữ tu xuất gia mà tư liệu học tập ít nên tổ từ bị đứng ra diễn Nôm. Bài tựa viết vào năm Canh Hưng thứ năm (1744) và sau bài tựa là lời của người khắc ván in lại cho biết năm Canh Thân (1800) Thiền sư Tịch Đế ở chùa An Tàng (hoặc Yên Tàng) huyện Hiệp Hòa thấy được văn bản *Bát kính* mà trên này chưa có nên ủy thác cho đệ tử Diệu Khoa chùa Cầu Hiền đứng in. Như thế, bản ván chùa Bồ có thể sử dụng lại bản in chùa An Tàng để khắc ván nên qua hai ba lần in vẫn còn giữ nguyên vẹn con chữ khắc của bản in đợt đầu vào năm 1744.

Bản cuối cùng là *Sự lý dung thông*. Văn bản chiếm sáu tờ, mỗi tờ hai trang, mỗi trang bảy dòng, mỗi dòng trung bình 16 chữ, khắc chân phương rõ đẹp. Theo các nhà nghiên cứu, *Sự lý dung thông* hay *Lý sự dung thông* là tác phẩm của Thiền sư Minh Châu Hương Hải. Hiện chúng tôi có viết một bài nghiên cứu về *Lý sự dung thông*⁴. Lúc đó, chúng tôi chỉ tìm được hai bản, một bản mang kí hiệu AB177 của Viện Nghiên cứu Hán Nôm và một bản trong *Lễ tụng hành trì tập yếu chư nghi* (còn gọi là *Nhật tụng chùa Yên Ninh*). Do đối chiếu hai bản, chúng tôi nhận thấy bản AB177 chữ Nôm cổ hơn bản Yên Ninh nên đưa ra nhận định là nên dùng bản AB177 để phiên âm cho tác phẩm. Lần công bố đó, chúng tôi chưa tìm ra mộc bản văn bản này nên nhân đây xin bổ sung. Bản này tuy in ra trong thời Nguyễn nhưng nó cố gắng sao chép gần như nguyên với bản ban đầu. Đối chiếu sơ bộ với bản AB177, chữ Nôm trong hai bản hầu như giống nhau về mặt cấu tạo chữ. Do đó, bản này với bản AB177 tương đương như nhau. Điểm khác là tiêu đề, bản này ghi *Sự lý dung thông* giống với bản Yên Ninh, còn bản AB177 ghi *Lý sự dung thông* giống với *Ngũ lục* tổ sư Minh Châu Hương Hải. Tiếc rằng cả ba bản Nôm đều không ghi tên tác giả nên nhiều người dễ cho vào văn bản khuyết danh.

Sơ khảo các bản về nguồn gốc, chúng được soạn và in ấn vào thời Hậu Lê. Các tác giả như Minh Châu Hương Hải, Như Trừng Lân Giác, Tính Quảng, Như Thị Tính Ảnh đều là những tác gia lớn thuộc văn học Phật giáo giai đoạn Trịnh Nguyễn phân tranh. Năm văn bản đầu thuần về Luật học là chính, bản *Lý sự dung thông* đi sâu về triết lý. Tình hình lúc này, Phật giáo phát triển khá mạnh nhưng nhiều tệ nạn trong chốn thiền môn chưa được chú trọng nên các cao tăng như Chân Nguyên, Như Trừng luôn canh cánh nỗi lòng muốn phục hưng luật học. Chân Nguyên soạn *Đẳng đàn thụ giới*; Như Trừng với hai bản Nôm *Quốc âm Thập giới* và *Ngũ giới*, Như Thị với *Uy nghi quốc ngữ*. Như Trừng còn cử một học trò là Tính Tuyển sang Trung Quốc học thông luật

tứ phần về truyền tại Việt Nam. Tổ Tính Tuyển có soạn bản *Tứ Phần luật duyên khởi* để giải thích bằng chữ Nôm nguyên do 250 giới của Tỳ-kheo. Tính Quảng thì soạn cho bên chữ Ní như bản *Sa-di-ni học pháp uy nghi, Ni bát kính pháp phương ngôn*. Sau này, Thiền sư Đạo Nguyên Khoan Dục còn diễn *Qui sơn cảnh sách* sang chữ Nôm theo lối thơ dân tộc.

Nhờ phát hiện một bản bốn văn bản *Quốc âm Ngũ giới, Thập giới, Uy nghi và Sự lý dụng thông*, chúng ta mới có điều kiện đối chiếu một số văn bản Nôm trong bộ *Lễ Tụng Hành trì tập yếu chư nghi* của Thiền sư Phổ Tiến Thanh Lịch⁵. Theo sử liệu, Phổ Tiến Thanh Lịch kiêm nhiệm trụ trì hai chùa Bồ Đà và Yên Ninh nên sư có ảnh hưởng khá lớn đối với sơn môn Bồ Đà. Theo các tư liệu có được tại Bồ Đà, sư về dưới Yên Ninh tự mình soạn bộ *Hành trì tập yếu chư nghi* dùng trong đời sống hằng ngày của người xuất gia như tụng niệm, hành trì tu tập để cho có sự thống nhất giữa các chùa trong sơn môn. Trong đó, ở phần thứ hai *Hành trì tập yếu chư nghi*, ngài đã đưa vào bốn văn bản Nôm mà chúng tôi đã trích dẫn. Trong lần đưa các văn bản Nôm này vào, sư đã có sự chỉnh sửa câu chữ cho đến cấu trúc chữ Nôm để thích hợp đương thời. Có được nhận định này là do công tác đối chiếu văn bản của chúng tôi. Các bản đối chiếu sẽ khảo sát ở trong một số bài nghiên cứu riêng biệt nên đành ghi lại kết luận đợi sau sẽ công bố rõ ở mỗi văn bản. Không biết lý do gì mà Thanh Lịch bỏ đi bản *Ni bát kính pháp phương ngôn* và sư đã thêm vào một bài *Qui nhất diệu chỉ*. Có thể bài này của sư chăng?

Tóm lại, việc phát hiện sáu văn bản Nôm của Phật giáo được khắc ván tại chùa Bồ Đà đã mở cho giới nghiên cứu có thêm một số tư liệu văn học. Cả sáu bản Nôm đều được sáng tác giai đoạn thế kỷ XVIII, giai đoạn có nhiều biến động trong dòng chảy của dân tộc. Khi quá trình nghiên cứu văn bản học được chú trọng thì công tác công bố các bản Nôm này mới có giá trị thật sự. Cả sáu bản đều trung thực với bản in đợt đầu nên về mặt cấu tạo chữ Nôm cũng như từ cổ trong văn bản được bảo tồn nguyên vẹn. Đây là một cơ sở để nghiên cứu về ngôn ngữ học tiếng Việt thế kỷ XVIII cũng như nền Văn học Phật giáo trong giai đoạn Lê Trịnh.

Chú thích:

1. Chưa nói, sơn môn Bồ Đà còn có chi nhánh tại chùa Yên Ninh (Nam Sách, Hải Dương). Ở chùa này còn có các bộ *Khóa hư lục, Nhật tụng Yên Ninh, Viên Giác cận sở*,...
2. Chúng tôi ngờ rằng chúng sẽ được đóng sau bộ *Nhật tụng*.
3. Ngay cả Đại đức Tục Vinh trụ trì chùa Bồ cũng ngạc nhiên khi chúng tôi trình bày về ván khắc các bản Nôm này, chưa nói đến hai bộ ván *Thiền lâm bảo huấn, Hộ pháp luận giải âm* của Hòa thượng Phúc Điền lại được tàng trữ tại đây. Đúng ra nó phải nằm về chùa Bồ Sơn thì mới đúng nơi trân tàng. Có thể Bồ Sơn Đại Giác tự bị hư hại thời chiến tranh nên các tổ mang về trú tại đây.
4. Đồng Dương, *Văn bản Lý sự dụng thông*, tạp chí Văn hóa Phật Giáo, số 119.
5. Bộ này gồm hai phần Lễ tụng và Hành trì. Phần thứ hai Hành trì có giá trị nghiên cứu hơn.
6. Văn bản nằm từ tờ 220a-223a4 của tập sách. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2012

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2012, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 38 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải, Chùa Báo Ân	: 12 cuốn/kỳ
Có Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hòa	: 7 cuốn/kỳ
Có Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khởi	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng, CTCP. ThaiHa Books	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Có Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
Có Nguyễn Kim Sơn, Q. 2	: 5 cuốn/kỳ
Có Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết	: 5 cuốn/kỳ
Có Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thủy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền, CT TNHH Cơ khí Mễ Linh	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ

CT TNHH SXTM	
Nén Hạnh Phúc, Q. BT	: 2 cuốn/kỳ
Có Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q. 6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Có Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Có Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **413 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập

Bệnh người xuất gia

THIỆN NĂNG

Trong số các đệ tử đầu tiên của Đức Phật, Tôn giả Xá Lợi Phất (*Sàriputta*) là vị Tỷ-kheo được nhiều người kính trọng và thương quý, do Tôn giả có trí tuệ siêu việt, đặc biệt là do thái độ ân cần đối với các Tỷ-kheo trẻ¹. Tôn giả có công chăm nom dạy dỗ các Tỷ-kheo mới nhập đạo, được xem là “sinh mẫu” (*janetti*) của Tăng chúng lúc bấy giờ². Đã là mẹ (sinh mẫu) thì phải hết lòng chăm lo cho con cái của mình, không để chúng phải thiếu thốn đói khát, nhất là không để chúng rơi vào ốm đau bệnh tật. Người xuất gia chấp trì nếp sống tri túc nên không bận lòng nhiều về cái ăn cái mặc, chỉ quan ngại tình trạng ốm đau bệnh tật, nhất là tâm bệnh (*cetoroga*). Tôn giả Sàriputta rất am tường về thế giới nội tâm³, có thể giúp chẩn mạch các loại tâm bệnh cho các Tỷ-kheo⁴. Người xuất gia còn trẻ người non dạ thường hay mắc phải các chứng tật gì, Tôn giả là người biết rất rõ.

Một hôm, giảng dạy cho các Tỷ-kheo tân học, Tôn giả nói đến một số tâm lý không chính đáng (*pāpaka-icchana*) đôi khi phát sinh ở người xuất gia, được xem như các mầm bệnh (*roganidda*) làm ô nhiễm tâm thức, đồng thời phát tán ra bên ngoài tạo nên các hệ quả không lành mạnh khiến ảnh hưởng đến môi trường chung quanh. Đó là bệnh không tâm quý, cố tình che giấu lỗi lầm; bệnh sợ bị chỉ trích trong trường hợp vi phạm giới luật; bệnh ưa nổi danh, thích ăn trên ngồi trước; bệnh muốn được mọi người biết đến, muốn được mọi người tôn trọng, muốn được mọi người cúng dường... Đó là các loại tâm bệnh, lưu xuất từ lối suy nghĩ không chính đáng hay ác dục vọng (*pāpaka-icchana*), bị kích thích bởi tham dục và bị ám ảnh bởi ngã tưởng hay tâm vị kỷ hẹp hòi. Nguyên văn các phân tích của Tôn giả Sàriputta:

"Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: 'Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng các Tỷ-kheo chớ có biết ta đã phạm giới tội.' Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo có thể biết được Tỷ-kheo ấy đã phạm giới tội. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: 'Các Tỷ-kheo đã biết được ta đã phạm giới tội.' Do đó, vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế."

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: 'Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng các Tỷ-kheo hãy quở trách ta ở chỗ kín đáo, không phải ở giữa Tăng chúng.' Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo quở trách Tỷ-kheo ấy ở giữa Tăng chúng, không phải ở chỗ kín đáo. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: 'Các Tỷ-kheo quở trách ta ở giữa Tăng chúng, không phải ở chỗ kín đáo.' Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế."

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: 'Nếu ta có phạm giới tội, mong rằng một Tỷ-kheo đồng đẳng hãy quở trách ta, chớ không phải một vị không đồng đẳng.' Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo không đồng đẳng quở trách Tỷ-kheo ấy, không phải một Tỷ-kheo đồng đẳng. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: 'Một Tỷ-kheo không đồng đẳng quở trách ta, không phải một Tỷ-kheo đồng đẳng.' Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế."

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: 'Mong rằng bậc Đạo Sư hãy hỏi ta nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo. Mong rằng bậc Đạo Sư không hỏi Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo.' Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: bậc Đạo Sư hỏi một Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo, bậc Đạo Sư không hỏi Tỷ-kheo ấy nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: 'Bậc Đạo Sư hỏi một Tỷ-kheo khác nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo. Bậc Đạo Sư không hỏi ta nhiều lần trong khi giảng pháp cho chúng Tỷ-kheo.' Do đó, vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế."

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: 'Mong rằng các Tỷ-kheo hãy để ta đi trước trong khi vào làng để dùng cơm. Mong rằng các Tỷ-kheo không để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm.' Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm, các Tỷ-kheo không để Tỷ-kheo ấy đi trước trong khi vào làng để dùng cơm. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: 'Các Tỷ-kheo để một Tỷ-kheo khác đi trước trong khi vào làng để dùng cơm, các Tỷ-kheo không để ta đi trước trong khi vào làng để dùng cơm.' Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế."

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: 'Mong rằng tại chỗ ăn, ta được chỗ ngồi

tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất. Mong rằng Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất.' Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất; còn Tỷ-kheo ấy tại chỗ ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: 'Một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất. Tại chỗ ăn, ta không được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất.' Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế."

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: 'Mong rằng tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, ta sẽ thuyết tùy hỷ pháp, không phải Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, sẽ thuyết pháp tùy hỷ pháp.' Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, thuyết tùy hỷ pháp; Tỷ-kheo ấy tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, không thuyết tùy hỷ pháp. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: 'Một Tỷ-kheo khác tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, thuyết tùy hỷ pháp. Ta tại chỗ ăn, sau khi ăn xong, không thuyết tùy hỷ pháp.' Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế."

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: 'Mong rằng, ta sẽ thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá, chớ không phải một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá. ... Mong rằng, ta sẽ thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni. ... ta sẽ thuyết pháp cho các Nam cư sĩ... ta sẽ thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá, chớ không phải một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá.' Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá; còn Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp cho các Tỷ-kheo tụ tập tại ngôi tịnh xá. ... một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo. ... Tỷ-kheo Ni. ... Nam cư sĩ. ... Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá; còn Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp cho các Tỷ-kheo. ... Tỷ-kheo Ni. ... Nam cư sĩ. ... Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: 'Một Tỷ-kheo khác thuyết pháp cho các Tỷ-kheo. ... Tỷ-kheo Ni. ... Nam cư sĩ. ... Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá; còn ta không thuyết pháp cho các Tỷ-kheo. ... Tỷ-kheo Ni. ... Nam cư sĩ. ... Nữ cư sĩ tụ tập tại ngôi tịnh xá.' Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Này Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế."

Này Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: 'Mong rằng các Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta; các vị Tỷ-kheo chớ có cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác. ... Mong rằng các Tỷ-kheo-ni. ... các Nam cư sĩ. ... các Nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta. Các Nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác.' Này Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: các Tỷ-kheo. ... các Tỷ-kheo Ni. ... các Nam cư sĩ. ... các Nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác; các Tỷ-kheo không cung kính,

tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy; các Tỷ-kheo... các Tỷ-kheo Ni... các Nam cư sĩ... các Nữ cư sĩ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác, các Tỷ-kheo... các Tỷ-kheo Ni... các Nam cư sĩ... các Nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường Tỷ-kheo ấy. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: "Các các Tỷ-kheo... các Tỷ-kheo Ni... các Nam cư sĩ... các Nữ cư sĩ cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường một Tỷ-kheo khác; các các Tỷ-kheo... các Tỷ-kheo Ni... các Nam cư sĩ... các Nữ cư sĩ không cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ta". Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế.

Nay Hiền giả, sự tình này xảy ra, ở đây, một Tỷ-kheo có thể khởi lên ý muốn như sau: 'Mong rằng ta nhận được các y phục tối thắng; Tỷ-kheo khác không nhận được các y phục tối thắng... Mong rằng ta nhận được các đồ ăn khát thực tối thắng... các sàng tọa tối thắng... các dược phẩm trị bệnh tối thắng; Tỷ-kheo khác không nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng'. Nay Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra: một Tỷ-kheo khác nhận được các y phục tối thắng; Tỷ-kheo ấy không nhận được các y phục tối thắng... một Tỷ-kheo khác nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng; còn Tỷ-kheo ấy không nhận được các dược phẩm trị bệnh tối thắng. Tỷ-kheo này nghĩ rằng: 'Một Tỷ-kheo khác nhận được y phục tối thắng... các dược phẩm trị bệnh tối thắng; còn ta không nhận được y phục tối thắng... các dược phẩm trị bệnh tối thắng'. Do đó vị này trở thành phần nộ và bất mãn. Nay Hiền giả, phần nộ và bất mãn, cả hai thuộc về cấu uế⁵.

Các phân tích của Tôn giả Sàriputta cho thấy tâm phần nộ (*kopa*) và bất mãn (*appaccaya*) hay thái độ giận dữ bức phẫn là hệ quả của ác dục vọng (*pāpaka-icchana*) hay lòng ham muốn bất thiện (*akusala-icchana*) không được đáp ứng hay không được thỏa mãn. Nó là sự bùng vỡ của các loại tâm bệnh mà Sàriputta đã chỉ ra. Kinh Phật gọi người xuất gia có các phản ứng phần nộ giận dữ như vậy là "bị mục nát bên trong", nghĩa là kẻ ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, có những hành vi đáng nghi ngờ, có những hành động che đậy, không phải Sa-môn nhưng hiện tướng Sa-môn, không phải Phạm hạnh nhưng hiện tướng Phạm hạnh, nội tâm bị hủ bại, ứ đầy dục vọng, là một đồng rác bẩn⁶, đáng ghê tởm, không nên gần gũi, không nên thân cận.⁷

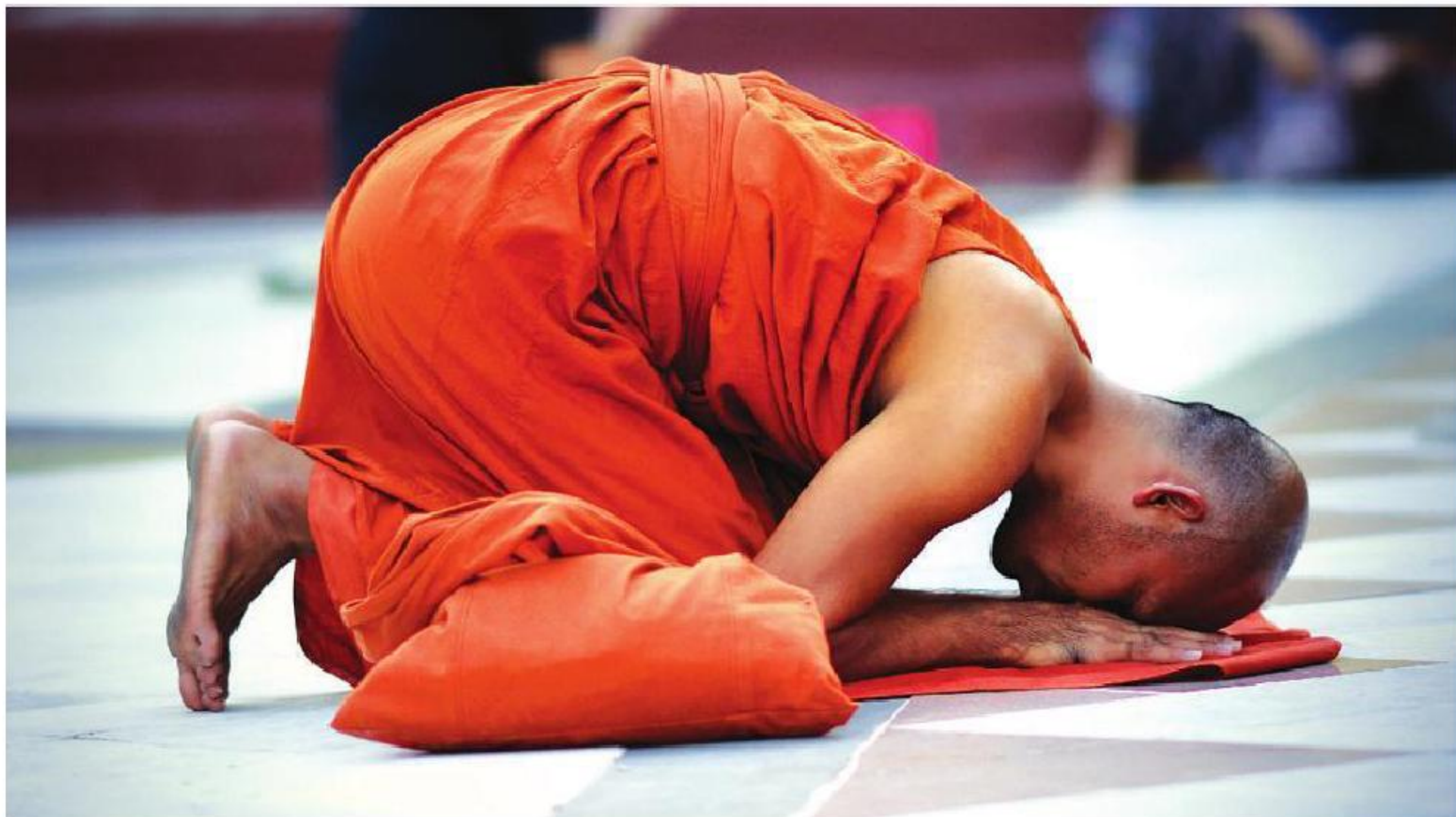
Để ngăn tránh các loại tâm bệnh như trên, Tôn giả Sàriputta gợi nhắc các Tỷ-kheo phải luôn luôn tập trung dò xét chính mình để nhận ra nội tâm mình có cấu uế hay không. Đây chính là cách giúp cho người xuất gia diệt trừ cấu uế nội tâm (*ajjhatta-angana*), cũng đồng nghĩa với việc loại bỏ các hệ quả ô uế phát tán ra bên ngoài, tức các ác dục vọng hay các ý tưởng tham muốn bất chính (*pāpakāni-icchanāni*) phát sinh ở nội tâm kéo theo sự phần nộ (*kopa*) và bất mãn (*appaccaya*) do không đạt được các ý muốn bất chính. Vị Tỷ-kheo phải thường xuyên quán sát tâm mình, xem nó là thiện hay bất thiện để có cách thái ứng xử cho đúng pháp. Nếu tâm thức là thiện, nghĩa là những suy nghĩ hay tư duy sinh khởi và vận hành không có bóng

dáng tham dục, sân hận hay tà kiến đi kèm, thì nên nuôi dưỡng và phát triển loại tâm thức như vậy. Trái lại, nếu nó là bất thiện, tức là những tư tưởng hay ý nghĩ gắn liền với dục vọng, sân hận hay tà kiến, thì cần phải nỗ lực tìm mọi cách xua đuổi và loại trừ ngay dòng tâm thức ấy⁸. Đạo Phật gọi phương pháp tu tập như vậy là "chú tâm cảnh giác" (*jāgariya-yānuyoga*), "đỉnh chỉ tư duy" (*vitakkasanthana*)⁹, "sự trừ diệt" (*vinodana*)¹⁰ hay "kỷ luật tự nội" (*ajjhattasīla*), tức chú tâm theo dõi tâm thức của mình, không để cho các ý tưởng bất thiện như dục, sân, hại hay tà kiến dấy khởi làm ô uế tâm thức. Đây là cách thức phòng hộ và luyện tập tâm, khiến cho tâm thức không bị ô nhiễm bởi các pháp bất thiện, không rơi vào ốm đau bệnh tật, trở nên trong sáng, hiền thiện, khỏe mạnh, dần dần đạt đến an trú, an tịnh, định tĩnh, nhất tâm.

Tóm lại, người xuất gia có thể mắc phải một số các chứng bệnh gắn liền với môi trường sinh hoạt đặc trưng của mình gọi là "bệnh người xuất gia", như bệnh không tầm quý; bệnh cố tình che giấu lỗi lầm; bệnh sợ người khác chỉ trích trong trường hợp vi phạm giới luật; bệnh ưa nổi danh, thích ăn trên ngồi trước; bệnh muốn được mọi người biết đến, muốn được mọi người tôn trọng, muốn được mọi người cúng dường... Đó là các loại tâm bệnh hay các cấu uế nội tâm phát sinh do ác dục vọng hoặc do tập quán thiên nặng về tự ngã hay ngã tưởng. Chúng làm ô uế tâm thức người xuất gia và khi có điều kiện thì phát tán ra bên ngoài làm ô nhiễm môi trường chung quanh, gây tổn hại đến người khác. Chúng cần được nhận diện và chữa trị kịp thời bằng phương pháp thích hợp. Người xuất gia thực hành nếp sống tự lợi và lợi tha nên tuyệt nhiên phải thường xuyên xem xét và uốn nắn các hành vi hay việc làm của mình, đặc biệt là phải theo dõi và chữa trị tâm thức của mình, không để nó rơi vào xấu ác nhiễm ô, ốm đau bệnh tật gây tổn hại cho tự thân và ảnh hưởng không hay đến người khác. Khi người xuất gia chuyên tâm theo dõi và chữa trị tâm thức theo cách như vậy thì dần dần vị ấy thoát khỏi các loại tâm bệnh, không còn ác dục vọng, tâm tư trở nên trong sáng, lành mạnh, không cấu uế, có thể vận dụng năng lượng thanh tịnh sáng suốt của nó để làm mọi việc lợi ích cho mình và lợi lạc cho cuộc đời.

Chú thích:

1. Kinh Cunda, *Tương Ưng Bộ*.
2. Kinh Phân biệt về sự thật, *Trung Bộ*.
3. Kinh Bất đoan, *Trung Bộ*.
4. Kinh Anuruddha, *Tăng Chi Bộ*.
5. Kinh Vô uế, *Trung Bộ*.
6. Kinh Khúc gỗ, *Tương Ưng Bộ*.
7. Kinh Đáng ghê tởm, *Tăng Chi Bộ*; Kinh Tư lượng, *Trung Bộ*.
8. Kinh Song tầm, Kinh An trú tầm, *Trung Bộ*; Kinh Kê lặc vàng, *Tăng Chi Bộ*.
9. Kinh Đỉnh chỉ tư duy hay An trú tầm, *Trung Bộ*.
10. Kinh Tất cả lậu hoặc, *Trung Bộ*. ■



Thuận tánh khởi tu

NGUYỄN THẾ DẰNG

1 Thế nào là Thuận tánh khởi tu?

Thuận tánh khởi tu là một thành ngữ được dùng nhiều trong Thiền tông, và nói chung, trong kinh luận Đại thừa.

Thuận tánh là y vào tánh, ở nơi tánh, ở trong tánh, làm theo tánh. Tánh là bản tánh, pháp tánh, tánh Không, Như Lai tạng tánh, tánh Giác, Phật tánh... Thuận tánh khởi tu là y theo tánh mà khởi hạnh tu. Ý nghĩa này còn được diễn tả bằng những thành ngữ như Xứng tánh khởi tu, Xứng pháp hạnh (*Thiếu Thất lục môn*), tùy thuận tánh Giác (*Kinh Viên giác*), an trụ tánh Giác, xứng tánh làm Phật sự (*Kinh Nhật tụng*), thuận tánh khởi tu, thuận tánh khởi dụng (*Thiền sư Hàm Thị giảng Kinh Lăng-già*)...

Tánh này phần mở đầu của *Kinh Viên giác* gọi là “nhân địa bản khởi pháp hạnh thanh tịnh của chư Như Lai... Đó cũng là giác địa thanh tịnh của tất cả chúng sanh: thân tâm tịch diệt, vốn rốt ráo bình đẳng, tròn đầy khắp mười phương, tùy thuận bất nhị”.

Nghĩa là nền tảng tu hành lúc bắt đầu của chư Như

Lai là tánh Viên giác vốn thanh tịnh, bản tánh bình đẳng, tròn đầy khắp mười phương, “chưa từng có đầu cuối, sanh diệt, trước sau, có không, tự tán, khởi dùng, chưa từng có sự khởi diệt của sanh tử và Niết-bàn” (chương *Kim cương tạng*). Đó cũng là nền tảng tánh Giác vốn sẵn đủ và thanh tịnh (giác địa thanh tịnh) của tất cả chúng sanh.

Kinh Hoa nghiêm thường dùng chữ “tùy thuận”, “an trụ”: “Khiến tư duy, an trụ tự tánh của các pháp”, “tin được, thọ được, biết rõ được, có thể xu nhập, quán sát, tu tập tùy thuận, rời các phân biệt, rốt ráo bình đẳng” (chương *Nhập Pháp giới*).

Kinh Duy-ma-cật nói: “Thuận là Bồ đề, vì tùy thuận Chân Như vậy”.

Kinh Viên giác nói tu Chỉ, Quán và Chỉ Quán song tu đều y vào tánh Giác:

“Thiện nam tử! Diệu giác vô thượng, hiện hữu khắp mười phương, xuất sanh chư Như Lai và tất cả các pháp. Trong tánh Giác đồng thể bình đẳng ấy, nơi các pháp môn tu hành thật không có hai, mặc dù phương tiện

tùy thuận thì có vô số. Gồm lại thì có ba pháp môn”.

Ở đây chỉ trích pháp thứ ba là Chỉ Quán song tu, tức Thiền-na:

“Thiền nam tử! Các Bồ-tát ngộ tánh Viên giác thanh tịnh thì y vào tâm giác thanh tịnh này, chẳng nắm giữ sự huyền hóa (pháp Quán) và các tướng tĩnh (pháp Chỉ). Rõ biết thân tâm đều là ngăn ngại, còn tánh Giác sáng tỏ không phân biệt thì không bị ngăn ngại, vĩnh viễn siêu vượt khỏi mọi cảnh giới chướng ngại và không chướng ngại. Nó vẫn thọ dụng tướng thế giới và thân tâm ở nơi trần thế (mà không bị ngăn che ràng buộc), như tiếng boong của chuông, tuy ở nơi chuông mà vẫn thoát ra ngoài.

Bấy giờ, phiền não cùng Niết-bàn đều chẳng lưu ngại nhau, bên trong phát ra tịch diệt khinh an. Đó là cảnh giới tùy thuận Diệu giác tịch diệt: thân tâm, mình người, hoàn toàn chẳng có; chúng sanh, thọ mạng đều là ý tưởng hão huyền. Phương tiện này gọi là Thiền-na”.

Lục Tổ Huệ Năng nói tu hành là tu ngay nơi tự tánh “vốn tự thanh tịnh, vốn chẳng sanh diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không động lay” mà “người đời ai cũng vốn tự có” này. Tự tánh ấy là “nhân Bồ-đề thành Phật”:

Tự tánh Chân như là chân Phật
Ba độc tà kiến là ma vương
Hễ lúc tà mê, ma chiếm chỗ
Còn khi chánh kiến, Phật tại nhà.
Trong tánh, thấy tà ba độc sanh
Ấy là ma vương vào trụ xá
Chánh kiến tự trừ ba độc tâm
Ma biến thành Phật, quả không giả.
Pháp thân Báo thân và Hóa thân
Ba thân xưa nay vốn Một Thân
Nếu nhìn vào tánh tự thấy được
Tức là nhân Bồ-đề thành Phật.

Tu hành là tương đương, tương ứng với tánh. Muốn như thế phải bỏ lỗi lầm phiền não chướng ngại của mình thì cùng Tánh hay Đạo tương ứng:

Tà đến phiền não đến
Chánh đến phiền não trừ
Chánh tà đều chẳng dụng
Thanh tịnh đến Vô dư.
Bồ-đề vốn tự tánh
Khởi tâm tức là vọng
Tâm tịnh trong chỗ vọng
Thuần chánh, không ba chướng.
Người đời nếu tu đạo
Hết thấy không chướng ngại
Thường tự thấy lỗi mình
Bèn cùng Đạo tương ứng.

Khi đã tương ứng với tánh, thấy được tánh là thế nào, thì an trụ vào trong tánh ấy và tu tập những pháp môn trợ đạo để tánh càng ngày càng hiển lộ, sáng sạch, rõ ràng hiển nhiên. Điều cần thấu hiểu là những pháp môn đều không lìa khỏi tánh. Những pháp môn ấy không phải là những cái giả lập tạm thời và ở ngoài tánh để tu tánh, mà

chúng là những phương tiện, những ứng dụng, những biểu lộ thành hình tướng của chính tánh. Nếu pháp môn là những phương tiện và Tánh là cứu cánh thì phương tiện không phải là cái để đạt đến cứu cánh, mà ngay nơi phương tiện là cứu cánh. Phương tiện khai mở đến đâu thì tánh khai mở, hiển lộ đến đó. Như thế phương tiện chính là cứu cánh, pháp môn phương tiện chính là Tánh.

Đại Toàn thiện (Dzogchen, Ati Yoga) của Ấn-Tạng quan niệm Phật pháp gồm Nền tảng, Con đường, và Quả. Nền tảng là Tánh. Con đường được thiết lập ở trên tánh hay trong tánh, do đó con đường không phải là cái gì tạm thời giả lập ngoài tánh, mà con đường là sự triển khai của tánh trong cuộc đời của hành giả. Khi tánh triển khai trọn vẹn, con đường triển khai trọn vẹn thì đó là Quả. Quả là Nền tảng triển khai trọn vẹn bằng và qua Con đường. Nói cách khác, Nền tảng là Phật tánh, Con đường là Phật tánh và Quả là Phật tánh. Đó là sự toàn thiện của cả ba không phân chia.

“Ba lời tuyên bố nhắm vào những điểm thiết yếu” của Garab Dorje, sơ tổ của Đại Toàn thiện là:

1. Người ta được đưa trực tiếp vào bản tánh của chính mình (tánh Giác)
2. Người ta quyết định dứt khoát liên tục ở trong trạng thái tánh Giác này.
3. Người ta liên tục trực tiếp tin vào giải thoát (của tánh Giác).

Luận Đại thừa Khởi tín của Bồ-tát Mã Minh cũng chỉ dạy thực hành các pháp môn theo quan điểm “thuận tánh khởi tu” như vậy. Lý do sử dụng các pháp môn phương tiện là như sau:

“Chúng sanh cũng vậy, tuy sẵn có thể tánh Chân như rõ ràng thanh tịnh, nhưng còn bị vô lượng phiền não làm nhiễm ô. Nếu hành giả chỉ niệm Chân như mà không dùng đủ thứ phương tiện huân tu thì cũng chẳng được thanh tịnh. Vì phiền não nhiều vô lượng, làm nhiễm ô tất cả pháp, cho nên phải tu tất cả thiện hạnh để đối trị. Nếu người ta tu hành tất cả thiện pháp thì tự nhiên thuận về tánh Chân như của mình”.

Tất cả các pháp môn – kể cả niệm Phật – đều y vào tánh Chân như. Các pháp môn phương tiện là sự triển khai của tánh, sự khai mở của tánh nơi thân tâm hành giả. Chúng ta trích “thuận tánh khởi tu” chỉ trong sáu ba-la-mật:

“Vi biết pháp tánh vốn không có tham lam bòn sẻ, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Bồ thí ba-la-mật. Vi biết pháp tánh vốn không có ô nhiễm, thoát khỏi các lỗi năm dục, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Trì giới ba-la-mật. Vi biết pháp tánh vốn không có khổ, lìa hẳn giận dữ, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật. Vi biết pháp tánh vốn không có tướng thân tâm, xa lìa hẳn giải đãi, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Tinh tấn ba-la-mật. Vi biết pháp tánh vốn thường định, không có loạn động, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Thiền định ba-la-mật. Vi biết pháp tánh vốn sáng tỏ, lìa hẳn vô minh, nên tùy thuận pháp tánh tu hành Trí huệ ba-la-mật”.

Chữ ba-la-mật (paramita) có nghĩa là hoàn thiện, rốt ráo, đến bờ bên kia, giải thoát. Bồ thí ba-la-mật là bồ thí hoàn toàn, rốt ráo, đến bờ bên kia, giải thoát. Đó là sự bồ thí mà y vào tánh, tương ứng với tánh, ở trong tánh, bởi vì chỉ có như vậy mới hoàn toàn, rốt ráo, đến bờ bên kia, giải thoát. Vì chỉ ở trong tánh thì mới được tam luân không tịch: không có người cho, không có người được cho, không có vật cho. Năm ba-la-mật kia cũng thế, hành động xứng với tánh, ở trong tánh thì được gọi là ba-la-mật.

Bồ-tát đạo là sự tích tập công đức và trí huệ đồng thời. Lấy ví dụ ở Bồ thí ba-la-mật thì tùy thuận pháp tánh (tánh Không) là tích tập trí huệ. Tùy thuận tánh Không không có nghĩa là không làm gì cả, mà tùy thuận tánh Không đồng thời vẫn bồ thí, trong hành động bồ thí. Bồ thí là tích tập công đức. Như vậy sự tích tập trí huệ và tích tập công đức xảy ra đồng thời. Đó gọi là phước huệ song tu.

Nói rộng ra, “tịnh Phật quốc độ, thành tựu chúng sanh” là công đức của Bồ-tát, công hạnh này không lìa sự tùy thuận tánh Không. Như vậy, thuận tánh khởi tu hay thuận tánh khởi hạnh là đặc điểm của con đường Bồ-tát: thuận tánh hay tùy thuận tánh Không là sự tích tập trí huệ đi liền với khởi tu hay khởi hạnh là sự tích tập công đức. Cả hai sự tích tập này hoàn thành viên mãn là thành Phật.

2 Con đường thuận tánh khởi tu

Luận Đại thừa Khởi tín có nói về điều này. Mà thực ra, mọi kinh luận Đại thừa đều có nói về con đường hay những cấp độ tương ứng với tánh. Ở đây chúng ta học tập về con đường tùy thuận tánh theo Kinh Viên giác, chương Thanh tịnh huệ.

Trong tánh Viên giác, không có các cấp bậc tu chứng. Những cấp bậc tu chứng là do các mê lầm huyễn hóa diệt nhiều hay diệt ít mà thôi. Bởi vì rốt ráo trong tánh Viên Giác không có mê lầm huyễn hóa nào cả, như *Bá-nhã Tâm kinh* nói, “không có vô minh cũng không có sự diệt mất của vô minh”.

“Thiện nam tử! Trong tánh Viên giác không có tánh mà có tất cả các pháp, tùy thuận các duyên biến hiện ra mà không thủ, không chứng. Ở trong thật tướng không có Bồ-tát hay chúng sanh. Vì sao thế? Vì Bồ-tát, chúng sanh đều là huyễn hóa. Khi huyễn hóa diệt thì không có người thủ, người chứng, không có sự thủ chứng, ví như con mắt không bao giờ tự thấy chính nó. Tánh vốn tự bình đẳng chứ không có ai làm cho bình đẳng.”

Chúng sanh mê lầm điên đảo, chưa trừ diệt được hết thấy huyễn hóa, ở nơi vọng tưởng có công dụng trừ diệt, có tướng huyễn hóa đã diệt và chưa diệt. Trong sự tùy thuận Tịch diệt của Như Lai thì thật không có cảnh tịch diệt và người chứng tịch diệt”.

Người ta bắt đầu tùy thuận tánh Viên giác, bắt đầu thoát khỏi sanh tử huyễn hóa bằng cách thực hành trí huệ và làm những thiện hạnh để thoát ra khỏi “cái ta và cái của ta”. Đây là cấp độ người mới bắt đầu tu tùy thuận tánh Viên giác:

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay do vọng tưởng ra cái ta và yêu cái ta mà chẳng hề tự biết, niệm niệm sanh diệt, nên khởi ra thương ghét, tham đắm nắm dục. Nếu gặp thiện hữu chỉ dạy khiến khai ngộ tánh Viên giác thanh tịnh, thấy được sự sanh diệt vốn là nhọc mệt lo buồn.

Những người nào đoạn dứt được nhọc mệt lo buồn này, bèn hiểu được pháp giới thanh tịnh, nhưng đối với tánh Viên giác còn chưa được tự tại vì còn cái hiểu thanh tịnh kia tự làm chướng ngại. Đó gọi là Phàm phu tùy thuận tánh Giác” (*Bát Thập tín*).

Khi thấy ra thân tâm này là nhọc mệt lo buồn nhưng thật ra là huyễn hóa hư vọng, đồng thời nhận hiểu được tánh Viên giác thanh tịnh không có sanh lão bệnh tử, người ta bắt đầu từ bỏ những thứ huyễn hóa “ta và cái của ta” để hướng đến mục tiêu giải thoát và giác ngộ là tánh Viên giác. Sự từ bỏ này không phải là sự từ bỏ thân này, nhà cửa này, nghề nghiệp này, mà là sự từ bỏ trong tâm, sự từ bỏ những bám chấp vào chúng như là những cái thật duy nhất trên đời.

Hiểu được pháp giới thanh tịnh là kết quả của tích tập trí huệ làm cho tâm có phần thanh tịnh và cũng là kết quả của sự tích tập các thiện hạnh, tức là sự tích tập công đức.

Ở cấp bậc Thập tín này mới chỉ hiểu tánh Viên giác bằng ý thức, nghĩa là lơ mờ, chứ chưa thông hiểu được bằng trí, nghĩa là tánh Viên giác chưa hiện tiền. Nhưng nhờ có niềm tin tùy thuận tánh Viên giác và nhớ nghĩ đến nó, tham thiền về nó, hành động theo nó thì người ta dần dần đến gần nó, thấy nó gần gũi hơn. Thấy tánh Viên giác thực sự để thuận tánh khởi tu thực sự phải là người đã vào địa, tức là bước vào từng phần Pháp thân.

“Thiện nam tử! Những Bồ-tát thấy rằng cái hiểu này là chướng ngại, tuy đoạn trừ cái chướng ngại của sự hiểu (bằng ý thức) này, nhưng còn trụ nơi cái thấy có giác. Cái chướng ngại do có giác này vẫn là chướng ngại nên chẳng được tự tại. Đó gọi là Bồ-tát chưa nhập địa tùy thuận tánh Giác” (*Bát Tam hiển*).

Tuy đã hiểu phần nào tánh Viên giác thanh tịnh, nhưng cái hiểu này vẫn là cái hiểu của thức, còn nằm trong thức, nghĩa là cái hiểu của một chủ thể ý thức đối với một khách thể, chưa phải là cái thấu biết của trí không chủ thể khách thể. Vượt qua được cái chướng ngại do hiểu bằng thức phân biệt này, nhưng còn trụ nơi cái thấy có biết, có giác. Có giác nghĩa là vẫn có một chủ thể giác, do đó vẫn là chướng ngại, vẫn còn nằm trong thức phân biệt. Chưa nhập địa là chưa thực sự vào được căn bản trí hay vô phân biệt trí, hay tánh Viên giác.

Bởi vì tánh Viên giác không có chủ thể và khách thể, hay là ngã và pháp, nên Bồ-tát phải tu ba pháp Chỉ, Quán, Chỉ Quán song tu như được giảng ở chương *Uy Đức Tự Tại* để thấy tất cả ngã và pháp đều là huyễn hóa để tiêu tan những chướng ngại này hầu nhập vào tánh Viên giác vô ngã vô pháp.

Thực hành an trụ vào tánh Giác, đó là Thập trụ. Thực

hành các hạnh tương đồng với tánh Giác là Thập hạnh. Nương nơi tánh Giác đem trí huệ, lòng bi và công đức rải cho pháp giới và chúng sanh, đó là Thập Hồi hướng. Ba bậc này còn gọi là Tam hiển.

“Thiện nam tử! Có chiếu có giác (của một chủ thể) đều là chướng ngại, thế nên Bồ-tát thường giác mà không trụ, chủ thể chiếu và đối tượng được chiếu đồng thời tịch diệt. Ví như có người tự chặt đầu mình, đầu đã đứt thì không có người chặt đứt. Lấy cái tâm chướng ngại tự diệt các chướng ngại, chướng ngại đã diệt mất bèn không có người diệt chướng ngại.

Các kinh giáo như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu đã thấy mặt trăng thì biết rõ ngón tay chẳng hề là mặt trăng. Hết thấy lời dạy của Như Lai khai thị cho các Bồ-tát cũng lại như vậy.

Đây gọi là Bồ-tát đã nhập địa tùy thuận tánh Giác” (Bậc Thập địa)

Cái tỉnh giác thường ngày đạt đến chỗ không trụ, không trụ vào chủ thể đối tượng và vĩnh viễn như vậy thì đây chính là tánh Giác tịch diệt. Không có năng chiếu sở chiếu, năng giác sở giác, đây là tánh Giác. Chứng nghiệm rõ ràng tánh Giác như vậy thì gọi là Bồ-tát đã nhập địa, nghĩa là bước vào, chứng nhập tánh Viên giác hay Pháp thân. Bồ-tát đã vào được tánh Giác hay Pháp thân được gọi là Pháp thân Bồ-tát. Vào được một phần gọi là Sơ địa, vào đủ mười phần gọi là Đệ Thập địa.

Khi thật thấy mặt trăng tánh Giác thì không còn “y vào thức” nên cũng không còn nắm bắt mặt ngoài của ngôn ngữ văn tự trong kinh điển, không còn y vào ngón tay chỉ mặt trăng. Khi ấy người ta chỉ “y vào trí”, nghĩa là y vào chính mặt trăng tánh Giác để tu hành.

Từ đây mới thực sự thuận tánh mà tu, vượt qua các địa, nghĩa là đi qua từng phần Pháp thân hay tánh Giác cho đến rốt ráo.

“Thiện nam tử! Tất cả chướng ngại tức là cứu cánh giác, chánh niệm hay thất niệm không gì chẳng phải là giải thoát. Pháp thành hay pháp hoại đều là Niết-bàn, trí huệ ngu si cùng là Bát-nhã, chỗ thành tựu của Bồ-tát hay của ngoại đạo đồng là Bồ-đề, vô minh Chân như không khác cảnh giới, giới định huệ cùng dâm nộ si thù là Phạm hạnh, chúng sanh quốc độ đồng một pháp tánh, địa ngục thiên cung đều là Tịnh độ, hữu tình vô tình đồng thành Phật đạo, hết thấy phiền não là giải thoát rốt ráo. Biến huệ pháp giới chiếu suốt mọi tướng cũng như hư không.

Đây gọi là Như Lai tùy thuận tánh Giác”.

Sự tùy thuận, tương ưng hoàn toàn với tánh Giác được gọi là giác ngộ, vị làm được như vậy gọi là Như Lai.

“Ví như nấu quặng thành vàng, vàng ròng không phải do nấu mới có. Một khi đã thành vàng ròng thì không trở lại làm quặng, dù trải qua thời gian vô cùng tận, tánh của vàng vẫn không thể hoại. Chớ nên nói rằng vàng vốn chẳng phải thành tựu. Viên Giác của Như Lai cũng lại như thế” (Chương *Kim cương tạng*). Khi tâm đã hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn biến thành vàng, thì tất cả mọi sự

đều là vàng. Tất cả sanh tử khổ nhọc đều biến thành vàng Niết-bàn. Tất cả chỉ còn là một vị Chân như.

Như đã nói ở trên, tu hành Bồ-tát đạo là tích tập công đức và trí huệ. Do sự thực hành “tất cả các thiện hạnh”, tức là tích tập công đức trong ánh sáng của trí huệ mà những tài sản nhỏ bé, thấp kém và đem lại khổ đau của kiếp người như dâm nộ si đã biến thành, chuyển hóa thành công đức vàng ròng của một vị Phật. Chướng ngại, thất niệm, ngu si, vô minh, địa ngục... đều biến thành công đức. Thế nên mới nói, chẳng hạn, “giới định huệ cùng dâm nộ si thù là Phạm hạnh”, nghĩa là không còn dâm nộ si của chúng sanh mà chỉ còn là công đức phạm hạnh thanh tịnh một vị Niết-bàn. “Địa ngục thiên cung đều là Tịnh độ” nghĩa là không còn địa ngục và nhân cho địa ngục, mà địa ngục đã chuyển hóa thành công đức Tịnh độ. Tóm lại, thân tâm, thế giới, chúng sanh “đồng thành Phật đạo”, đồng chuyển hóa thành “pháp giới thanh tịnh” một vị Chân như.

Con đường ấy từ đầu tiên cho đến cuối cùng đều y vào, tùy thuận tánh Giác mà thành tựu. Thập tín là tin mỗi người đều vốn sẵn đủ tánh Giác, dựa vào niềm tin ấy mà khai phá con đường nơi tự tâm mình. Như thế con đường khám phá này hoàn toàn ở trên và trong tánh Giác, mặc dầu lúc này chưa thật sự thấy biết rõ ràng. Thập trụ là trụ vào tánh Giác ấy, không lăng xăng tin vào những cái huyền hóa bên trong và bên ngoài. Thập Hạnh là thực hành các hạnh không chống trái với tánh Giác, để ngay nơi các hạnh ấy tập nhìn ra tánh Giác. Thập Hồi hướng là làm theo tánh Giác mà hồi hướng khắp cả, vì tánh Giác thì phổ khắp. Bốn Gia hạnh vị là Noãn địa, Đảnh địa, Nhẫn địa, Thế đệ nhất địa là sự gia công nỗ lực cuối cùng để vượt khỏi địa vị phàm phu bước vào hàng thánh Thập địa. Thập địa là từ Sơ Hoan hỷ địa chứng ngộ thực sự tánh Giác lần đầu tiên để không còn lìa khỏi tánh Giác cho đến Đệ bát Vô công dụng địa là không còn tu nữa. Giai đoạn cuối cùng là từ Đệ cửu Thiện huệ địa cho đến giác ngộ hoàn toàn, thành Phật.

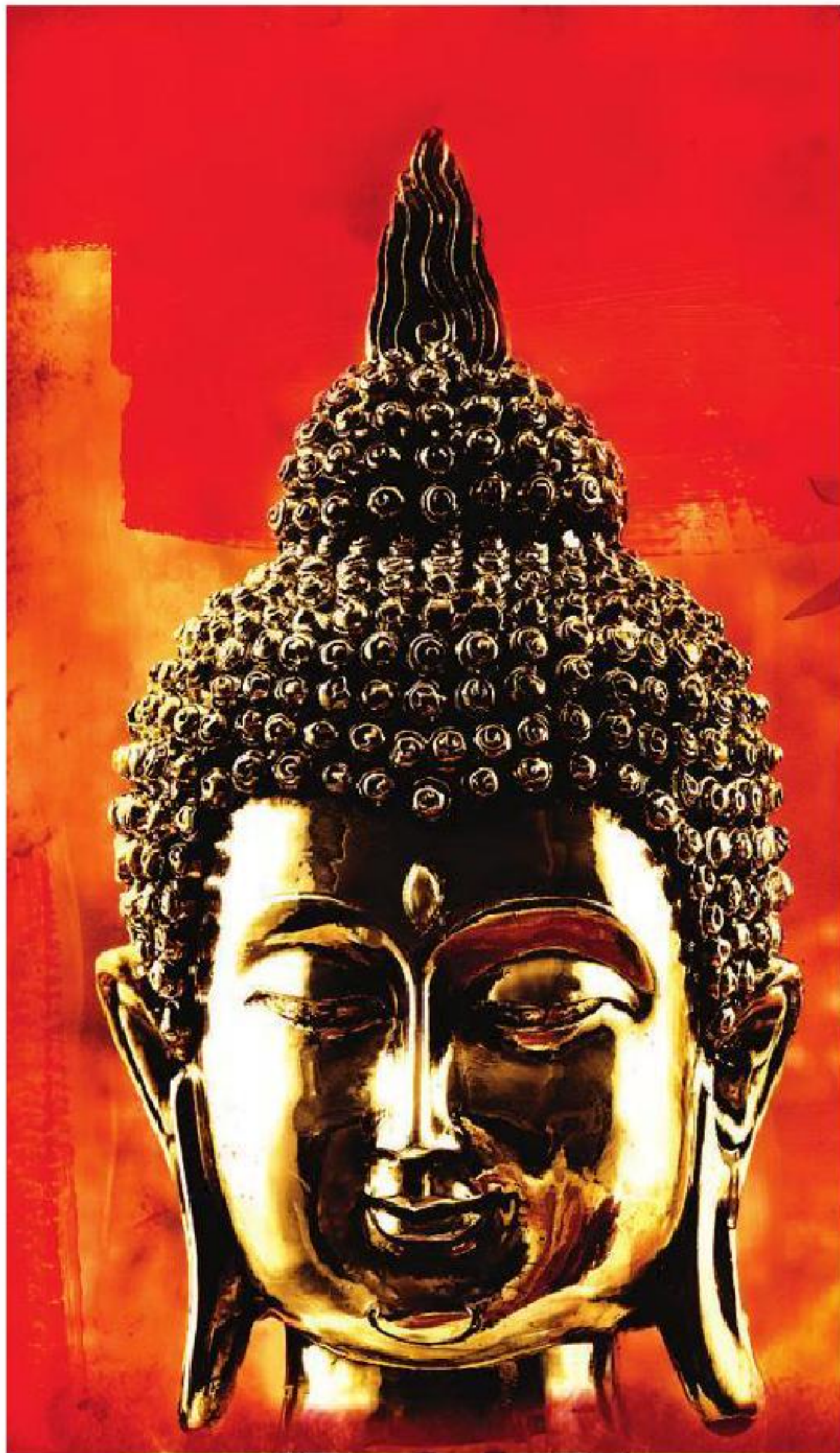
Để kết luận Thuận tánh khởi tu, chúng ta trích đoạn tiếp theo và cuối cùng của chương *Thanh tịnh huệ* này. Có lẽ đây là sự tu tâm trọn đời của chúng ta. Vì càng ở trong vọng tưởng điên đảo huyền hóa thì càng khổ nhiều, càng an trụ trong tánh Giác, tùy thuận tánh Giác, thì càng bớt khổ, càng giải thoát, càng sáng tỏ an vui.

“Thiện nam tử! Các Bồ-tát và chúng sanh đời mạt thế chỉ trong tất cả mọi thời không khởi vọng niệm, nơi các vọng niệm chẳng dùng trừ diệt, ở nơi cảnh vọng tưởng chẳng gia thêm hiểu biết phân biệt, nơi chỗ không hiểu biết cũng chẳng phân biệt đúng sai. Các chúng sanh ấy nghe pháp môn này không sanh kinh sợ, tin hiểu thọ trì, đó gọi là tùy thuận tánh Giác.

“Thiện nam tử! Các ông phải biết: Những chúng sanh tùy thuận như thế là đã từng cúng dường trăm ngàn vạn ức hằng sa chư Phật và các Đại Bồ-tát, đã trồng nhiều cội công đức. Phật nói người ấy thành tựu Nhất thiết chủng trí”. ■

Phật giáo và thần thông

ĐẠI SƯ TINH VÂN
NGUYỄN PHƯỚC TÂM dịch



Thần thông là sức mạnh bất khả tư nghì vượt trên thường thức và thể năng, do tu tập thiền định và trí tuệ mà có được. Phật giáo có nói đến sáu hình thức thần thông: 1, Thiên nhãn thông; 2, Thiên nhĩ thông; 3, Tha tâm thông; 4, Thần túc thông; 5, Túc mệnh thông; và 6, Lưu tận thông. Muốn đạt được trọn vẹn các thần thông này thì hành giả phải tu trì theo con đường của Phật. Lục thần thông lấy tuệ làm gốc. Với ngũ thần thông (chưa đạt đến Lưu tận thông) thì chỉ cần nương vào tu tập Tứ thiền là có được. Ngoại đạo cũng có thể tập luyện để có đủ ngũ thông, nhưng với Lưu tận thông thì chỉ có thánh giả Phật giáo mới có thể đến được. Thần thông còn có các cấp độ, tầng thứ. Sách *Đại thừa nghĩa chương* chia thần thông làm bốn loại: Báo thông, Dục thông, Chú thông và Tu thông; Sách *Tông kính lục* thì phân thần thông thành năm loại: Đạo thông, Thần thông, Y thông, Báo thông và Yếu thông.

Tầng thứ của thần thông phức tạp, chủng loại lại bất nhất, vốn không phải là con đường cứu cánh giải thoát nhân sinh. Tuy vậy, so với Phật pháp thuần khiết thì thần thông có thể đáp ứng lòng mong mỏi hay thỏa mãn tâm lý hiếu kỳ của con người bình thường; vì vậy chư Bồ-tát có lúc coi thần thông như là pháp môn phương tiện hoằng hóa độ sinh. Chẳng hạn, lúc Phật giáo mới truyền vào Trung Quốc dưới thời Đông Hán, các ngài Ca-diếp-ma-đăng và Trúc-pháp-lan đã hiển thần thông để truyền pháp. Có lúc để mang niềm hy vọng đến cho chúng sinh đang chịu khổ nạn mà hiển thần thông, như sự thị hiện của Bồ-tát Quan Thế Âm, giải cứu chúng sinh khổ nạn. Có lúc dùng thần thông cứu giúp tình cảnh khốn đốn của nhân dân trong thời loạn lạc, như Phật Đổ Trừng vì muốn cứu giúp bách tánh, mà phải chịu đau đớn như nhục hình để cảm hóa Thạch Lặc, Thạch Hổ tàn bạo hiếu sát, khiến cho bọn họ phục nể mà buông bỏ đồ đao.

Mặc dù như thế, thần thông cuối cùng cũng chỉ là một trong tám vạn bốn ngàn pháp môn của Phật giáo, là phương tiện nhất thời, vốn không phải Phật pháp rốt ráo. Như trường hợp vị đệ tử của Phật là Tôn giả Tân-đầu-lô-phả-la-đọa dùng thần thông để "lấy lòng mọi người", nhưng gặp phải chướng đạo, không được vào Niết-bàn, là một ví dụ. Thần thông cũng không phải vạn năng, có lúc thần thông không thắng được nghiệp lực; nghiệp lực mới là sức mạnh lớn nhất thế gian, bởi

vì thần thông cũng không thể đi ngược lại nhân quả, cho nên dù Tôn giả Mục-kiền-liên là bậc đệ nhất thần thông, cả nhân Ngài cũng không có cách nào cứu vãn mẫu thân thoát ly nỗi thống khổ trong địa ngục.

Lại nữa, muốn cầu chứng thần thông, cần có đủ bốn điều kiện dưới đây, mới không đến nỗi sa vào ngã rẽ sai lầm của thần thông:

Thứ nhất, *an* với từ bi: *Đại trí độ luận* nói: “Bồ-tát ly ngũ dục, đạt được các thiền, cho nên có từ bi, dùng thần thông vì chúng sinh, chỉ triển hiện lúc có các việc hy hữu đặc biệt, để làm cho tâm chúng sinh thanh tịnh”. Một khi hành giả tu trì có thần thông mà xa rời tâm từ bi, tức thì đồng nghĩa với ma quỷ; thiếu vắng thần thông từ bi tâm, thì hệt như hổ sói hành xử theo bản năng.

Thứ hai, *trú* với tịnh giới: Đã tu dưỡng giữ gìn giới cấm, lấy giới luật ràng buộc thân tâm của mình, thì sẽ không ý vào thần thông mà làm ầu làm cần, bởi vì chỉ ở trong tịnh giới mới biết được nên lấy (thủ) hay nên bỏ (xả).

Thứ ba, *hành* với nhẫn nại: Nếu không có công lực nhẫn nại, sẽ cứ động một tí là triển hiện thần thông, dẫn đến làm hại người mà hại cả mình.

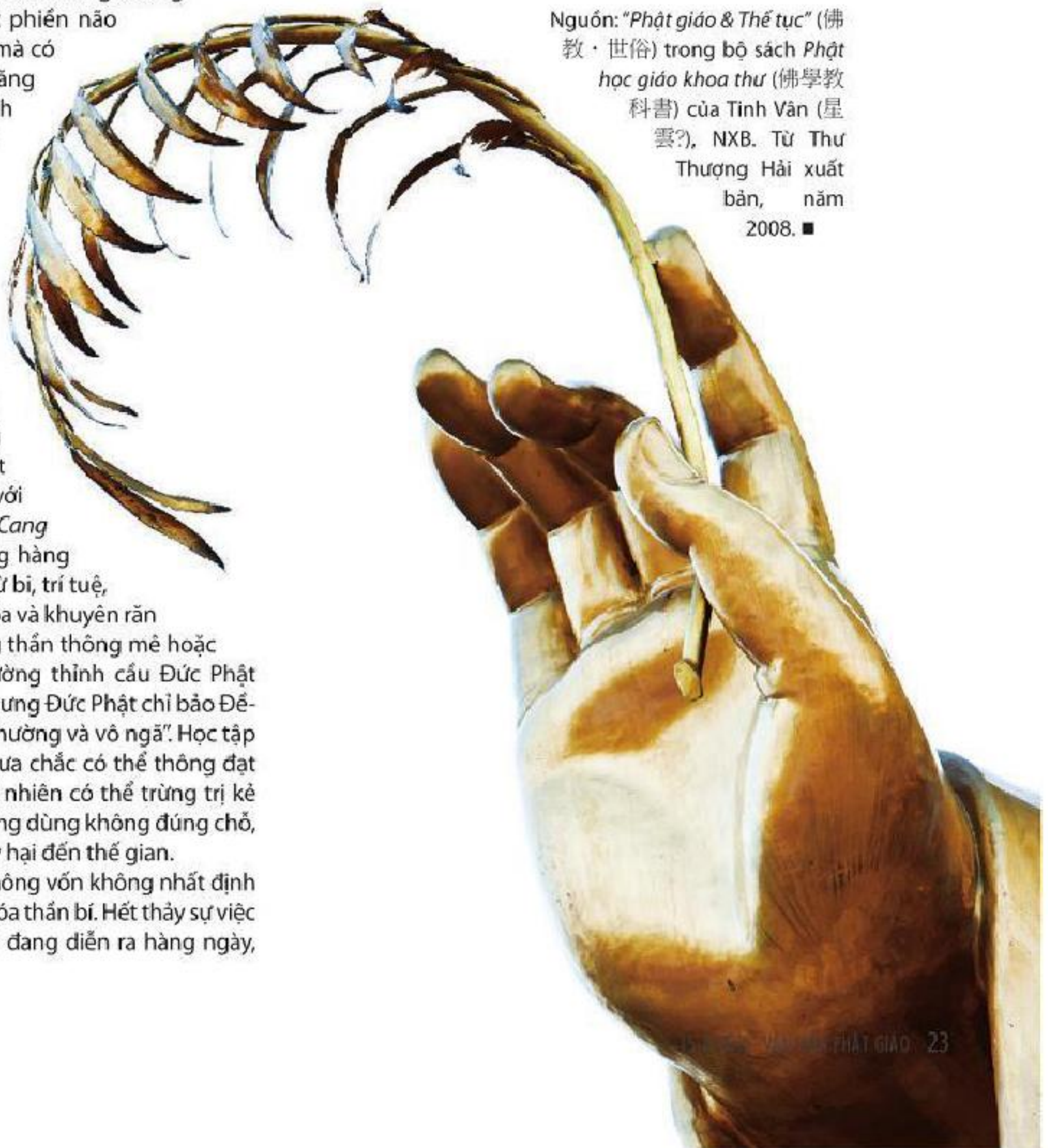
Thứ tư, *sử dụng* với trí tuệ: Thần thông không thể loại trừ những trói buộc phiền não căn bản; kẻ không có trí tuệ mà có thần thông thì chỉ càng làm tăng thêm phiền não cho chính mình; cho nên chính việc thể hội được chân lý của Phật pháp trong đời sống bình thường, tịnh hóa được ba nghiệp, hành xử bằng đạo đức, mới thật là thần thông chân chính.

Sự lưu truyền của Phật pháp trong thế gian thường nương vào chân lý, không ở thần thông. Lúc Đức Phật trú ở thế gian, toàn bộ sinh hoạt của Ngài vốn không khác với người bình thường; kinh *Kim Cang* đã ghi nhận tỉ mỉ về đời sống hàng ngày của Ngài. Đức Phật lấy từ bi, trí tuệ, đạo đức, nhân cách để giáo hóa và khuyên răn chúng sinh; Ngài không dùng thần thông mê hoặc mọi người. Để-bà-đạt-đa thường thỉnh cầu Đức Phật dạy cho ông ta thần thông, nhưng Đức Phật chỉ bảo Để-bà hãy quán “khổ, không, vô thường và vô ngã”. Học tập thần thông không thôi thì chưa chắc có thể thông đạt Phật pháp; có thần thông, cố nhiên có thể trừng trị kẻ gian, cứu giúp người yếu, nhưng dùng không đúng chỗ, thì hoàn toàn có thể làm nguy hại đến thế gian.

Thực ra, ý nghĩa của thần thông vốn không nhất định là để chỉ các pháp thuật biến hóa thần bí. Hết thảy sự việc bốn bề xung quanh chúng ta đang diễn ra hàng ngày,

như sự xoay vần của bốn mùa, sự chuyển đổi của ngày đêm, hoa nở hoa tàn, trăng tròn trăng khuyết, cho đến thế giới kỳ diệu được trình hiện trong đời sống của các loài động thực vật, đều vô cùng kỳ diệu; uống trà giải khát, ăn cơm đủ no, người giỏi bơi lội nổi trôi trên mặt nước, kẻ khéo đạp xe giữ cân bằng một cách tự nhiên thoải mái... có thể nói tất cả những điều này đều là thần thông. Thần thông là những tích lũy kinh nghiệm của con người, là biểu trưng của trí tuệ, là sự vận dụng siêu thường của năng lực; vì vậy, nên biết người tu hành chẳng mấy quan tâm đến có hay không có thần thông; điều quyết định nằm ở chỗ bồi dưỡng nhân cách đạo đức, ở chỗ chứng ngộ trí tuệ Bát-nhã thể hiện lý Không. Phật giáo nhân gian khởi xướng việc giữ gìn năm giới, thực hành mười điều thiện. Hành giả có thể nghiêm cấm trì giới tức là đã có nền móng để bồi dưỡng thiền định thâm thâm, đã có công phu thiền định và trí tuệ có thể hiển phát; khi ấy có thể hiểu rõ đạo đức là kho báu vô tận; nếu đạo đức không viên mãn thì thần thông cũng không thể thành tựu. Cho nên có thể nói, lấy đạo đức cảm hóa con người thì quan trọng hơn nhiều so với thần thông.

Nguồn: “Phật giáo & Thế tục” (佛教・世俗) trong bộ sách *Phật học giáo khoa thư* (佛學教科書) của Tinh Vân (星雲?), NXB. Từ Thư Thượng Hải xuất bản, năm 2008. ■





Nước mắt chảy xuống

HOÀNG TÁ THÍCH

Nhớ một câu chuyện đăng trên báo về một bà mẹ làm ruộng ở một nơi xa xôi nào đó để nuôi đứa con trai duy nhất đi học. Đến lúc đứa bé vào được lớp cuối tiểu học thì bà mẹ bị đau cột sống không thể làm việc được. Đứa con muốn bỏ học để làm việc giúp mẹ nhưng bà nhất định không chấp nhận nên cuối cùng cậu bé “đành” phải cấp sách đi học. Hằng tháng, bà mẹ đến trường để đóng học phí, thay vì tiền thì bà xin góp gạo. Hiệu trưởng nhìn mớ gạo của bà, nhăn mặt vì gạo không những xấu mà còn trộn lẫn đất cát, dạn lẫn tới phải đem gạo tốt hơn. Tháng sau lại cũng thế. Lần này, thầy hiệu trưởng nói cho bà mẹ biết nếu lần tới gạo còn quá tệ như thế, sẽ không nhận và cho con bà nghỉ học. Tháng sau, bà mẹ lại đến với một bao gạo không hơn

gì các lần trước. Lần này thầy hiệu trưởng chưa kịp nói thì bà mẹ đã khóc và thú thật là từ khi đau cột sống, bà không thể làm ruộng được mà đành phải đi xin gạo các nhà lân cận, toàn là nhà nghèo, để đóng học phí cho con. Thấy hiệu trưởng cảm động và bỏ qua, hứa sẽ giúp đỡ bà.

Ngày kết thúc niên học, đứa con trai bà đổ đầu. Trong buổi lễ tốt nghiệp, bà cũng được mời đến, nhưng bà chỉ dám ngồi vào dây ghế cuối phòng. Phụ huynh đến dự lễ, ai cũng trông thấy trong một góc ở bậc gỗ khán đài, có chất ba bốn bao bố nhỏ, không biết là gì. Thấy hiệu trưởng xuống tên thủ khoa tốt nghiệp, chính là con của người đàn bà kia, và thấy yêu cầu bà mẹ lên khán đài. Bà mẹ đi đứng có phần khó khăn, ngại ngùng khép nép tiến lên. Thấy chỉ vào mấy cái bao bố, mở ra

cho mọi người xem và kể lại những công lao hy sinh của bà mẹ để mong con mình được học hành tốt. Đứa con bây giờ mới vỡ lẽ ra, chỉ biết ôm lấy mẹ mà khóc.

Người ta thường nói “Nước mắt chảy xuống” là thế. Phương Tây cũng có câu “Nước mắt chảy xuống” không khác gì chúng ta. Nước mắt chỉ chảy xuống, nên thường cũng có câu: “Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng, con nuôi cha mẹ kể thán kể ngày”. Thực ra không đến nỗi con cái nào cũng thế, nhưng chung chung, đó là chuyện rất đời thường.

Khi cha mẹ đã già thì lúc nào cũng rảnh rang, có thể dành cả quãng đời còn lại cho con cái. Trái lại, lúc đó thì con cái vẫn còn phải bận rộn với đời sống của chúng và còn phải lo cho con cái chúng trưởng thành, không có dư thì giờ nhiều dành cho cha mẹ. Nước mắt chảy xuống là thế.

Người ta cũng thường nói “Hùm dữ không ăn thịt con”. Thường xảy ra những trường hợp con cái từ bỏ cha mẹ, chứ hiếm khi có trường hợp cha mẹ từ con. Phần đông con cái lúc còn trẻ thường cho cha mẹ thuộc về thế hệ cũ, lạc hậu, nên thường bỏ ngoài tai những dạy bảo của cha mẹ. Con cái có thể oán hận cha mẹ, từ bỏ cha mẹ, vì chưa đến cái tuổi để hiểu về lòng dạ bậc sinh thành. Ngược lại, cha mẹ giận những đứa con ngỗ nghịch những muốn từ bỏ, nhưng khi có những bất hạnh xảy đến cho con cái, thì không những cha mẹ ân hận, mà còn đau khổ, và luôn luôn dang tay ôm trọn chúng vào lòng. Người ta bảo nước mắt chảy xuống là thế.

Một người chỉ có một đời

Nước mắt chảy xuống chia đời thành hai.

Cuộc đời thứ hai là cuộc đời con cái mà mình phải dính liền với chúng.

Con cái dù có bao nhiêu tuổi thì vẫn còn là những đứa trẻ đối với cha mẹ, vẫn luôn luôn nằm trong sự lo lắng của bậc cha mẹ. Ngược lại, khi cha mẹ già yếu thì hầu như con cái chỉ có một bốn phận là lo tròn những nhu cầu vật chất là chính. Phần biểu hiện tình cảm thì còn phải tùy thuộc hoàn cảnh con cái có được tự do hay không để có thể thường xuyên ở gần cha mẹ. Ở Âu Mỹ, chung chung, cái khó khăn nhất cho con cái là lúc cha mẹ về già và cách giải quyết gần như duy nhất là những viện dưỡng lão mà có những chỗ, như một nơi chốn để chờ đợi giây phút cuối cùng của cuộc đời. Sống buồn bã, cô đơn vì phải xa cách con cái, mong ngày cuối tuần con cái vào thăm viếng nếu chúng rảnh rỗi. Để cha mẹ già ở nhà là cả một vấn đề. Con cái mỗi người ở một nơi, để cha mẹ ở nhà nào đây. Ban ngày ai cũng phải đi làm việc, phải thuê người có chuyên môn săn sóc người già. Tối đến, phải thay phiên nhau đến với cha mẹ. Những chuyện linh tinh tế nhị con cái không ai dám mở miệng, nhưng bên trong thì đã có những mầm mống phiền muộn, không bằng lòng nhau... Càng lâu, càng nhiều vấn đề.

Thực ra thì cũng là chuyện thường tình, vì con cái

lúc còn nhỏ, đau yếu thì không mẹ cũng có cha bên cạnh. Trừ những căn bệnh quái ác thì cũng hết bệnh ở bệnh viện rồi cũng trở về nhà. Cha mẹ thì khác. Không những lớn tuổi, thường có bệnh tật mà còn vì tuổi già sức yếu, đôi khi không bệnh tật, cũng chỉ nằm hoài một chỗ chờ ngày ra đi mới là vấn đề. Con cái còn gia đình, còn làm việc phải lo toan, đâu thể dành hết thì giờ cho cha mẹ được. Có một điều khác biệt giữa những gia đình giàu có và nghèo khổ. Con cái nhà nghèo thường biểu lộ lòng hiếu đạo với cha mẹ hơn là con nhà giàu, vì dễ hiểu là cha mẹ nghèo lo cho con cái ăn học khó khăn trăm bề, nên sự hy sinh của cha mẹ nghèo được con cái thấy rõ ràng, trong khi những cha mẹ giàu có không cần phải lo lắng, và con cái cũng thấy như những phương tiện được thụ hưởng là một điều tự nhiên mà thôi. Sự hy sinh của bậc cha mẹ nghèo khó có thể nói là bao la như trời biển, đôi khi phải hy sinh cả thân xác mình cho con cái được nên người. Đến khi con cái thành đạt, cha mẹ có khi đã không còn.

Nước mắt chảy xuống là thế, vì trời sinh đã là thế. Bởi vậy, tốt hơn hết, bậc cha mẹ không bao giờ nên nghĩ đến chuyện nhờ cậy con cái hay quan tâm đến chuyện con cái có thể trả hiếu mình lúc tuổi già để khỏi phải có những thất vọng về tình cảm. Không phải vì bất hiếu mà vì không thể có hoàn cảnh thuận tiện để vẹn toàn mà thôi. Con cái thành đạt, thì cha mẹ hãnh diện vì nuôi dạy con tốt. Con cái giàu có mà còn biết trân trọng những món quà tặng của cha mẹ thì đó là hạnh phúc của cha mẹ. Hãy nên nghĩ đến chuyện lo cho nhau. Quen lo lắng cho nhau giúp cho bậc cha mẹ vừa có thể chung vui hạnh phúc với con cái, mà lại được sự thanh thản trong lòng trong giai đoạn tuổi già bóng xế, đỡ phải làm phiền con cái. Ngược lại, con cái sẽ được thoải mái vì không quá băn khoăn về việc lo cho cha mẹ. Con cái mình lớn lên có gia đình riêng của chúng, rồi cũng sẽ có những suy nghĩ chẳng khác gì mình. Nước mắt cứ thế mà luân lưu chảy xuống, đời này qua đời khác. Đó cũng là một thứ luân hồi của cuộc đời vậy.

Con cái lúc đã lớn tuổi, hồi tưởng đến cha mẹ lúc còn sống, càng thấy thương cảm, nhớ nhung, tiếc nuối vì có những điều làm cho cha mẹ không được hài lòng, hay có những điều muốn làm cho cha mẹ vui lòng, nhưng đã muộn rồi, không còn cơ hội để báo đáp. Càng thấy tiếc thương, ân hận thì lại càng thấy tình thương bao la của bậc sinh thành. Hiếu đạo của con cái đối với cha mẹ, thực không thể nào so sánh, bù đắp lại với tình thương của cha mẹ đối với con cái được. Nước mắt chảy xuống là thế. Chuyện tự nhiên đời này tiếp diễn đời khác vẫn là thế, như một thứ quy luật của cuộc sống, không có gì phải cố gắng thay đổi. Làm cha mẹ, chỉ nên thương yêu con cái và không bao giờ nên nghĩ đến con cái sẽ trả hiếu cho mình như thế nào, mới an lạc. Ấy là nước mắt chảy xuống. Ấy là xuôi theo tự nhiên để được nhẹ nhàng thanh thản. ■



Vết Xước trên bầu trời

Vào tuổi sáu mươi, võng mạc của cha tôi bị bong khỏi dây chằng. Ông nói với tôi rằng ông thường mơ về một thế giới đầy màu sắc. Trong bóng tối của màn đêm, khi ngủ, ông vẫn có thể thấy được làn nước trong xanh của hồ Menemsha và những cánh buồm trắng trên chiếc thuyền của ông. Nhưng buổi sáng khi thức dậy, mở mắt ra, ông không thấy gì. Ông nói rằng mặc dù những nhận thức về điều này làm ông đau đớn, nhưng cuộc đời sẽ còn tệ hại hơn nữa nếu ông không thể nhìn thấy trong những giấc mơ của mình. Ông đã đánh mất thế giới hình ảnh – nên ông không muốn đánh mất luôn ký ức về thế giới đó...

Sau khi cha tôi bị mù, mấy chị em tôi – bốn người con trưởng thành của ông – đều được khuyên nên đi xét nghiệm võng mạc thường xuyên. Tôi đến viếng một bác sĩ nhãn khoa. Ông này chiếu một ngọn đèn sáng quắc vào mắt tôi. Tôi không thể chớp mắt vì mi mắt đã bị kẹp cứng. Không đau lắm theo nghĩa bình thường của cái đau, tuy nhiên nó vẫn đau khi tôi phải ngồi với cằm tựa lên một thứ giống như cái ly kim loại, không thể né tránh ánh sáng chói lòa, và không thể dừng nghĩ đến người cha vừa bị mù của mình...

Cha tôi bị mù từng con mắt một. Sau khi lớp võng

mạc của con mắt đầu tiên bị tróc ra, ông vẫn tiếp tục các sinh hoạt bình thường, dầu ông không có được cái nhìn như khi có thể sử dụng cả hai con mắt. Năm năm sau, lớp võng mạc của con mắt thứ hai bị tổn thương, và ông phải trải qua một số cuộc giải phẫu – tổng cộng là năm - trong cố gắng để cứu vãn phần nào thị lực của ông. Vị bác sĩ giải phẫu là người đi tiên phong trong lĩnh vực giải phẫu mắt bằng tia laser. Ông này rất quan tâm đến võng mạc của bệnh nhân, nhưng không để ý gì đến người cũng rất yêu quý võng mạc. Sau lần giải phẫu đầu tiên, cha tôi phải ngồi trong giường suốt một tuần, với con mắt bị băng kín. Ông chỉ được phép tựa cằm vào một miếng ván, và chỉ có thể. Cha tôi chỉ muốn nằm xuống. Ông đã phải chịu đựng một cơn đau đầu khủng khiếp đến độ ông tưởng rằng mình bị u não. Sau đủ loại cực hình, khi được tháo băng ra, cha tôi cũng vẫn không nhìn thấy gì. Vào khoảng thời gian ấy tôi có một chuỗi những giấc mơ trong đó tôi thấy chiếc máy ảnh của mình bị bể: tôi làm rớt máy, kiếng bể; màn ảnh bị dính cứng, không mở ra được; cát lọt vào khung hình, và tôi không thể lên phim.

Cuối cùng ba tôi đầu hàng và quyết định chấp nhận thực trạng của việc bị mù. Ông dự khóa huấn luyện tại gia cho người lớn tuổi mới bị mù, ở đó ông được dạy



SUSAN MOON
 DIỆU LIÊN LÝ THU LINH lược dịch

cách sử dụng gậy để dò đường và cách đọc chữ Braille.

Sau khi bị mù, cha tôi còn có thêm hai đứa con nữa với người vợ thứ trẻ trung – những đứa con ông không bao giờ thấy mặt. Ông trở thành một hình ảnh quen thuộc trong khu phố, đưa con đi nhà trẻ với chiếc gậy trắng trong một tay, tay kia nắm tay đứa trẻ lớn, còn đứa bé thì cõng trên lưng. Hoặc ông đi bộ với chú chó Alfie, một con chó bú sữa bình thuộc giống chó kéo xe tuyết ở vùng Siberia thường được nghĩ là một chú chó dẫn đường nhưng sự thật thì khác hẳn. Trong lúc cha tôi kềm con chó lại, dùng tai nghe ngóng xem có an toàn để qua đường hay không thì chú chó Alfie lại lôi mạnh sợi dây cương...

Tôi không ngừng nghĩ đến cha tôi. Có nhiều ngày tôi bị cứng cổ và cũng không thể ngủ yên trong ghế bành; nhưng những điều đó không thể so sánh với những gì mà cha tôi phải trải qua mà cuối cùng rồi ông cũng phải bị mù. Tôi cảm thấy như ông đã khuyến khích tôi, vỗ về tôi ngھnh đầu qua một bên, mặc cho cổ tôi tê cứng, nhắc nhở tôi không được nằm xuống ban đêm, dặn tôi có mệt mỏi đến mấy, thúc giục tôi làm tất cả để giữ được thị lực của mình. Tôi biết ông không muốn tôi bị mù. Đôi khi nghĩ đến ông, tôi thử làm người mù, mò mẫm đi quanh nhà với đôi mắt nhắm. Nhưng ngay cả

những hoạt động bình thường cũng vượt quá sức của tôi, như khi pha một tách trà, mang đôi vớ tiếp màu, hay bỏ kem đánh răng lên bàn chải răng – tất cả những thứ ông phải học làm lại từ đầu khi ông bị mù ở tuổi sáu mươi. Sự can đảm chấp nhận tình trạng mù lòa của ông bộc lộ một cách mới mẻ đối với tôi.

Lần đầu tiên tôi trông thấy người cha lúc đã mù lòa của mình là khi ông đứng tại băng chuyển nhận hành lý ở phi trường Logan thuộc thành phố Boston. Tôi đã bay từ California đến thăm ông. Ông quay lưng về phía tôi, bên cạnh là bà vợ kế, một cánh tay ông khoác vào cánh tay bà, tay kia cầm cây gậy trắng. Điều làm tôi xúc động là cách ông ngھnh đầu nghe ngóng. Đúng là dáng dấp của một người mù; và tôi đã khóc khi tiến đến phía sau ông. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy người cha đầy mạnh mẽ và lịch lãm của mình đứng như thế trước đây, ngóng đợi, chỉ ngóng đợi mà thôi.

Trong thời gian tôi thăm viếng, ông thường khắc khoải hỏi về giờ giấc như thế để định hướng cho bản thân vì hiện thời, đối với ông ngày ngày vẫn trôi đi mà không có sự thay đổi của bóng thời gian. Tôi đã đến Hội Người mù ở Boston để mua cho ông một chiếc đồng hồ bỏ túi khắc số Braille – ông vẫn thường sử dụng một chiếc đồng hồ bỏ túi, thắt gút vào dây lưng quần. Cha tôi đã khóc khi tôi trao nó cho ông, và đã giữ nó bên mình suốt quãng đời còn lại của mình. Sau khi ông mất, người vợ thứ của ông đã gửi nó về lại cho tôi. Lớp men trắng trên mặt đồng hồ đã bị bong tróc vì ngón tay ông luôn sờ rầm nó.

Susan Moon là nhà văn, nhà giáo và là biên tập viên trong nhiều năm cho tạp chí *Turning Wheel*, một tạp chí về Phật giáo dẫn thân trong xã hội. Từ năm 1976, bà thực hành thiền theo trường phái Tào Động thuộc dòng truyền thừa của Thiền sư Shunryu Suzuki tại Berkeley Zen Center, Tassajara Zen Mountain Monastery, và Green Gulch Farm. Là thành viên Tăng đoàn Everyday Zen của Zoketsu Norman Fischer, bà đã nhận được sự ủy nhiệm để là một cư sĩ giáo thọ vào năm 2005.

Nguồn: *Stain On The Sky*, NXB Shambhala, 2010. ■





Me!

LÊ HUỲNH LÂM

Mẹ! Cái âm hưởng thơ mộng, trong suốt như chân không, không gì ngăn ngại được, âm hưởng đó đã tự động ghi lại trong ký ức của tất cả mọi người. Cho dù mỗi ngôn ngữ có một ký hiệu riêng, một tiếng gọi Mẹ khác nhau, nhưng bản chất của tiếng Mẹ hay nói cách khác là những gì bộc phát ra tiếng Mẹ từ mỗi người con là không thể khác nhau được. Theo

thống kê, trên thế giới có rất nhiều ngôn ngữ diễn đạt tiếng Mẹ đều dùng chữ M đầu tiên. Như Mère, Marâtre, Maman (Pháp), Mat (Nga), Mutter (Đức), Mater (Latinh), Madre (Tây Ban Nha, Ý), May (Bồ Đào Nha), Mothir (Ailen), Mati, Mata (Ấn Độ), Mitera, Mèter (Hy Lạp), Modar (Iran), Mayr (Acmèni), Mouchan (Trung Quốc), Mother, Mum, Mama, Mammy (Anh), ... riêng tiếng Việt thì có Mẹ, Me, Mạ, Má, Mế (Mường), Mé (Champa)¹...

Mẹ như một tiên nghiệm, bởi vì tất cả chúng ta đều được Mẹ sinh ra và theo biện chứng thì trước khi có ta thì đã có Mẹ. Xuôi theo dòng thời gian Mẹ trở thành sự hiện hữu trường cửu trong mỗi người con, cho dù người con có là vĩ nhân, là bác học, là thiên tài, là đấng cứu thế, là tổng thống, là vua, là kẻ phá rối, kẻ sát nhân,... là gì đi nữa thì trong đôi mắt Mẹ, con luôn là đứa trẻ thơ dại. Bởi vậy, dù con có phạm phải những lỗi lầm nhưng Mẹ luôn tha thứ. Tất nhiên, có bà Mẹ nào mà muốn con mình trở thành kẻ sát nhân, có Mẹ nào lại muốn con mình thành kẻ cướp, kẻ phá hoại. Mong muốn của Mẹ thật giản dị là chỉ muốn con nên người.

Những người lớn, những người trưởng thành về mặt sinh lý hãy nhìn lại những gì Mẹ đã làm cho mình, hay cứ nhìn vào những bà mẹ trẻ đang có con dại thì sẽ thấy được hình ảnh của chính mình được Mẹ chăm sóc, nuôi nấng từ thuở lọt lòng, rồi được Mẹ nuông chiều, gửi gắm tình thương, những tình cảm, hành động của Mẹ như một bài học đầu đời dạy cho chúng ta biết thế nào là tình thương, thế nào là lòng nhân ái. Và thật đau lòng khi nhìn thấy những đứa trẻ không còn Mẹ.

Trong lịch sử của nhân loại từ những nền văn minh xa xưa Ai Cập, Hy Lạp, La Mã hay Trung Hoa, Ấn Độ,... cho đến những kỷ nguyên của nguyên tử, điện toán, nhân bản vô tính,... rồi sẽ xuất hiện những kỷ nguyên với những định danh mới, nhưng con người không thể nào không có Mẹ. Ngoài bà Mẹ bằng xương, bằng thịt, có trái tim ngập tràn tình thương yêu vô bờ bến sẵn sàng ban phát cho các con, thì còn có những bà Mẹ tâm linh mà bất kỳ quốc gia nào hay tôn giáo nào cũng có. Như trong huyền sử Việt Nam có Âu Cơ là tổ mẫu, Phật giáo ở Việt Nam có Quán Thế Âm Bồ-tát là Mẹ tâm linh, rồi Mẹ Thiên Y-a-na là kết quả của một quá trình giao thoa giữa các nền văn hóa Việt - Champa; Mẹ Thiên Y-a-na còn có tên là Yang Inư Pô Nagara. Hình ảnh Mẹ Maria của Thiên Chúa giáo xuất hiện ở Việt Nam như một kết hợp văn hóa tâm linh Đông Tây. Và Mẹ Thái Bình một biểu tượng về ước mong cao quý cho nhân loại được bình yên, tình thương yêu của mẹ như biển được thể hiện qua *"Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình rạt rào/... Thương con khuya sớm bao tháng ngày/Lặn lội gieo neo nuôi con tới ngày lớn khôn"* trong bài *Lòng Mẹ* của nhạc sĩ Y Vân, hay trong nhạc phẩm *Đạo ca 6* của nhạc sĩ Phạm Duy tình mẹ cao cả được biểu hiện: *"Con ơi! Mẹ là Thượng Đế, cho con tâm lý nguyên sơ / Câu ru và dòng sữa quý, cho con nguyên lý diệu vời / Ru con rằng: Đời muôn lối, như mây kết hợp, rồi tan / Thân con là Trời cao vợi, tim con là cõi địa đàng",...* hay trong *Bông Hồng Cài Áo* của thầy Nhất Hạnh đã nói về những thiết thời của những người con khi chưa được cảm nhận suối nguồn thương yêu từ Mẹ qua những câu *"Mẹ, mẹ là dòng suối dịu hiền/ Mẹ, mẹ là bài hát thần tiên/ Là bóng mát trên cao/ Là mắt sáng trên cao/ Là ánh đuốc trong đêm khi lạc lối/ Mẹ, mẹ là lọn mía ngọt ngào /Mẹ, mẹ là nải chuối buồng cau /... Là vốn liếng yêu thương cho cuộc đời"* và trong *Nguyên Lý Mẹ* của triết

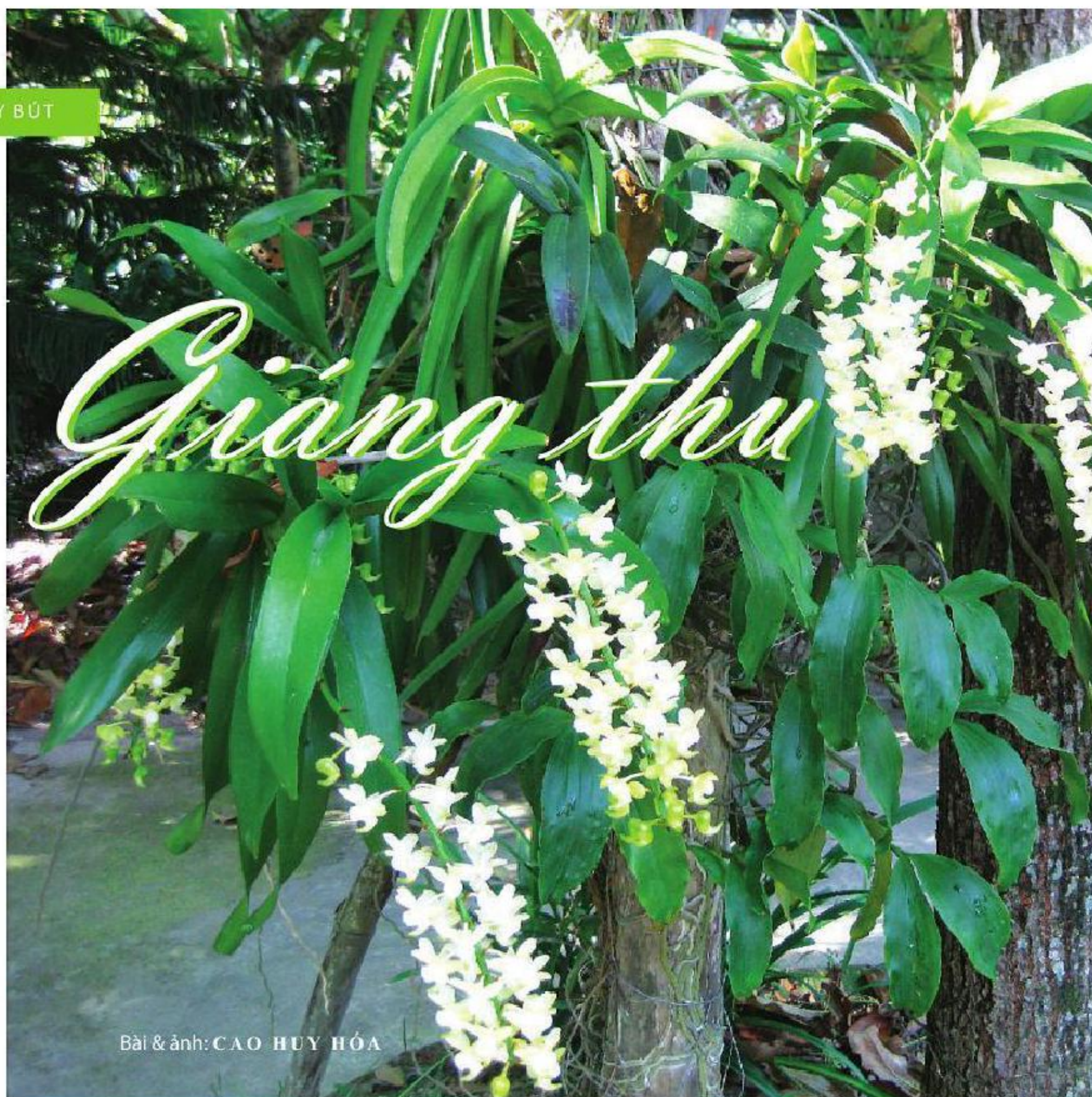
gia Kim Định đã nói về Mẹ Thái Bình, Mẹ là cái nôi văn hóa lớn bao phủ lên những miền đất có một đời sống minh triết, một đặc tính chung: Yêu thương. Đặc biệt trong ca dao Việt Nam, hình ảnh người mẹ là biểu tượng của sự hy sinh cao đẹp, lòng lầy, biểu tượng của tình thương yêu đã ăn sâu trong tâm thức mọi người qua những điệu hò ru con: *"Mẹ già như chuối ba hương/ Như xôi nếp một, như đường mía lau"*, hay *"Chiều chiều ra đứng ngõ sau,/ Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều"*, hay *"Công cha như núi Thái Sơn / Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"*.

Có thể Mẹ không bao giờ nghĩ đến sự báo đáp của người con, nhưng lòng yêu thương bao la của mẹ đã được những người con trên toàn thế giới đến đáp công ơn, báo hiếu qua những ngày lễ về Mẹ như: lễ Vu lan mùa báo hiếu vào ngày rằm tháng Bảy Âm lịch hàng năm, khoảng thời gian dành cho những người con hồi hướng công đức về Mẹ; mẹ trong hiện tại, mẹ trong quá khứ và mẹ của tương lai cứ như thế dòng chảy luân phiên bất tận và trong Phật giáo có Bồ-tát Mục Kiền Liên là tấm gương cao cả về hiếu hạnh, hay vào tháng Ba Âm lịch ở điện Hòn Chén - Huế có ngày vía Mẹ, lễ rước thánh mẫu Y-a-na trên dòng sông Hương xanh mòng, ngọt ngào và chúng ta có thể gọi sông Hương là dòng sông Mẹ. Bên kia bờ Thái Bình Dương, hàng năm vào ngày Chủ nhật tuần thứ nhì của tháng 5 được gọi là ngày "Lễ Mẹ" (Mother's Day) ở Mỹ và các nước châu Âu, Úc; vào ngày này tất cả những người con đều trở về thăm Mẹ và tặng những món quà ý nghĩa dâng lên Mẹ, sẽ có những người con không còn Mẹ nữa nhưng chúng ta hãy tưởng nhớ trọn vẹn về Mẹ để hòa nhập vào dòng suối thương yêu của mẹ, để cảm nhận được niềm hạnh phúc vô bờ bến.

Cũng từ tiên nghiệm về Mẹ, chúng ta cảm nhận được Mẹ vũ trụ, Mẹ của sự hóa sinh, Mẹ của vạn vật hay Mẹ sáng tạo, Mẹ là lòng từ bi bao la, mà lòng từ bi thì không bao giờ biến mất trong thế gian này cho dù Mẹ đã khuất xa, dù xương thịt Mẹ sẽ thành cát bụi nhưng tình thương của Mẹ đã gửi lại giữa thế gian này những dòng lực từ bi vĩnh hằng. Vậy, Mẹ là sự trường cửu vì những nỗ lực của thế giới chúng ta đang từng giờ, từng phút, từng giây hướng đến cái tâm từ, cái tánh thiện, hướng đến một thế giới đại đồng an vui. Qua những trải nghiệm tôi cảm nhận được sức mạnh của tình thương. Suy nghiệm lại tôi thấy có những nguyên nhân để con người phát ra được năng lực tiềm ẩn bên trong: Tình yêu thương trọn vẹn, sự tập trung tư tưởng, lòng căm thù, lòng tham vô đáy và sự sợ hãi. Trong những nguyên nhân trên thì tình yêu thương trọn vẹn là điều giúp cho nhân loại có cuộc sống thanh bình và hạnh phúc. Điều đó tất cả chúng ta đều đã được Mẹ dạy từ thuở chưa lọt lòng. Mẹ đã dạy chúng ta về tình thương thuở người con đang là tượng trong bào thai.

Chú thích:

1. Sưu tầm. ■



Bài & ảnh: CAO HUY HÓA

Cây cỏ cũng như con người, sống theo mùa. Có những loại cây nở hoa theo đúng mùa, đặc biệt là phong lan. Không kể những loài phong lan lai tạo mà con người có thể kích thích để hoa có thể nở quanh năm, những loài phong lan phát triển tự nhiên, dầu cho ở nơi nguyên quán hay được con người đưa về nấng niu, đều nở hoa theo mùa, nhiều nhất là mùa xuân, mùa hè hoặc xuân hè. Không ai không say mê khi mùa xuân vừa đến thì lan nghinh xuân (ngọc điểm) hé nụ trắng hồng, điểm tím, tỏa hương thơm nhẹ trong sương sớm, hay lan hồ điệp phô sắc, cánh hoa nồn nà, rung rinh như cánh bướm, với nhiều loại màu, từ màu trắng tinh khôi, màu vàng trang nhã, màu trắng hồng nhẹ, màu đỏ thắm sọc, đến màu đỏ rực rỡ... Mùa hạ nắng cháy thì có lan phượng vĩ với chùm hoa đỏ thắm vươn cao. Thế còn mùa thu? Có một loài phong lan, không kiêu

kỳ mà thanh cao, nở hoa như nhẹ nhàng xuống trần vào đầu mùa thu, cho nên nhiều người ví von là lan Giáng Thu. Loài phong lan này lại nở hoa vào dịp đại lễ Vu-lan: hoa trong vườn chùa, hoa trên thân cây cổ thụ, hoa treo cao bên lối đi vào nhà... và hoa chờ đợi những bông hồng cài lên áo những người con thành kính tưởng nhớ mẹ, hoặc vui mừng vì đang chăm sóc mẹ, nhân mùa Vu-lan báo hiếu.

Dân gian đặt tên loài phong lan này là *quế lan hương*, tên khoa học là *Aerides Odoratum*. Quế lan hương là loài lan tương đối dễ tính, không cần chăm sóc nhiều mà vẫn nở hoa; tuy nhiên, nếu chăm sóc tốt thì hoa ra khỏe, chùm có nhiều hoa. Bạn có thể nuôi lan trên than hoặc xơ dừa khô, nhưng hay nhất là gá lan vào cây gỗ và đặt ở vị trí khá cao, thoáng, độ ẩm vừa phải. Dầu đã về với con người, nhưng đáng đáp quế lan hương vẫn mang vẻ tự nhiên của núi rừng, và



vì vậy nó thích hợp với vườn cây cao, thoáng rộng. Khi lan sinh trưởng tốt, lá xanh ngát vươn dài, lá lướt một chút, rễ nõn nà bám vào gỗ hoặc thả lủng lẳng. Khi tia nắng hè còn chói chang, vườn lan đang chống chọi với cơn khát nước, thế mà bỗng dưng lan giáng thu chuyển mình: từ nách lá, cuống hoa đã nhú, ngày qua ngày cứ vươn dài đến cả hai tháng, xanh, khỏe, để vừa đến mùa thu thì những nụ hoa trên cuống tỏa ra, phô diễn hương sắc. Không chỉ hoa đẹp, mà cả tổng thể hoa, lá, cành đều phơi phới, đầy sức sống. Thật ra, sắc hoa không lộng lẫy, mà trái lại, màu trắng trinh nguyên, nho nhỏ, cựa xanh, hoa đính trên cuống dài. Khi phần lớn các nụ trên cuống đã khai hoa, thì cả chùm như trình diễn vũ khúc xiêm y màu trắng. Càng quý hơn khi hoa tỏa hương thơm đặc biệt, mùi quế khá rõ, vừa đủ để khi bạn ở xa xa một chút, thôi thì biết bao quyến rũ bởi mùi thơm ngọt ngọt, nồng

nồng, thoang thoảng. Một thứ hương mời gọi, bạn đi không đành. Khổ thay! Chính vì mùi hương này làm lụi đời hoa, bởi bọn rầy, không biết từ đâu đến, nhắm tới những loài hoa lan thơm ngọt như quế lan hương, nghinh xuân, hồng dầu... Không phải lắng lơ như bướm lượn, không phải cần mẫn hút nhụy như ong, những loại ỏ trọc này đã hút hết tinh anh của hoa, ăn cả cánh hoa, phá hủy cả đời hoa, mà sự cố gắng của con người chỉ làm hạn chế mà thôi.

Nhưng dầu hoa không bị rầy phá, thì đời hoa không thể lâu dài. Tạo hóa gây chi bất công cho những loài hoa có cả hương lẫn sắc. Những loài hoa phong lan có sắc màu rực rỡ nhưng không hương thì có đời hoa dài lâu, có khi một, hai tháng như lan vanda, vũ nữ, hồ điệp, nhưng loài quế lan hương thì đời hoa chỉ khoảng một tuần đến mười ngày. Phải chăng mùi hương tinh anh dâng hiến cho đời không thể tồn tại lâu, và khi hương bay đi hết thì hoa cũng ứa tàn. Nhưng cũng thật tội nghiệp, khi hoa vừa hết xuân thì, ngả qua một chút màu vàng để sắp kết thúc cuộc đời, thì đó là lúc hoa tỏa ngát hương nhiều nhất.

Một năm chỉ hện mùa thu, và trong mùa thu chỉ hện mười ngày: đời lan thì ngắn trong khi mùa thu cứ trôi đi. Ở miền Bắc, mùa thu trời nắng hanh vàng, gió hây hây, khiến con người như giao hòa với trời đất, trong những giai điệu tình ca lãng mạn, còn miền Nam thì vẫn cứ mưa nắng hai mùa, thời tiết khá thích hợp với lòng người; chỉ riêng miền Trung, mùa thu giáng trần có những biến tấu thật đa dạng và đối nghịch: khi thì tiếp tục cơn nắng dữ dội của mùa hạ, khi thì đồng đánh mưa nắng thất thường, thỉnh thoảng có những ngày nắng dịu đẹp trời như miền Bắc, nhưng càng về cuối thu thì thời tiết tra tấn con người bằng những cơn bão từ biển Đông, rồi mưa xối xả ngày này qua ngày khác, lũ lụt từ đầu nguồn các con sông trên Trường Sơn đổ về hạ du, gây bao nhiêu cơ cực cho dân nghèo. Trong những ngày này, cây cỏ cũng chịu số phận như con người. Không ở đâu xa, chỉ cần từ trong nhà nhìn ra, cây cối ngả nghiêng, mưa gió vui đập; còn những giò phong lan của tôi, ôi thôi, đông đưa như sắp bay đi theo gió. Mặc dầu vậy, đầu óc tôi chỉ chăm chăm lo lụt vào nhà, thu xếp đồ đạc, lo chống dột, lo điện cúp, cô lập giữa mệnh mông nước,... nào nghĩ gì đến giáng thu, giáng xuân! Thế rồi cũng trời quang mây tạnh, nhìn cảnh vườn tược mà xót. Thôi thì mọi sự là vô thường, cuộc sống vẫn ở phía trước. Cuộc chơi vẫn bày trở lại.

Rồi mùa đông tiếp nối mùa thu với những ngày dài mưa lạnh lê thê, cây cỏ vẫn tích lũy nhựa sống, và chờ nắng ấm mùa xuân để hé nụ, nẩy mầm. Những giò phong lan rủ nhau ra hoa mùa xuân, riêng quế lan hương cứ thung thảng đợi mùa thu để tỏa hương thơm nồng và màu trắng trinh nguyên, cho đến khi những cuống hoa khô quắt đi thì mưa bão ập đến. Cuộc sống là như thế, hương hoa và bão tố... ■



Những câu thơ trong truyện *Kiểu* của cụ Nguyễn Du gợi tả cảnh xuân, hạ, thu, đông luôn có mặt trong tâm trí tôi mỗi khi tôi nghĩ về cái đẹp mà đất trời thiên nhiên ban tặng cho mỗi mùa, nhưng có lẽ đọng lại trong thâm sâu tâm hồn tôi vẫn là những câu nói về mùa thu: *Người lên ngựa kẻ chia bào / Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san*, hay *Long lanh đáy nước in trời / Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng...*

Bây giờ là mùa... đã thu, những đám mây trắng bồng bồng trên nền trời xanh, ngọn gió heo may thoảng nhẹ trong sớm mai, ngần ấy thôi cũng đủ vương vấn hồn ai những nỗi niềm xúc cảm, sao cứ lặn vào trong mà khó hóa giải thành lời. Tôi cứ lẩn thẩn với chính mình, rằng mình mắc nợ mùa thu, món nợ không dễ gì trả nổi...

Dường như ai cũng có một cảm xúc rất riêng với thiên nhiên vào những thời khắc khác nhau, nhưng từ cổ chí kim, hình như mùa thu là "tác nhân" gây nhiều cảm xúc nhất. Hơn cả với sớm xuân rực rỡ lá hoa, đêm đông lạnh giá cô đơn rét mướt, trưa hè cháy bỏng khát khao thì cả ngày thu lại làm lòng người vương vấn những suy tư trăn trở, len lỏi vào tâm thế đa mang của con người. Với tôi, bài hát ru *"Gió mùa thu mẹ ru con ngủ / Đêm năm canh chày mẹ thức đủ vùa năm"* được nghe từ thuở lọt lòng mẹ, hay những bài thơ, áng văn, bài nhạc, bức tranh... về mùa thu mà tôi "thu lượm" được từ ngày học vỡ lòng đến bây giờ, tôi đều yêu thích và

xem đó là "gia tài chữ nghĩa" về mùa thu trong tâm hồn mình. Gió nhẹ, lá vàng, trời xanh, mây trắng, mấy nét chấm phá dung dị ấy thôi đủ "vẽ" nên bức tranh thu lay động hồn người.

Tôi nhận ra mùa... đã thu khởi hành từ khu vườn rợp bóng cây xanh của mẹ năm nào. Mùa thu là mùa lá rụng trong vườn, trái trên mặt đất lớp lá thu vàng rực. Lại nghe gió lao xao trở mình, nghe tiếng chim hót và đang thì nhau chuyển cành. Chiều về những làn khói mong manh... Và trên cánh đồng trước nhà, lúa đã gặt và đồng trống gốc rạ, tiếng cu gáy "Cúc... cù... cu..." cuối bãi vọng về. Và đẹp nhất là hình ảnh thấp thoáng *"Con cò trên ruộng cánh phàn vân"* (Xuân Diệu), khi ấy cánh đồng mùa thu là bức họa đồng quê tuyệt vời. Rồi chợt nhận ra sự vận hành thời gian trong năm có cả bốn mùa. Nhớ nhất là hồi còn nhỏ, cứ thấy có cái gì là lạ chuyển mùa là xòe tay bấm đốt để nhẩm tính còn bao nhiêu tháng, bao nhiêu ngày nữa thì đến Tết. Không như tôi, mẹ cũng xòe bàn tay chai sần ra, mẹ nói tính ngày tính tháng đến ngày giỗ ông bà, đến ngày vào vụ mới, đến Tết nhất là biết bao nhiêu lo toan... Còn tôi, tôi vô tư vì đã yêu thích mùa thu, không mưa đám trắng trời như mùa đông hay nắng rát da như mùa hạ, tôi theo ba mẹ ra cánh đồng trong nắng vàng hanh hao dịu mát, để được tung tăng chạy nhảy rong chơi trên bờ bãi đường đê. Mãi mãi không quên niềm hạnh phúc ấy có được từ mùa thu khi cỏ may dính đầy quần



áo, được ngấm từng con cá quẩy tung lên trong những chiếc đơm đặt ở mương nước trên đồng, được nhai đầy miệng những trái ổi thơm lừng... Và nhớ lắm những buổi đầu tiên lên sáu tuổi đi học lớp một ở trường làng với những nét chữ tờ ngộ nghĩnh. Những nét chữ, con số cứ lớn dần trong đầu óc thơ trẻ của tôi và mùa thu ấy đã mở ra trong tôi vô vàn lối đi cho những cảm nhận non nớt về thiên nhiên, bạn bè, thầy cô, trường lớp...

Bây giờ, khi đã trở thành "người lớn", đi qua những nhọc nhằn gập ghềnh trên hành trình cuộc đời, những cảm xúc ấy vẫn còn tươi nguyên ẩn nấp trong tâm hồn. Và tôi cũng nhận ra, với tôi, với nhiều người, rằng mùa xuân là sự khởi đầu của hành trang, của ước vọng để hướng về, đi tới, còn mùa thu, chính mùa thu mới là miền kỷ niệm hay giấc mơ để suy tưởng và hoài vọng. Có lẽ sắc trời bàng bạc vào thu thường gợi nhắc con người về một dĩ vãng, tình yêu, kỷ niệm... đẹp đã xa. Vâng, sự hoài niệm thì bao giờ cũng đi liền với những khắc khoải, nuối tiếc, cho dù là những nỗi buồn vô cớ, một kiểu "*Hôm nay trời nhẹ lên cao / Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn*," (Xuân Diệu). Và có lẽ, ai rồi cũng có những nỗi buồn như thế chất chứa bên trong sâu thẳm tâm hồn. Mùa... đã thu sẽ làm xao động, khơi dậy những cảm xúc thẩm kín ấy; mang đến những vui buồn trong cuộc đời với nhiều cung bậc, sắc thái sẽ làm ta nhìn lại chính mình, để rồi cảm thấy yêu thương cuộc sống hơn... Đó là thông điệp suy tưởng của mùa

thu nói với mỗi người, đó cũng chính là sự nhiệm mầu của trời đất vào thu. Cũng chừng đó ngày tháng phân định cho mỗi mùa nhưng dường như mùa thu như đi dài hơn trong tiết trời se se lạnh, trong những buồn vui mà ai cũng cố suy tư, lắng trầm lại với chính mình.

Tôi đã mang theo những vần thơ, ca khúc, áng văn... về mùa thu, xem đó là hành trang tất yếu trong đời sống tinh thần và tâm hồn của mình trên chuyến tàu hành trình cuộc đời. Đó có thể là một "tấm vé" quay trở về với khu vườn tuổi thơ trong vạt, với đồng nội, với tổ ấm gia đình, với bạn bè... Tôi cảm nhận những sáng tác ấy là hay, đẹp và độc đáo, và càng thấy hay, đẹp và độc đáo hơn cùng với những gì tôi nhận ra từ thực tại của mùa thu mỗi nơi mình đã từng sống và đi qua. Như không thể nào quên giàn mướp đầy hoa sắc vàng trong trước sân nhà mẹ nơi quê nhà, hay tiếng trống thu giòn giã bồi hồi ngày khai trường trong năm học đầu tiên tôi làm cô giáo. Âm thanh tiếng trống vang vọng trải dài ra trong nắng vàng sân trường. Hay một mùa thu chưa xa, tôi ru con gái đầu lòng no tròn giấc ngủ bằng chính bài hát mẹ ru tôi ngày xưa "*Gió mùa thu mẹ ru con ngủ / Đêm năm canh chày mẹ thức đủ vừa năm*".... Mỗi độ thu sang, với bao tình ý vời vời tình khôi ấy, cứ lại là dịp để chính những cảm xúc thật như nhắc nhở lòng mình trở về với kỷ niệm...

Có ai đó phải cảm ơn mùa thu, cảm ơn sự dịu dàng, thanh thoát nhẹ nhàng của thiên nhiên, vạn vật? Phải chăng, hãy nuôi dưỡng cho mình một "tâm khí" của mùa thu để vượt qua những lối đi khúc khuỷu của cuộc đời mà có lẽ ai cũng phải bận lòng, vơ vẩn tới sự bình yên, hạnh phúc? Mùa... đã thu và đã là bản tâm ca muôn thuở, hãy tự nhận ra cho mình khúc thu đẹp nhất để tâm hồn mãi mãi sống để yêu thương, để có một tấm lòng chỉ "*để gió cuốn đi*" (Trịnh Công Sơn)... ■



Những cơn mưa mùa hạ

NGUYỄN VĂN HOAN

Đi học về, vứt cặp sách lên bàn, tôi cầm diều chạy ngay ra bãi ngô đầu làng. Chiều nay có gió đông nam, chúng tôi hẹn nhau đi thả diều. Con Lu thấy tôi cầm diều chạy đi cũng chạy theo. Tôi quát:

- Lu! Về trông nhà.

Lu cụt hứng cúp đuôi quay về. Nó biết gì mà cũng đòi theo ra bãi.

Mùa này, ngô đã thu hoạch xong, thân ngô được chặt hết rồi, bãi trải ra mênh mông. Gió lùa dọc bãi còn đuổi sức. Bãi rộng thế, cho Lu theo ra, Lu thích lắm. Nó chạy đi rồi chạy lại, nhặng cả lên; chán chê rồi sục vào hang

dế, hang nhái. Trong lúc chúng tôi say mê thả diều thì nó say mê săn bắt. Mũi sục hang, chân cào đất. Đất bám đầy hai chân trước, đất bám cả hai chân sau. Cả mũi nó, cả mép nó cũng đầy đất. Chính vì thế, lần này nhất định tôi không cho nó theo. Hẳn là nó giận tôi lắm.

Thuở ấy, quê tôi có những cơn mưa mùa hạ rất lạ. Bầu trời đang quang đãng bỗng tối sầm lại. Vài tiếng sấm nổi lên ở phía Tây, trên đỉnh núi Ba Vì. Mưa rào rào đổ xuống dầm bảy phút rồi tạnh hẳn. Nó ào đến chỗ này một lúc, ào qua chỗ khác một lúc; thoát đến, thoát đi, nhanh như một đứa trẻ tinh nghịch. Mặt đất nóng hầm hập, hơi nước bốc nghi ngút. Mưa ập đến nhanh

như thế thì trời cũng chẳng kịp tránh mưa. Đang chơi diều trên bãi, bọn trẻ chúng tôi vội thu diều, giấu vào vạt áo, một mạch chạy về nhà. May mà diều không việc gì nhưng đầu tóc, người ngòm thì ướt nhoeo cả ra. Vừa cất diều xong thì trời lại tạnh. Phía Tây mặt trời còn bừng sáng lên mới tức chứ. Tôi hậm hực ra ao tắm. Từ nãy tới giờ con Lu luôn sẵn đón tôi. Có lẽ nó biết tôi bức tức nên lộn ton chạy theo tôi, tranh thủ liếm vào đôi chân ướt nhoeo của tôi để vỗ về tôi. Bây giờ tôi ra ao, nó cũng theo ra ao. Tôi ngồi tắm giặt ở cầu ao thì nó tìm một chỗ khô đặt dít vào đó ngồi đợi. Tôi về, nó lại theo về. Không thèm để ý đến nó, tôi ngồi ở hè nhìn về phía bãi, tiếc rẻ. Lu thấy tôi không vui nên nó không dám trêu đùa bằng những mà nằm khoanh bên cạnh tôi, thỉnh thoảng lại ngước nhìn tôi xem đáng điệu tôi thế nào. Rồi cơn mưa lại rào rào kéo đến. Tôi đắm chiều nhìn những giọt nước mưa giăng màn bên mái hiên, lắng nghe tiếng tí tách dưới giọt gianh. Lạnh như tiếng mưa rơi, lòng tôi không sao vui lên được. Chiều nay, diều của tôi bay thấp hơn diều của thằng Tèo, lái thế nào cũng vẫn vậy, thả bao nhiêu nèo cũng vẫn vậy.

Chiều hôm sau, chúng tôi lại ra bãi thả diều. Lúc tôi cầm diều chạy đi, con Lu biết thân biết phận nằm khoanh ở đầu hè, mắt ngước nhìn theo tôi đầy oán trách. Hôm ấy, diều của tôi vẫn thấp hơn diều của thằng Tèo. Tôi thả hết dây, dây vông xuống mà diều thì không lên. Sau đó thì tôi hiểu ra rằng sở dĩ như vậy vì diều của tôi bé hơn diều của thằng Tèo. Thế là tôi không còn ấm ức với Tèo nữa. Rồi cơn mưa chiều lại đến. Cuộc vui của chúng tôi kết thúc. Nhưng khi tôi về đến nhà thì không thấy con Lu nằm ở đầu hè. Tôi gọi hồi lâu cũng không thấy. Mưa đổ xuống một lúc, con Lu mới lóp ngóp bò về. Thấy nó ướt như chuột lột, tôi tức điên người. Tôi đứng ở trên hè chặn đường nó, tát một cái vào mặt nó và mắng:

- Ai cho mày đi để bây giờ ướt hết thế này?

Không một chút phản ứng, nó nhảy lên hè, giữ một cái, nước bắn lên tận mặt tôi. Tôi càng tức hơn vì không biết đến bao giờ lông nó mới khô. Tôi tát cho nó một cái nữa còn nó thì thản nhiên ngồi liếm lông. Liếm hết bụng lại liếm đến hông, giơ chân lên mà liếm, dạn chân ra mà liếm. Nhìn nó một lúc thì tôi nguôi giận và nghĩ lại: Có lẽ hôm qua thấy tôi bị ướt, nên hôm nay khi trời đổ cơn mưa, con Lu đã chạy ra bãi rủ tôi về. Nghĩ thế, lòng tôi ân hận. Tôi tìm giẻ khô lau cho con Lu. Được tôi âu yếm, con Lu tỏ ra cảm động lắm, có lúc đang tự liếm, nó liếm nhầm sang cả tay tôi.

Để xem con Lu có thông minh như tôi nghĩ hay không, những buổi chơi diều sau, tôi về trước khi trời nổi cơn mưa, quả nhiên con Lu vẫn nằm ở đầu hè. Khi mưa đổ xuống, tôi và Lu chơi ở hè. Tôi thì ngắm mưa giăng màn dưới mái hiên, còn Lu nằm nửa thức nửa ngủ, tỏ vẻ vô cùng sung sướng vì trong lúc mưa gió vẫn có tôi ở bên cạnh.



* * *

Lớn lên, tôi phải xa nhà đi học rồi đi làm. Lúc con Lu đã già, mẹ tôi phải bán nó đi. Nghe tin ấy, tôi rất buồn nhưng biết làm sao được. Cuộc đời là như thế. Chỉ ân hận rằng thuở ấy, tại sao tôi hay mâu thuẫn với con Lu như vậy.

Những mất mát của đời tôi ngày một lớn dần. Khi vợ con đã ổn định, muốn đón bố mẹ ra Hà Nội ở, chúng tôi phải bán nhà ở quê đi. Bao nhiêu năm trôi qua mà tôi không thể nào quên nếp nhà tranh năm xưa..., không thể nào quên cái chái nhà nơi tôi vẫn cất con diều..., vẫn nhớ từng lỗ giọt gianh dưới sân, nơi nước giọt gianh đục khoét bao năm tháng để lại cho tôi những kỉ niệm hằn sâu hơn cả lỗ giọt gianh. Niềm nhớ nhung ấy càng cồn cào thêm khi bãi ngó đầu làng tôi bị biến thành khu công nghiệp. Tôi buồn đến mức chẳng thể nào buồn hơn được nữa. Chẳng còn những ngọn gió đông nam tinh nghịch thổi rạp những ngọn cỏ giày cao lều đều, lợ thơ; thổi cho những lá ngô khô bay la đà trên bãi, thổi cho những cánh diều tuổi thơ của chúng tôi bay lơ lửng trên trời. Tôi tự an ủi: Mình bán nhà đi thế mà đặc sách.

Rồi bố mẹ tôi lần lượt qua đời.

Bây giờ, tuổi chúng tôi cũng đã về chiều. Những buổi chiều mùa hạ, khi cơn mưa rập rình ập tới, tôi lại ngồi bên cửa sổ nhưng không chờ đợi một cơn mưa mùa hạ. Tôi ngồi đấy nhìn ra ngõ xem hố ga có kịp thoát nước không. Mưa mùa hạ bây giờ chẳng còn tinh nghịch như xưa. Nó hung dữ. Nó đôn dập đổ nước xuống, đổ dai dẳng hàng giờ. Nước duềnh lên trong ngõ phố mang theo bao rác rưởi, xú ối.

Tôi ngồi lặng nhìn dòng nước ngầu đục bắn thiu, chỉ mong cho mưa mau tạnh để nước lụt sớm rút hết đi. Những cơn mưa mùa hạ đã tưới mát cả thời thơ ấu của tôi, bây giờ chỉ còn là một hoài niệm. ■



Đàn gảy tai trâu

LÊ HẢI ĐĂNG

Ngày xưa ngày xưa, ở Trung Quốc có một nhạc sĩ nổi tiếng tên là Công Minh Nghĩa rất giỏi về đàn tranh. Một hôm, Công Minh Nghĩa thấy trên thửa ruộng gần nhà mình có một chú trâu đang gặm cỏ, ông bèn tức cảnh sinh tình, liền đi lấy đàn ra gảy cho trâu nghe. Khúc nhạc mà Công Minh Nghĩa đàn vô cùng gợi cảm, bản thân ông cũng hoàn toàn bị nó làm cho mê hoặc. Song, trâu ta chẳng thèm đếm xỉa gì tới khúc nhạc tuyệt vời, chỉ chú ý... gặm cỏ trên cánh đồng.

Tên chuyện ngụ ngôn trên từ lâu đã trở thành một câu thành ngữ "Đàn gảy tai trâu" được sử dụng rộng rãi trong đời sống. Quan sát từ thực tế, xét về bản tính loài trâu cũng như yếu tố "trâu" trong nhân tính loài người, chúng ta dễ lầm tưởng rằng trâu không biết nghe nhạc hay chẳng hiểu gì về âm luật trong giai điệu tri thức sống. Có lần, tôi thấy một con trâu nghênh ngang trên con đê giữa hai bên cánh đồng bát ngát, đằng kia có một chiếc ô-tô đang giống còi tiến đến; tôi cứ ngỡ trâu sẽ tránh đường

cho xe vượt qua, nhưng sự thực chẳng phải vậy, trâu vẫn đi thủng thẳng giữa con đê chật hẹp, mặc cho người lái xe liên tục bấm còi trong sự nhẫn nại.

Xét về nhân tố "trâu" trong nhân tính đa số ám chỉ thói quen bất cần, bất cần, vô trách nhiệm trước vai trò và trách nhiệm xã hội. Loài người sinh ra vốn có hai tai và một cái miệng. Tai mở thường trực, còn miệng khép lại. Song, chúng ta hầu như hay làm ngược lại, miệng mở nhiều hơn tai. Tai của chúng ta vốn là cơ quan thính giác, tiếp nhận thông tin bằng âm thanh, song không phải mọi âm thanh tai đều hấp thu. Bản chất của tai hết sức chủ quan. Tai thích nghe những lời đường mật, nịnh nọt, giả dối... thay vì những lời khuyên bảo chân thành, đặc biệt như góp ý, phê bình... Đây có lẽ là sự khiếm khuyết trong nhân tính, chứ không chỉ riêng ai. Bởi vậy, bi kịch mới nảy sinh câu chuyện trên.

Nạn kẹt xe ở nhiều đô thị nước ta chẳng đợi tới những năm gần đây mới trở thành vấn nạn. Môi trường tự nhiên cũng không phải chờ đến thế kỷ XXI



Nguồn: lekhasy.vnweblogs.com

mới gióng lên hồi chuông cảnh báo... Cùng với nhiều vấn đề xã hội khác thực tế đều đã được dự báo từ rất sớm, từ bài học rút ra ở những quốc gia phát triển đi trước. Vào thập niên 90 của thế kỷ XX, nhiều chuyên gia kinh tế trong, ngoài nước đã đề cập tới *Những vấn nạn trên con đường phát triển* của nước ta, trong đó vấn đề giao thông đô thị, môi trường đô thị được nhắc đến khá nhiều. Hình như ai đó trong năm 2000 đã từng hài hước dự báo về tốc độ di chuyển của phương tiện giao thông ở TP.HCM vào khoảng năm 2005 rằng khi ấy phương tiện di chuyển tiện lợi nhất của cư dân thành phố là đôi chân! Nhưng, "khúc dạo đầu" cho một tiến trình được dự kiến là diễn ra cách đây hơn mười năm đã bị rơi vào thinh không!

Chẳng thể nói rằng, nhiều nhà lãnh đạo, các tổ chức quan phương hữu trách của ta không tiên đoán hay dự liệu được tình hình trên. Họ đâu phải hạng không hiểu gì về "âm luật"? Vậy chỉ có thể lý giải hiện tượng dưới góc độ bị kịch của hệ quả từ câu chuyện. Bởi thế, nhân quả

nhân tiền của thói vô trách nhiệm đã khiến cho bản tình ca "công nghiệp hóa", "đô thị hóa" vốn mang giai điệu rục rỏ, xán lạn trở thành điệp khúc "phiền não" ám ảnh người dân thành phố. Hệ quả tương ứng của nạn kẹt xe kéo theo môi trường bị xuống cấp nghiêm trọng. Trong thực tế, "khúc nhạc dạo" cảnh báo về môi trường xuống cấp từng được nhiều quốc gia công nghiệp tấu lên từ nửa đầu thế kỷ XX (sớm nhất là sau Thế chiến thứ hai), đặc biệt với trường hợp của Nhật Bản. Người dân Nhật Bản từng khốn khổ trước tình trạng nhiều nhà máy công nghiệp xả nước thải ra các con sông, con kênh dẫn đến môi trường bị hủy hoại, nguồn nước ô nhiễm nặng... từ đó hàng loạt bệnh nan y liên quan tới đường hô hấp phát sinh. Có nhà triết học từng tiên liệu: tất cả vì sự tăng trưởng kinh tế tất yếu sẽ phải trả giá, nhưng nếu nhìn xa trông rộng, cái giá của sự lạc hậu càng lớn hơn. Nói cách khác, thành quả kinh tế đạt được bất chấp nhu cầu an sinh xã hội, môi trường sẽ chẳng thấm vào đâu so với nhân lực, vật lực, tài lực đổ ra để khắc phục hậu quả của nó. Bản đàn với hai khía cạnh của một hình tượng này đã vang lên rất sớm bằng sự phẫn nộ của thiên nhiên và sự xuống cấp của sức khỏe; nhưng sự phát tác của virus "trâu" đã khiến đôi tai của nhiều nhà hữu trách trở thành tai của Beethoven!

Công nghiệp bản thân nó mới chỉ nói lên được tính chất của phương thức sản xuất, còn việc "hóa" như thế nào mới chỉ ra phẩm chất của nền công nghiệp. Đô thị cũng thế, vấn đề nằm ở chỗ "hóa" như thế nào? Một nước có điều kiện phát triển khá gần gũi với nước ta là Trung Quốc, sau 30 năm đổi mới, họ "hóa" ra những đô thị như Hàng Châu, Tô Châu, Phù Văn, Chu Hải, Thẩm Quyến... còn thành phố Hồ Chí Minh từng là Hòn ngọc Viễn Đông từ mấy thế kỷ trước, nay bỗng dưng trở thành trung tâm của nạn kẹt xe, triều cường (đi kèm với cống cường), môi trường ô nhiễm... (ô nhiễm khói bụi, tiếng ồn, thực phẩm...). Mỗi ngày, một người bình thường nói chung chỉ ăn vài bữa, nhưng ai cũng phải hít thở 24/24. Điểm khu biệt giữa người sống và người chết nằm ở hơi thở, nên khi bầu không khí thiếu phẩm chất sẽ ảnh hưởng trực tiếp 24/24 đến tất cả người dân sống nơi đó. Chẳng cần vào bệnh viện, chúng ta có thể thấy được "khúc nhạc" của sức khỏe xuống cấp đã tấu lên ở khắp mọi nơi, nó đã trở thành nhạc "hiệu" của thành phố này. Xung quanh ta, trong số những người thân có đầy rẫy nạn nhân mắc bệnh ung thư, còn loại bệnh về đường hô hấp nhiều chẳng thấm thía vào đâu.

Thiết tưởng, chẳng cần phải có thính giác tốt lắm ta cũng nghe được khúc nhạc trên. Nhưng, có đôi khi, với bản tính phớt lờ, bàng quan – chẳng thèm nghe – cộng với thói vô trách nhiệm về thính giác, người ta tuyệt nhiên chẳng nghe thấy gì, càng khó thể nói rung động, cảm động, kinh động trước âm thanh bi thiết ấy. Để rồi hậu quả của nó đem lại đã biến câu chuyện từ hài sang bi! ■

Củ nân

LÝ THỊ MINH CHÂU

Cả cái làng này, ai mà không biết củ nân. Chẳng những biết mà còn mang ơn nó nhiều nữa. Thời chiến tranh, không có nó cứu đói hẳn cả làng này đã đi tong từ lâu. Còn bây giờ, gạo xuất khẩu sáu, bảy triệu tấn mỗi năm mà nói chuyện ăn độn củ nân thì hư cấu quá. Có chăng là trong truyện cổ tích.

Ừ, thì cổ tích.

Củ nân còn có tên là nưng, nê hay nân. Ăn được, nhưng phải biết cách chế biến. Thái mỏng rồi ngâm qua bốn, năm lần nước trong, mỗi lần một ngày, để giải hết chất độc. Nếu không làm thế, ăn vào cổ họng sẽ bỏng rát, ngứa ngáy dữ dội, choáng váng, nôn mửa, không chữa kịp thời thì có thể tử vong. Nân khô, ghế với cơm như khoai, như sắn. Già nhỏ nấu xôi hay nướng trong ống lồ ô cũng ngon như cơm lam nhưng chắc chắn là hương vị “đặc biệt” hơn nhiều.

Nhà có năm miệng ăn mà chỉ hai người làm. Vất vả lắm. Cơm trắng, muối mặn là ngon lắm rồi. Có thêm con tép, con rô thì bố chúng phải lội suối, lội ao từ tờ mờ sáng hay thả lờ, úp nơm từ đêm trước.

Làng không có cánh đồng lúa nước. Mỗi năm một mùa lúa rẫy, một mùa ngô. Mùa gặt, bụng bọn trẻ con đứa nào cũng căng cứng dù chỉ là cơm với rau. Cơm không phải độn sắn, khoai nên thành cao lương, đặc sắn. Cơm ngon thì tiếng cười nói theo đó cũng tươi giòn. Rương gạo đầy

ấp, ngạo nghễ chiếm giữ một góc nhà. Đêm, lũ chuột tha hồ nhảy nhót, ù əc trên đó nghe cũng vui vui.

Công việc đồng áng vừa xong là tới mùa mưa. Mưa tí tí. Ngày ba bữa đồ bếp, quanh quẩn mỗi chuyện nấu nướng. Vừa ăn xong món này đã bày món kia. Nghĩ, đàn bà ở không chắc không chịu nổi.

Hết mùa mưa thì gạo cũng hết, cạo rương sồn sột, mẹ mệt là ngồi thừ.

- Chẳng còn gì để ăn.

Mẹ chống rá gạo lên trời. Bố, mắt không rời quân cờ, tay giơ lên nắm đấm.

- Đói chả chết. Bao nân còn nguyên cả đấy. Ăn cho sướng mồm vào.

Nước mắt mẹ trào ra. Mẹ chờ đợi đi về phía bao nân.

Rồi bao nân cũng với. Với lũ trẻ thì nân hay cơm cũng thế. Một thứ dẻo dẻo thơm thơm. Một thứ bùi nghen. Thứ nào ăn vào cũng no, cũng chạy nhảy chơi đùa được cả, thì câu nệ làm gì. Chúng vẫn lớn hoi hoi, tròng trọc, đen nháy. Sách vở cũng nhàu nhĩ như chúng. Trong thâm tâm chúng, trường học đúng là cái sân chơi của thời tuổi trẻ. Cái sân chơi ấy dạy chúng khôn hơn chút thôi, nghĩa là biết đọc biết viết, biết năm cộng năm là mười, biết đếm tiền là được. Còn chuyện học hành ư? Cả làng này ai mà chẳng đi học, nhưng có ai là không cuốc đất. Học chỉ như một nghĩa vụ. Mà không học thì cũng chẳng biết làm gì. Vừa học, vừa chơi cũng tốt chứ sao.

- Về ăn cơm, các con.

Mẹ chúng gọi.

- Mẹ phải nói là ăn màu mới đúng chứ ạ. - Thằng con lớn lý sự.

- Cha mày!... Văn với về.

Bữa ăn hôm ấy mẹ chúng ngồi đầu nồi. Bà đơm cho chúng từng bát lớn. "Cơm nắn" ăn với rau tập tàng chấm kho quẹt cũng ngon chán. Một loáng thì nồi trống rỗng, bà đưa mắt nhìn chống cầu cứu. Ông ngán ngấm.

- Mẹ kiếp, củ nắn mà cũng chả có để ăn.

Hôm sau, ông trộn vào nắn khô một ít nắn sống mới ngâm qua hai lần nước. Ăn thì hơi ngứa ngứa nhưng chắc chẳng sao. Nồi nắn hôm ấy tưởng thiếu hóa ra thừa. Vợ trách chồng:

- Ông ác quá!

- Không làm thế, thì lấy gì tọng vào họng, lấy gì sống qua ngày giáp hạt?

Vợ im thin thít.

Ơn trời, chẳng ai đau ốm gì. Ông cũng đâu phải là thánh. Ông cũng nhát bỏ xừ. Để giải độc, ông đã nấu một nồi nước vỏ đậu xanh, phòng hờ. Không dùng cho việc giải độc thì uống cũng tốt, cũng mát. Đêm ấy, ông chẳng thể nào ngủ yên, hết rờ trán đứa này đến đứa khác. Lo lắng, bồn thần. Sáng hôm sau, ông cũng chưa an lòng. Ông dò xét cử chỉ của từng đứa con xem có gì thay đổi. Ông vui mừng khi thấy chúng vẫn nô đùa bằng những trò chơi còn táo tợn hơn trước. Ông nghĩ đến câu "đức năng thắng số", số nghèo, nhưng ngôi mà đời đức đến thì đời ra ruột. Không liều thì không thể vượt qua số phận. Phận nghèo. Thảo nào, người ta gọi ông là lão nông gàn.

Bây giờ thì các con ông đã trưởng thành cả rồi, chúng đâu thèm ở cái làng khỉ ho, cò gáy này nữa. Chúng ra phố làm ăn sinh sống, nghe đâu cũng khá giả. Chúng nài nỉ vợ chồng ông đến chơi với chúng nhưng ông thấy chưa tiện. Ông ngại mình quê mùa. Nhà vắng tanh, hai vợ chồng già thui thủi, tay làm hàm nhai chả phải lo nghĩ gì. Lâu lâu, cơm cũng độn củ nắn nhưng không còn thường xuyên như trước. Thèm, ông bà làm bánh hay nấu xôi rồi mời bạn bè trong xóm tới ăn. Ăn là để nhớ. Nhớ đến ngày xưa, bà hàng xóm buồn buồn:

- Ngày ấy, tôi cũng như ông bà, cũng nghèo, cũng ăn củ nắn để sống. Nhưng vợ chồng, con cái ông bà còn đầy đủ cả, còn tôi thì không. Có đứa con duy nhất cũng phải theo ông bà ông vải. Buồn thúi ruột.

- Nó bệnh à.

- Không, tại củ nắn độc ác này này.

- Nghĩa là...

- Đói quá, nấu ăn bữa.

Hai người đàn bà đưa tay lau nước mắt. Ông ngó sang phía khác. Phải chi ngày ấy, nhà ông có nhiều củ nắn khô thì ông đâu buồn xỉn làm gì. Tội nghiệp, mẹ góa con côi, tính toán đàn bà, ăn chẳng no lo chẳng tới.

Giờ thì ông mới nghiệm ra một điều là trong gian khó bản thân con người có một sức mạnh vô hình giúp họ

bằng qua hoạn nạn. Trong tảo tần vất vả, bản thân con người có một sức chịu đựng dẻo dai vô cùng. Ông trời cũng rất chu đáo, ông cho con người chết đói khó hơn chết khát. Bởi nước thì dễ tìm. Ông cũng không quên khuyên con người ăn uống đạm bạc thì ít bệnh tật. Vòng bụng càng to thì vòng đời càng ngắn. Đúng quá, hợp với người nghèo quá. Bây giờ, đại dịch gút rồi béo phì ngày càng trỗi dậy. Giàu cũng chẳng dám ăn gì. Thấy hải sản tươi ngon càng sợ, thịt đồ càng kinh, ăn vào chân căng sưng tấy đau nhức vô cùng. Dùng nhiều tân dược thì mau tiêu tung ruột, gan. Vậy mà, cả cái làng này chẳng ai đau bệnh ấy bao giờ. Không nghĩ ngờ gì nữa, đích thị là nhờ củ nắn. Ông nghĩ, có một loại thần dược nào đó trong loại củ này, chúng nép giữa hai lần sinh tử? Ông không chắc lắm. Nhưng ông đinh ninh thế, bởi vì người ông rất khỏe, vợ ông cũng vậy và chắc cả làng này cũng vậy. Không khỏe sao sáu, bảy mươi tuổi vẫn cuộc đất ào ào.

Cháu nghì hè, vợ chồng ông lên thăm cháu. Con cái, cháu rể ai cũng vui mừng, nhất là các cháu của ông. Ông nhìn chúng đăm đăm đứa nào cũng xinh xắn, trắng trẻo nhưng hơi ục ịch, búng beo. Không như con ông ngày xưa, đen nhẻm, gầy gò nhưng rắn chắc. Ông chưa phân biệt rạch ròi được lý do nào. Ông nghĩ tới chuyện ăn uống:

- Hôm nay các cháu thích ăn món gì nào?

- Dạ, tùy nhà hàng đó có món gì ngon, ông ạ.

- Ngày nào cũng thế? - Ông trố mắt.

Mẹ chúng cắt ngang:

- Làm gì có đâu cha. Hôm nay là ngày đặc biệt chúng con mời cha mẹ. Còn với các cháu thì sinh nhật hay các ngày lễ lớn mới được đi nhà hàng. Cha làm như ở phố để kiếm tiền lắm đấy...

Thôi thì ế hế mỹ vị cao lương, chúng nài nỉ ông gọi món gì ông thích. Món gì ông cũng thích nên chẳng biết thích món gì. Hơn nữa, với ông ăn là để lấy no, ăn để sống chứ đâu phải sống để ăn. Ngon hơn hay dở hơn một chút đều chấp nhận được, miễn là giá cả hài hòa. Rồi khi tiệc tàn, người hầu bàn hỏi con ông dùng món tráng miệng nào. Nhìn thực đơn thấy tên món chè hay hay, nhắc nhớ về quãng ngày cùng cực, con ông gọi cho mỗi người một ly. Khi ăn, các con ông đều nhìn cha mẹ chúng cười cười. Ông cũng cười nhưng đâu biết gì đâu.

- Cha ăn món này có ngon không? - Con ông hỏi.

- Chắc đấy?

- Bốn chục ngàn một ly đó, cha.

- Bằng sáu, bảy ký lúa cơ à.

- Dạ, nhưng con hỏi cha ăn có ngon không?

- Ngon, nhưng nó làm sao ấy... Nhai sức sức, quen quen...

Các con ông cười ồ, khoái chí.

- Món "Cuốc tuôi" đó cha.

- "Cuốc tuôi" là gì, nghe Tây Tây...

- Dạ, là chè củ nắn.

Ông buông muống, mắt tròn tròn nhìn ly chè còn quá nửa. Ông ghen. ■

ĐỖ HỒNG NGỌC

Nghĩ về trái tim

NGUYỄN LỆ UYÊN



Với hơn 30 tác phẩm đã xuất bản từ năm 1967 đến nay; gồm nhiều thể loại: thơ, tùy bút, tạp văn; chứa đựng nhiều nội dung: chuyện đời, chuyện xã hội, chuyện y học, và cả Phật học... không biết nên xếp Đỗ Hồng Ngọc vào hàng ghế nào cho thật chuẩn. Nhà thơ, thầy thuốc, nhà nghiên cứu, nhà văn? Đối với ông, vị trí nào cũng chính xác. Bởi những gì ông viết, đã xuất bản và đến tay độc giả đều tròn đầy, khiến họ thích thú đến bất ngờ; vì ngoài cốt cách văn chương, những suy nghĩ của ông về các vấn đề xã hội, đời sống, không xa vời; nó gần gũi, quanh quẩn, ẩn núp đâu đó quanh ta mà ta chưa nhìn thấy; chỉ đợi khi ông viết lên, đọc lại, ta mới thấu lẽ, à lên một tiếng, vài ba tiếng, tùy theo tâm trạng mỗi người kèm với không gian, thời gian của người đọc: nó có đấy mà sao ta không thể nhìn thấy, ta không hề nghĩ ra được nhỉ? Những điều bình thường cũ rích, trong đời sống, qua ngòi bút của ông hoá ra quá đổi mới lạ, như đã "hóa giải", đã "khải thị", giúp ta từ những cách nhìn, cách nghĩ hạn hẹp, quanh co cạnh ta thành rộng ra để ta "như thị".

Từ tùy bút cho đến thơ, ông không hề đùa cợt với chữ nghĩa, thổi phồng mọi sự vật... mà chỉ chần thành nhẩn gửi cho mọi người, cho mai sau. Ông cẩn thận quan sát những hiện tượng quanh mình, trong chính cuộc đời mình y như người thầy thuốc chẩn đoán căn bệnh cho bệnh nhân. Mà đúng vậy, ngay trong quyển *Những tật bệnh thông thường trong lứa tuổi học trò* (NTBTT), La Ngà xuất bản năm 1972, ông đã giải mã những băn khoăn thắc mắc của lứa tuổi dậy thì, từ phòng ngừa cận, viễn, loạn thị, trĩ, táo bón, đái dầm, biếng học... cho tới những vấn đề tâm sinh lý thầm kín khó chia sẻ với cha mẹ... như thế tất cả ông đã từng nếm trải, rồi tập hợp lại thành kinh nghiệm sống cho các cô cậu ở tuổi học trò. Đã đành ông là bác sĩ nhi khoa, nhưng ngôn ngữ diễn đạt không phải là ngôn ngữ của một ông thầy thuốc khám bệnh, kê đơn mà là ngôn ngữ của một chàng nghệ sĩ vừa bóc tách sự thật trần trụi vừa xoa dịu nó bằng một thủ thuật của tiếng gió luồn lách trong những bụi tre buổi xế trưa. Hãy nghe ông viết về bệnh biếng học và cách điều trị: "...nếu có một ngày nào đó, em bỗng nhiên thấy mình làm biếng kinh khủng, không còn muốn ngó ngang gì đến sách vở, thì em hãy nghĩ ngay đến điều này: phải chăng em

chán ngán sách vở, bài học vì đã “ứ” đến tận cổ? Vì trí óc em đã “saturé” không còn có thể nhồi nhét gì thêm... Tình trạng biếng học “cấp tính” này sẽ qua rất mau, với một thứ thuốc rất hiệu nghiệm – không phải là cà phê, trà lipton đâu nhé – mà là vút sách vở đi, rong chơi ngoài đường một buổi chiều, cầu cá cũng được, đá banh càng tốt... Sau đó ngủ một giấc cho đầy. Tình dậy bảo đảm sẽ “ghiền” học trở lại”. (NTBTT).

Cũng trong tập này, nói về chiều cao, cân nặng, ông mở đầu còn hơn cả một đoạn thơ xuôi: “Tới một tuổi nào đó, ta quan tâm rất nhiều đến thân thể mình. Ta lắng nghe cơ thể mình phát triển như chú dế mèn lắng nghe tiếng cỏ mọc trong đêm khuya” (Sđd). Điều này khiến người đọc không cảm thấy chán ngán, trái lại, tạo sự tò mò, dù tiếp sau đó là những con số thống kê, biểu đồ, toán học! Có đến tám đầu sách ông viết cho tuổi mới lớn, mà quyển nào cũng bổ ích, cũng thiết thực trong đời sống của “lũ trẻ”.

Tôi đã nhận những quyển sách ông tặng về để tài này và đọc. Đọc một mạch, đọc với bao điều thích thú và sau đó “té ngửa” ra rằng mình hồi nhỏ cũng có lắm điều sai phạm với chính cơ thể mình! Hèn chi ngay cả học giả Nguyễn Hiến Lê, trong một bài tựa cho quyển NTBTT của Đỗ Hồng Ngọc, đã viết: “Một bác sĩ mà lại là một thi sĩ thì luôn luôn làm cho chúng ta ngạc nhiên một cách thú vị”.

Với những người bạn nhỏ, ông đã chăm chút như thể chúng là người ruột thịt, còn với người lớn thì sao? Ông cũng sẽ chia, đưa ra một vài nhận xét nho nhỏ nhưng lại chính xác đến từng mi li mét. Lướt qua những tập *Già ơi... Chào bạn, Thư gửi người bạn rộn hay Gió heo may đã về...* người đọc sẽ thấy được tấm lòng chân thật của ông. Những điều ông viết ra, có thể đúng với người này, hơi đúng đúng với người kia và hơi sai sai với người nọ, vì cảnh sống có khác nhau, ý thích khác nhau, suy nghĩ không mấy giống nhau, nhưng tựu trung vẫn là những gì ta có thể nhìn thấy một chút hình bóng của chính mình ẩn hiện đâu đó trong từng câu, từng đoạn. Ngay từ lời ngỏ quyển *Gió heo may đã về*, ông đã có lời thưa trước: “Vây, hỡi những người bạn yêu quý của tôi, xin hãy vui với những dòng chữ chân tình này, và nếu có bức mình thì cứ tự nhủ, làm gì có, hù dọa đó thôi... còn nếu có bắt gặp hình ảnh chính mình trong những dòng chữ này thì cũng hãy mỉm cười mà thứ lỗi... Vì sáng hôm nay, một chút gió heo may đã về, những chiếc lá vàng đã rơi lác đác trên những con đường thành phố, một mùi gió bắc quen thuộc đã len vào giữa những hàng cây...” (Sđd).

Ông viết những gì khiến ta phải “bực mình” hay “mỉm cười” khi mở từng trang sách? Thưa ngay, ông viết đủ điều, đủ loại, từ tâm lý, tình cảm đến vật chất, sinh lý v.v. nghĩa là những “thứ” nó bắt đầu bám vào cái tuổi không còn “hươm hươm” mà đang trong thời kỳ “gió heo may đã về”, tức thị một phần tư chân ở bên mép “bất hoặc”, còn lại là những dấu hiệu sắp gặp gỡ, chung sống trong “thế giới đại đồng” dưới ba thước đất! Cái thế giới ấy, nhìn chung rất hiếm người muốn gặp, dầu là “đại đồng”, nhưng đọc để biết trước vẫn là điều hăm hở, thu hút; cũng chẳng phải vì tò mò mà, hơn hết là để biết đó có phải là sự thật

hiển nhiên không. Tuổi “heo may” ấy, khổn nỗi không ai có thể cưỡng chống được. Phải chấp nhận như một qui luật tất yếu. Chúng ta hãy đọc thử một đoạn ngắn, khi ông cảm nhận một cách nhẩn nha mà thấu lý ở tuổi già cận kề: “Tuổi chớm già, ấy là tuổi của chuyển tiếp, của lúng túng, hoang mang, tuổi của những stress, của những lo âu và phiền muộn, của những mối hiểm nguy rình rập về sức khỏe, về quan hệ gia đình, xã hội... đồng thời tuổi chớm già cũng là tuổi của thành tựu, của thành đạt... Cái người ta dễ thấy nhất là những thay đổi sinh lý: hết khả năng sinh sản, giảm đời sống tình dục. Rồi luyến tiếc dĩ vãng, nhớ cái thơ ấu trẻ trung, cái thời nhan sắc. Một nỗi buồn man mác chợt đến dù không nói ra, dù gắng gượng quên đi...” (Sđd).

Bạn không đồng ý với cách nhìn nhận về tuổi chớm già của Đỗ Hồng Ngọc ư? Sai sót chăng? Khiến cưỡng chăng? Trái lại và trừ phi các bậc thiên sư chân chính mới có phản biện, nhưng chưa hẳn đã là tuyệt đối. Nhưng để giải quyết một cách rót ráo cho vấn đề vừa nêu trên, ông cũng chưa vài đoạn gọi là “lại quả”, ấy là: “Ở đàn ông còn thấy có hiện tượng “vùng lên”, vọt vọt, tìm kiếm những cuộc tình dễ dãi, “bồ nhí”, “bia ôm”... để chứng minh chút nam tính còn sót lại của mình... Ở phụ nữ không phải là không có một giai đoạn gần như vậy, người ta vẫn thường gọi đó là tuổi “hồi xuân” (Sđd).

Ngày trước đọc *Bonjour tristesse* của F. Sagan trong bối cảnh chiến tranh lan rộng, tàn khốc, là đọc để giải tỏa những phiền muộn qua nhân vật nữ – một cô gái thông minh, hòa nhập vào nếp sống hiện đại, thời thượng mang nhiều yếu tố hiện sinh, buồn chán – biểu tỏ thái độ của một cá nhân trước xã hội, rộng ra là thời đại. Nay được đọc Đỗ Hồng Ngọc, cũng “chào” nhưng lại là *Già ơi... chào bạn*, ở một thái cực khác: từ ngạc nhiên đến vui vẻ chấp nhận cái quy luật muôn thuở đến với con người một cách thanh thản, không thắc mắc, vướng bận. Có lẽ, do ông hiểu rất rõ những gì xảy ra với mình trong thời gian nằm ở Bệnh viện An Bình sau khi mổ sọ não do tai biến mạch máu não, nên không băn khoăn đặt câu hỏi “tại sao” hay thế này thế nọ, như các nhà văn phương Tây. Đây cũng là thời kỳ ông “ngộ” ra lắm điều, dẫn đến việc ông nắm bắt được phần nào các bộ kinh Phật, đặc biệt là Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm kinh và chuyển cái sự hiểu đó đến người đọc, dầu cho có nhiều chỗ cần phải bàn lại. Nhưng cốt lõi, theo ông: “Tôi thấy nó phóng khoáng, nó “lật đổ” tất cả những quan niệm hẹp hòi, đổ kỵ; nó có khả năng hòa đồng, khả năng giúp cho mọi người có trách nhiệm hơn với chính mình, thương người, thương cuộc sống, biết thưởng thức... cuộc sống với một chất lượng cao hơn... có hạnh phúc hơn; biết tha thứ, biết buông xả... nó có thể giúp cho những người đang mang mặc cảm tội lỗi thoát ra khỏi chính mình...” (Nghĩ từ Trái tim).

Trong chúng ta, những con người luôn chạy đua với áo cơm, mấy ai thấu triệt nghĩa lý Tâm kinh chứ chưa nói là thực hành, mặc dù chỉ có vốn vẹn 260 chữ? Chỉ có vậy, không hơn, nhưng một khi đã “hành trì” vào Tâm kinh, quán triệt nó đến tận cùng thì mới thấy vẻ đẹp uyên áo, những thâm hậu vi diệu của nó, bởi nó

như một ngọn roi quất vào chỗ u nhược, làm đảo lộn mọi suy nghĩ hời hợt, phủ định mọi thành kiến về Phật, Thập nhị nhân duyên... như ông hiểu và nói ra.

Với Tâm kinh thì, không phải để “tri” mà để “hành”. Nhưng “hành” như thế nào để “đáo bỉ ngạn” là điều không phải ai cũng “hành” được. Khó và khó vô cùng. Nơi ai cũng muốn đặt chân đến và bỏ chân ra là thiên đường và địa ngục. Có hai thế giới này thật không, nó ở đâu? Từ chiều kiến ngũ uẩn giai không, Đỗ Hồng Ngọc đã chỉ ra: “Niết-bàn hay địa ngục là do ta tự tạo ra cho mình, nó ở ngay trong ta thôi: Giận dữ, ngờ vực, sợ hãi, lo âu... tiêu hao của ta rất nhiều năng lượng, đốt cháy ta từ tầng này đến lớp khác chẳng phải là hình ảnh của địa ngục ư? Còn niềm vui, an lạc, hạnh phúc, vô úy... làm ta như chấp cánh bay lên, quên cả thời gian, không gian, chẳng phải là hình ảnh của thiên đường, Niết-bàn ư?” (NTTT).

Đọc *Nghĩ từ trái tim*, gấp sách lại, ta thấy như mình vừa được kéo ra khỏi bóng tối lòng nhùng, đến nỗi GS. Trần Văn Khê cũng phải thốt lên: “*Tâm kinh không chỉ đọc hiểu không thôi mà phải hành. Đỗ Hồng Ngọc nhờ tổng hợp được những yếu tố đó mà viết ra được quyển Nghĩ từ trái tim như thế này thì tôi cho đây là một tuyệt tác, nắm được tinh hoa của đạo Phật giảng ra một cách dễ hiểu, dễ dàng để cho người ta tìm thấy được mỗi chuyện làm ở trong đời...*”.

Những điều ở bên ngoài đời sống, Đỗ Hồng Ngọc đã một phần nhìn ra giá trị của cái tâm thường, như câu chuyện ngày trước, một nhà sư khi nhìn thấy núi, thấy sông vẫn cứ là núi là sông, sau nhờ có bậc thiện tri thức khai mở huệ nhãn thì thấy núi chẳng phải núi, sông chẳng phải sông, đến lúc thể nhập chốn tĩnh mịch, u nhàn, lại thấy núi là núi, sông là sông. Nói chung là ông đã “như thị”.

GS. Trần Văn Khê đã đưa ra nhận xét: “*Người bác sĩ này có cả tâm hồn hướng về con người nên đã viết cho trẻ con, cho những người già, người sản phụ, tìm hiểu căn bệnh để trừ bệnh, để giúp cho người ta bớt bệnh bớt khổ. Tâm tư đó là tâm từ đi tới bi. Người bác sĩ đó có được một tinh thần phóng khoáng, một tâm từ, còn là một nhà văn dí dỏm, một nhà thơ mộc mạc dễ thương nên hiểu được Tâm kinh như thế*”.

Hóa ra và bởi vì Đỗ Hồng Ngọc có được một tinh thần phóng khoáng, một tâm từ, còn là một nhà văn dí dỏm, một nhà thơ mộc mạc dễ thương nên hiểu được Tâm kinh như thế. Vậy thì chúng ta thử bước vào thế giới văn chương của ông:

Ông làm thơ trước khi viết văn. Tôi đọc những bài thơ đầu tiên ông đăng trên *Bách Khoa* năm 1960, chưa hề đọc một truyện hay một tùy bút, đoạn văn nào của ông, mãi cho tới tận sau này (Ông có một truyện ngắn duy nhất, tựa là *Người Thứ Hai*, đăng trên báo *Mai*, 1965, sau này in chung trong tuyển tập truyện ngắn *Cuộc đi dạo tình cảm*, cùng với Lữ Quỳnh, Lữ Kiều, Hồ Thủy Giũ... Nxb Trẻ, 1998; nhưng tôi cũng chưa hân hạnh được đọc!). Nhưng đầu ông có viết ở thể loại nào, thì câu văn vẫn cứ mượt mà chất thơ, kiểu “văn trung hữu thi” vậy.

Đỗ Hồng Ngọc làm thơ khi còn là học sinh trung học,

mãi đến năm 1967, ông mới cho in tập thơ đầu tay *Tình người*, lúc đang là sinh viên trường Y. Những bài thơ này xuất hiện trên *Bách Khoa* (từ năm 1960) và *Tình Thương* (1964) do SV Đại học Y khoa Sài Gòn chủ trương.

Đóa hồng mùa xuân tuổi thơ, ông viết tặng con sắp chào đời đã mang một tâm trạng u uẩn, có thể coi là nỗi lòng của giới trẻ lúc bấy giờ:

*Có những người không có cơm ăn
Có những người không có áo mặc
Có những cánh đồng cháy đen
Có những xác người chồng chất
Con sẽ vô cùng ngạc nhiên
... Làm gì có Việt Nam đánh giết Việt Nam*

(*Đóa hồng mùa xuân tuổi thơ*, Thơ Đỗ Nghê)

Thực tế oan nghiệt đó đã bóp nát trái tim rất nhiều người, trong đó có ông. Vì vậy, có thể xem, thơ Đỗ Nghê là một sự chọn lựa đúng đắn, là thái độ của của một thanh niên trí thức mẫn cảm trước thời cuộc và xã hội lúc bấy giờ. Đó là nỗi đau không cùng của những người chân chính, đúng như Lữ Kiều viết trong lời bạt cuối sách: “*Đã đến lúc chúng ta nghiêm trang đặt những vấn đề, với lịch sử. Ví dụ bài “Điệp khúc” là những câu hỏi thẳng thắn với đàn anh chúng ta thời 45. Những Bài về thứ nhất, Bài về thứ hai đặt vấn đề với thế hệ hiện tại, với những người mà ta gọi là Đồng Minh. Có lẽ, bây giờ sự thế đã khác đi, nhưng tôi nghĩ, trong tình thế ấy, đặt những câu hỏi như vậy là một thái độ can đảm, nằm trong thái độ nghiêm túc của anh*”.

Bài thơ *Thư cho bé sơ sinh* ông viết năm 1965 khi còn là SV thực tập tại Bệnh viện Từ Dũ, sau này ông cho in lại trong tập *Thư cho bé sơ sinh & những bài thơ khác* (Nxb Văn Nghệ, SG 2010) được Phat’s blog chuyển ngữ sang tiếng Anh tháng 11/2006, như là sự mở đầu tâm cảm của ông, nhìn về thế giới bên ngoài bằng trái tim chân thật, bằng cả tấm lòng của cá nhân có trách nhiệm trước một cá nhân khác. Bài thơ chỉ có hai nhân vật: anh và em. Anh là chàng SV năm thứ ba Y khoa và em chỉ là đứa bé mới chào đời. Ông đã khắc họa sự tương phản ngược chiều trong thế giới đa cực của cuộc sống ồn ào, đầy dẫy những cạm bẫy, lo toan, mưu tính... Đó là tiếng khóc và nụ cười, mắt thực và tối đen, cô đơn và êm ấm, là cái bé nhỏ vô cùng và rộng lớn cũng vô cùng. Bài thơ cũng chính là tâm trạng của anh chàng sinh viên ngành Y lần đầu tiên làm công việc đưa một sinh linh ra ánh sáng cuộc đời sẽ có nhiều ngọt bùi lẫn cay đắng chờ đón phía trước.

Tính chất của bài thơ, trước hết là giải bày tâm trạng, bởi đây là lần đầu tiên ông nhìn thấy và nhận ra bản thể của mình qua hình hài bé bỏng kia, rồi nó sẽ phải trải qua những đoạn đường mà ông và bao con người đã bước qua cuộc đời có nhiều những khổ đau và hạnh phúc, của nụ cười và nước mắt, nói chung là “đời nhiều nhân hiệu”.

Bài thơ không mang hơi thở ngôn ngữ bóng bẩy của thơ ca. Nó là những lời thầm thì, chia sẻ, là tâm tình của một con người với một con người trong mối quan hệ bình đẳng của người ra đời trước và người vừa chào đời sau; của

người đã bị trôi vào “đời” và người sắp bị “đời” trôi chạt. Ông sử dụng ngôn ngữ nói, mộc mạc đến dung dị để chuyển tải nội dung lời thơ là thân phận làm người, mà rất nhiều các triết gia, học giả, nhà văn cả Tây lẫn Đông từng mang ra mổ xẻ. Vấn đề của Đỗ Hồng Ngọc đặt ra không rộng, không gian là phòng sinh, thời gian là một giờ khắc nào đó trong ngày. Ông chỉ ghi lại những cảm xúc và tâm trạng đối với công việc của mình trước một em bé vừa chào đời, bắt đầu cùng ông, gia nhập vào đời sống mà ông đang ném trái, không hề thấy có một triết lý nào cao xa, chỉ nêu lên những sự việc có thật đang xảy ra và sắp sửa xảy ra với bé, bắt đầu tham dự vào “cõi người ta”.

Khi anh cắt rún cho em / Anh đã xin lỗi chân thành rồi đó nhé / Vì từ nay em đã phải cô đơn / Em đã phải xa địa đàng lòng mẹ (Thư cho bé sơ sinh & những bài thơ khác).

Nhiều người, khi đọc bài thơ này, cho rằng nhà thơ đã gửi đi một thông điệp cho mọi người hiện hữu trong đời sống muôn màu muôn vẻ. Tôi thì nghĩ, ông không hề có ý làm một công việc to tát đến vậy, mà hơn hết là từ tấm lòng, từ trái tim, là cái nhìn thấu triệt lẽ đời mà ông đã trải nghiệm, như một người đi trước, không phải là kẻ dẫn đường hay đưa đờ.

Thôi trân trọng chào em / Mời em nhập cuộc / Chúng mình cùng chung / Số phận / Con người...

Ý hướng đích thực trong bài thơ là những câu thơ cuối cùng này. Hai nhân vật anh và em sẽ hòa vào mẫu số chung: *số phận con người!* Và tình tế hơn cả, là ông ngắt câu ở nhịp hai như một cú rơi từ trên cao, không có sự chọn lựa.

Đỗ Hồng Ngọc sống nhiều, đi nhiều, viết nhiều. Văn thì viết như thơ. Thơ thì như văn và thơ nấu mình trong thơ. Đó là những gì tôi nhìn thấy, đọc ra từ cảm tính, rất chủ quan của mình. Ví dụ như mấy câu trong bài *Mũi Né*:

Em có về thăm Mũi Né không / Mùa xuân thương nhớ má em hồng / Nhớ môi em ngọt dứa xứ Rạng / Nhớ dáng thuyền đi trong mắt trong (*Mũi Né, Thơ Đỗ Nghê*)

Hay như thời gian tu nghiệp ở Pháp, ông nhớ nhà, nhớ quê, nhớ gia đình, bạn bè... Nỗi nhớ găm vào từng thớ vải. Câu thơ xếp đặt như câu nói, nhưng lại lột tả đến tận cùng nỗi nhớ nhung khóe cười, đến nao nức:

Anh hôn đằng sau/ Anh hôn đằng trước/ Anh hôn phía dưới/ Anh hôn phía trên/ Chiếc áo của em/ Món quà em tặng/ Chiếc áo lạ lùng/ Có mùi biển mặn/ Có mùi dứa xiêm/ Có mùi cát trắng/ Có mùi quê hương... (*Món quà, Thư cho bé sơ sinh...*).

Ông có quãng đời niên thiếu sống ở Phan Thiết, Lagi, tắm mình trong mùi gió biển; thiên nhiên hoang sơ với những đồi núi chập chùng, những dải cát trắng, sóng biển rì rào... đã ru ông, nuôi dưỡng tâm hồn ông để có được một Đỗ Hồng Ngọc có một cái Tâm trong veo như bầu trời không gợn chút khói mây.

Ông nhìn nhận cảnh quan theo vẻ đẹp mắt tuệ nơi ông đã dành, nhưng đến những cảnh huống mà nhiều

người nhìn thấy là xấu, khi lọc qua tâm hồn ông bỗng sáng rực như ánh sáng ban mai; ngôn ngữ diễn đạt cứ như những hạt sương long lanh trên cành lá biếc xanh. Ví dụ, các bài *La Ngà* từ *La Ngà 1* đến *La Ngà 5*, là diễn tả tâm trạng và cảm xúc của ông trước cái chết của đứa con gái yêu quý, nhưng lời thơ không hề bộc lộ chất bi lụy, đau thương. Ngược lại, cứ trong suốt như pha lê:

"Mỗi năm/ Mỗi người/ Thêm một tuổi/ Chỉ mình con/ Mãi mãi tuổi đôi mươi" (*La Ngà 3, Thư cho bé sơ sinh...*). Và bài kế tiếp: *"Ba vun gốc trường sanh/ Mẹ đặt chùm vạn thọ/ Lên mộ con/ Giữa ngày mừng Một Tết"* (*La Ngà 4, Thư cho bé sơ sinh...*).

Năm bài thơ viết về *La Ngà* thực chất là viết về “nỗi mất”, là nỗi đau không cùng của các bậc cha mẹ. Nhưng cả năm, lời thơ vẫn bình thản chấp nhận, không u oán. Chỉ có những người đã tiếp cận với Thiền học, đã “thị” được *ngũ uẩn giai không*, thả những cảm xúc tâm linh chạm gần đến ngưỡng như Đỗ Hồng Ngọc mới có được cốt cách và phong thái của các hành giả phương Đông trên đường bước vào mép rìa của cái Đẹp.

Ông đã từng thú nhận trong phần dẫn nhập và một chút lịch sử, ở ngay phần đầu *Nghĩ từ trái tim*, rằng “Viết với tôi là một bức xúc, là một cách “xả”! Tôi thấy nhẹ nhàng sáng khoái hơn khi được viết ra. Đó cũng là một cách tự chữa bệnh cho mình”. Và: “Tôi nhớ hồi mới lên mười, trọ trong chùa, đêm đêm cũng nghe cô tôi tụng “Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề, tát bà ha!” tôi chỉ thấy êm tai, ngủ ngon lành mà thôi”. Như vậy, rõ ràng Thiền học đã thẩm đắm tâm hồn ông từ tuổi thơ, như chuyện thấy núi thấy sông của nhà sư viết ở đoạn trên. Chính vì vậy, nên ông mới có những câu thơ như thế này:

Hội An còn ngái ngủ/ Mái chùa ôm vắng trăng/ Giật mình nghe tiếng chửi/ Gà gáy vàng trong sương (*Hội An, Thư cho bé sơ sinh...*).

Hay:

Lắng nghe hơi thở của mình/ Mời hay hơi thở đã nghìn năm xưa/ Một hôm hơi thở tình cờ/ Dính vào hạt bụi thành ra của mình/ Của mình chẳng phải của mình/ Thì ra hơi thở của nghìn năm sau (*Thở, sđd*).

Và một bài nữa:

Đất động ta cũng động/ Sóng thần ta cũng sóng/ Giật mình chợt nhớ ra/ Vốn xưa ta là đất! (*Đất, sđd*).

Nếu làm công việc như các ông Đặng Tiến và Cao Huy Khanh thì có thể xếp dòng thơ Đỗ Hồng Ngọc vào dòng thơ Thiền được chăng? Tôi không mấy rõ, chưa thể biện biệt, kiến giải; chỉ thấy và hơn hết là cảm được rằng, thơ ông xuất phát từ Tâm Cảm, vượt trên những triển phước. Nó thô mộc mà sáng long lanh; lột tách những vết bụi bám; cũng đứng chung những “số phận thơ”, cũng sẵn sùi meo mốc như lát sần mì để quên trong khay, nhưng lại toả ra chút mùi thơm dịu dàng lấp lánh. Đó cũng là nét rất riêng, rất cốt cách của thơ Đỗ Hồng Ngọc, là âm hưởng của “*Nghĩ về Trái tim*” khi ông đọc Tâm kinh, *Yết-đế, yết-đế, ba-la-yết-đế...* ■

Thăm Bà Nà

ĐỖ HỒNG NGỌC



Ảnh: vietcheaptravel.com

Nghe Bà Nà đã lâu, nay mới có dịp đến thăm. Người hướng dẫn viên du lịch giải thích Bà Nà là do chữ “Banane” mà ra. Người Pháp thấy vùng này có nhiều cây chuối nên gọi là Banane, và dân địa phương đọc trại ra thành Bà Nà! Chuyện khó tin bởi vì bây giờ đến Bà Nà đâu có thấy chuối thấy cau gì đâu! Theo nhà văn Nguyễn Ngọc, Bà Nà là tiếng Katu, có nghĩa là “núi của tui”. Điều này có lý hơn. Cũng như Buôn Ma Thuột, gọi tắt của “Buôn Ama Y Thuột” là tiếng Rhadé, có nghĩa là “Làng của cha cậu Y Thuột” (theo Võ Phiến). Có thuyết cho rằng Bà Nà là tên gọi tắt của Bà Ponagar, tức bà Thiên Y A Na thánh mẫu. Trên đỉnh Bà Nà, cao 1.487m cách mặt nước biển có đến thờ Bà Chúa Thượng Ngàn, có thể là Thiên Y A Na thánh mẫu đó chăng?

Bà Nà được người Pháp khám phá năm 1901, nay là một điểm du lịch tuyệt vời, không thua Đà Lạt, mà chỉ cách Đà Nẵng khoảng vài ba chục cây số về phía Tây nam. Đang cháy rít vì cái nắng hực miền Trung thì bỗng mát rượi với Bà Nà chót vót. Nhờ có cáp treo, tuyến cáp dài 6.000m, với độ chênh hơn 1.200m, đi Bà Nà lúc này dễ hơn xưa nhiều. Nhưng thực ra, nếu đi được đường bộ

như ngày xưa thì... tốt hơn, vì mới thường thức được hết cái vẻ đẹp hùng vĩ của núi rừng, mới tắm được Suối Mơ, ngắm thác Tóc Tiên chín tầng và có dịp thăm bao nhiêu loài cỏ cây, muông thú. Hệ thực vật ở đây có hàng mấy trăm loài trong đó có hơn hai trăm là dược thảo. Hệ động vật cơ man là thú rừng, chim muông, bò sát. Có người kể hồi xưa, khi vào vùng này nhiều lắm, mà nay... người ta nhậu cũng gần cạn rồi. May thay, đã thấy có lệnh cấm! Coi lại mấy cái hình cũ chụp thời Pháp, thấy người ta đi Bà Nà bằng cang cũng hay! Tiếc không có bài thơ nào như của Nguyễn Nhược Pháp với chùa Hương: “... hoa cỏ mờ hơi sương/ cùng thấy mẹ em dậy/ em vẫn đầu soi gương...”, nhưng cũng đã có nữ sĩ Huỳnh Thị Bảo Hòa (1896-1982), người Hòa Vang, Đà Nẵng, cũng đã viết trong Bà Nà du ký (tạp chí Nam Phong, số 163, 1931): “Cố cơm ăn, cố phòng trọ, cố chớp bóng, cố thể thao, đủ các cuộc tiêu khiển, lại bao cả việc vận chuyển thư từ hàng hóa và kiêm việc mượn kiệu thuê xe nữa”.

Người ta nói Bà Nà trong một ngày có đủ cả bốn mùa cũng phải. Thời tiết thay đổi đột ngột. Mới sương khói lênh đênh buổi sớm, đã lừng lững nắng vàng, rồi lãng đãng mênh mang, rồi chìm vào giá buốt. Núi chập chùng. Tầng tầng lớp lớp.

Cảnh khô chơi với nhấp nhô. Con đường cắt ngang núi, quanh co, khúc khuỷu. Đã có một thời tiêu thổ đốt sạch phá sạch. May còn mấy đồng gạch vụn, chiếc lò sưởi ma quái nhắc nhở một thuở nào xa. Một cái hồ nhỏ đọng đầy nước mưa, cạnh những bức tường hoang, có vẻ xưa là hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân. Chuồng ngựa, hầm rượu, vườn hoa... những dấu tích của một thời thuộc địa.

Ngôi chùa Linh Ứng mới xây khá khang trang. Tượng Phật uy nghiêm nhô cao giữa rừng chiếu. Bên dưới lòng đất bây giờ là khu giải trí hiện đại, ồn ào xanh đỏ, nhộn nhịp người lớn trẻ con. Sáng sớm, bướm ới là bướm, rơi rụng khắp sân. Con nào con nấy to như bàn tay, nặng trĩu bay không nổi. Thả bộ lên triển ốc, đến đỉnh cao 1.487m, nhìn về xuôi trọn vẹn một Bà Nà, nay đã có một ngôi chùa nho nhỏ, Bồ-tát Di Lặc cười trong nắng sớm.

Đà Nẵng đang thay da đổi thịt từng ngày. Nhưng nhìn ra biển rộng mang mang nỗi buồn. Chỉ còn trong Viện Bảo tàng Đà Nẵng mới thấy một câu nói của vua Lê Thánh Tông (1442-1497): “Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ?...” ■

Tứ trọng ân

TRẦN QUÊ HƯƠNG

1.

Mang thân trong cội ta-bà
 Ân cha nghĩa mẹ bao la ngút ngàn
 Mỗi mùa thu, lá rụng vàng
 Như lòng con trẻ dâng tràn niềm thương
 Nụ cười, ánh mắt vẫn vương
 Vòng tay áp ủ tuổi trường sữa thơm
 Àu ơ...lời mẹ ru con
 Ngày ngày nuôi lớn tâm hồn ngàn năm.

2.

Đức ân Tam Bảo thậm thâm
 Trường dưỡng trí tuệ thoát lăm vô minh
 Tinh luân hồi, thức từ sinh
 Giác tâm tánh, ngộ huyền tình phù vân
 Trăm năm chìm nổi phong trần
 Ôn thầy giáo dưỡng xa dần nẻo mê...
 Đường đời vạn dặm sơn khê
 Thân này quyết chọn lối về tịnh không.

3.

Hữu tình một dải non sông
 Tâm linh Âu Lạc truyền dòng Hùng Vương
 Điểm tô huyết thống cội nguồn
 Dựng xây bờ cõi an khương thanh bình
 Phụng thờ hào khí anh linh
 Nhớ ơn đất nước nghĩa tình thiên thu
 Nguyên cầu tịnh hóa hận thù
 Âm dương vạn loại tiêu trừ khổ đau

4.

Mây sương lãng đãng trăng sao
 Lòng thiền tạc dạ nhiệm màu hồng ân
 Tình thương nôi giống tương lân
 Thương người như thể thương thân...chính mình
 Bao nhiêu khổ, bấy nhiêu tình
 Ngày đêm san sẻ...mai, quỳnh, trúc, lan
 Vô thường mưa nắng hòa chan
 Ngọt bùi chung sống ngập tràn yêu thương

Cánh cò đơn côi

TÔN NỮ HỖ KHƯƠNG

Nàng xinh đẹp, dịu hiền, duyên dáng,
 Được mọi người yêu quý, mến thương.
 Thế mà trong cuộc sống tình trường,
 Bị chồng phụ, phũ phàng, cay đắng.

Chịu cảnh đời dài dầu mưa nắng,
 Nuôi đàn con khôn lớn, đạt thành.
 Vẫn hằng ngày tri chí kẻ kinh,
 Voi nổi khổ, cảnh tình ngang trái.

Vượt qua được bao nhiêu khổ ải,
 Vững niềm tin bước tới ngày mai.
 Dầu đường đời có lắm chông gai,
 Vẫn bền dạ miệt mài tin tưởng.

Cô đơn vẫn cứ tươi cười,
 Dạy đàn con trẻ nên người lớn khôn.

Tiếng mẹ trưa hè

NINH GIANG THU CÚC

Hoang sơ nhịp bước thu buồn
 Đôi bờ lau lách khói sương giang hà
 Bạc màu nếp áo hào hoa
 Nghe thiên thu lạnh nẻo xa phiêu bồng
 Thương sao ngọn lửa bếp hồng
 Được chăng xin chút ấm nồng chiều mưa
 Tìm dư hương buổi xa xưa
 Tìm hình bóng mẹ sớm trưa bên thềm
 Đường trần đá cứng chân mềm
 Thương sao tiếng mẹ ngọt êm trưa hè.

Như là hoa nắng

TRƯƠNG TÂM LẠC

Về chốn cũ như chừng xa lạ
Chợ chợ vờ nắng đỏ quán không
Ta đứng lặng nghiêng lòng hoang vắng
Người xa rồi đời trắng mênh mông

Ngắt giùm ta cụm hoa ven suối
Rải thật đều trên đầu chân quen
Dù ta biết mất người từ thuở
Vẫn nuôi lòng sương khói niềm tin

Người về đâu mười phương giá lạnh
Ở phương này trời rộng hanh hao
Ta góp lại hương rừng mỗi tối
Người đêm mơ lòng có xôn xao

Hay tất cả như là hoa nắng
Người chợt quên chợt nhớ như không
Đề tàn phai một thời lãng đãng
Gió đổi tây gây lạnh đổi đông.

Thạch Hãn dòng sông tưởng niệm

NGUYỄN MÃN

Ơi quê hương là dòng sông trầm lắng
Chảy miên man dòng máu lệ bao đời
Bờ cỏ lau phát phờ ngẩn mây trắng
Tiếng chuông chiều tiếng thờ của hồn ai

Ơi dòng sông chảy trong tim như dòng lệ
Của một thời ly loạn ngược xuôi
Của nụ cười trắng sao như nền thấp trong đêm
Người nằm xuống ôm sông trôi về biển

Người ở lại người đi thảng ngầy biển biệt
Chỉ còn dòng sông vọng tiếng thờ muôn đời
Chữ cúi xuống soi bóng mình với giọt lệ lòng tôi
Trôi trầm lắng một dòng khói sương Thạch Hãn.

Lặng thầm

THU HUYỀN – NHUẬN TỊNH DIỆU

Nơi ban công đầy gió,
Em thấy góc đường xa
Từng dòng xe vội vã
Trong bể đời phôi pha.

Nơi ban công đầy gió,
Mấy đèn đường trải xa
Chi lặng im soi tỏ
Ánh sáng cho người qua.

Nơi ban công đầy gió,
Em thấy những hàng cây
Ru mình trong nhịp thờ
Sương hiên chẳng vội bay.

Nơi ban công đầy gió,
Em nghe tiếng muôn trùng
Trên dòng xa than thở
Sao ai oán sầu thương!

Nơi ban công đầy gió,
Em nhớ ngôi nhà bên
Người cha không còn nữa
Ôi! Kiếp người mong manh

Nơi ban công đầy gió
Em ngắm một nhành lan
Hoa trắng xinh trên lá
Chưa nhuộm màu thời gian.

Em ngược nhìn vầng trăng
Trăng nhìn em bao nhỏ
Nay mây che trăng khuyết
Để tròn lúc rằm sang

Và em, bóng nhạt nhòa
Lặng thầm bên hiên gió
Mim cười trong trăng tỏ
Mặc bể đời phôi pha...





Vào đời

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Lên hai tuổi, thằng Hòa, con anh Hai tôi, vẫn chưa biết nói. Cả nhà phát hoảng, tưởng nó câm. Nhìn khuôn mặt thằng cháu bí xì, mũi dài lòng thông, buồn đến đuổi ruồi không bay, tôi bảo: "Gọi cu Khờ cho rồi". Anh tôi bực: "Không dám khờ đâu, im im vậy chớ có cái chi mà không biết, quậy hết cấp đó!", rồi anh chuyển giọng, *ca sáu câu* về con mình.

Mỗi bận tôi về, thằng bé đến khổ vì bị ba nó ép phải hát, phải kể chuyện cho chú nghe. Nhìn chú rất ngầu

với bộ quân phục lại lâu lâu mới gặp nên nó sợ, nép vào ba, không chịu *biểu diễn*. Bị ép quá, Hòa tìm kế trì hoãn bằng cách đưa ra yêu sách, nào là phải đứng trên ghế cao, lại phải có *mi-crô* (là cái ống thổi lửa) và có người giới thiệu, rồi phải chậm chậm một chút để *ca sĩ* đi tiểu xong mới hát được. Thấy không lay chuyển được sự kiên trì của *khán giả*, thằng bé đành giờ chiều cuối cùng - khóc. Thế là ba nó cụt hứng tên tò, nổi đóa lên mắng con; chú nó vội nói cười giả là, động viên mấy câu ngu ngơ, cốt lấy lại hòa khí.

Anh tôi rất lo cho việc học của Hòa. Ở quê, mở mắt ra là thấy việc nhưng Hòa chỉ mỗi việc học và học. Được cái, thằng bé khá chăm. Thả diều – không, trốn học để tắm sông hay tát cá – cũng không; cả những buổi chiều bọn trẻ trong xóm dẫn nhau ra bãi cát trước làng đá banh đến treo giò, xước mặt nhưng đồ nhấc được Hòa ra khỏi bàn học. Anh tôi rất hãnh diện mỗi khi Hòa được công nhận học sinh tiên tiến. Ở cái xóm bọn trẻ thích chăn trâu, giữ vịt hơn là đi học này thì việc thỉnh thoảng thằng cháu tôi rình về tấm giấy khen cùng mười quyển vở phần thưởng đã thành hiện tượng *ngôi sao*. “Mày cứ nhìn thằng Hòa mà học!”. Mấy bà trong xóm thường khích con như thế. Nghe nói rồi nói theo, quá trình đưa tin thêm thắt vào, chứ mấy ai biết thằng nhỏ học giỏi là giỏi thế nào. Anh Hai tôi cũng vậy. Với trình độ hơn mù chữ một chút, anh chỉ đủ sức bày cho con làm toán lớp hai, trừ những bài có đánh dấu sao. Anh bày theo kiểu nghe thằng nhỏ đọc đề, nhắm một hồi rồi nói luôn đáp số chứ chẳng đặt con tính dọc ngang như thầy dạy. Bởi thế, anh mới thấy con bơi giỏi trong ao làng nhưng nào lường được sức nó khi ra sông lớn.

Riêng điều này, tôi nói mà không sợ vội vàng - Hòa rất khéo tay. Những đồ thủ công do thằng nhỏ làm như cái rổ, cái gàu dai, cái cày, cái túi xách... được nó xếp đầy góc học tập. Tôi cam đoan, ai nhìn những vật dụng xinh xinh ấy đều không nỡ tiết kiệm một lời khen, kể cả lúc đang chán đời. Có lần tôi mân mê cái rổ nhỏ hơn cái mũ do đứa cháu làm, phấn khởi nói với anh Hai: “Thằng này lớn lên làm thợ thì miễn chê”. Không ngờ lời khen ấy khiến anh kém vui: “Làm thợ thì nói làm gì. Tôi dù đi ăn xin cũng nuôi nó học đại học. Đời cha dốt, tui lắm rồi!”. Những tiếng sau của anh đột ngột nhỏ lại khiến tôi lặng đi trong niềm thương.

Ba mẹ tôi sinh được bảy người, anh là đầu, tôi là út, giữa là năm chị. Ba tôi mất sớm nên công to việc lớn trong nhà đều qua tay anh. Anh thất học như một điều khó tránh. Hẳn vì thế mà bây giờ anh khao khát được thấy con biến ước mơ học hành thành đạt của mình thành hiện thực. Tôi bảo: “Làm thợ cũng tốt. Giờ anh không nghe báo chí ta thán nghịch cảnh thừa thầy thiếu thợ sao?”. Anh Hai vặn lại: “Anh hỏi chú, bằng vàng gia phả tộc mình ghi tên người học nhiều biết rộng để đời sau noi theo hay ghi tên những kẻ ăn no vác nặng như anh cho tồn chứ?”. Tôi cứng họng, cười. Chẳng là, cùng với ghi tên tuổi các thế hệ, gia phả dòng họ tôi có mục ghi tên người học hành đỗ đạt xưa nay. Có lần nhìn vào danh sách trân trọng ấy của gia tộc, mắt anh Hai sáng lên, ghé tai tôi nói nhỏ: “Thằng cháu của chú nhất định phải có tên trong bằng vàng này”. Tôi đâu dám cản ngăn kỳ vọng thấy con hơn cha của anh nhưng lo anh ngộ nhận khả năng của cháu, vô tình bắt thằng nhỏ chịu áp lực hết như cầu thủ trên sân thì tội nghiệp cho nó. Và nói đại, sau này nó thi đại học, rồi “đầu phải cành mếm” thì vỡ mộng cả chùm, phỏng ích gì?

Nhà cách trường cấp ba thị xã mười cây số nhưng khi Hòa vào lớp mười, anh Hai thuê nhà cho nó trọ gần trường, khỏi phải sáng đi trưa về như chúng bạn. Hằng tuần, nắng

cũng như mưa, lúc nông nhàn hay khi việc đồng áng ngập đầu, anh đều đặn lóc cóc đạp xe xuống thị xã tiếp tế cho con. Hình như không gian sống của thằng bé chỉ có trường học và cái gác xép nóng hầm hập nơi nhà trọ. Dù đêm đêm nghe tiếng sóng biển rì rầm sau rừng dương liễu ven thị xã nhưng hẳn nó chưa một lần biết vị mặn của biển và chắc hẳn hờ hững mỗi khi nhìn hoa phượng. Bởi hè đến, thôi học chính khóa thì Hòa đã có ngay chương trình học thêm, học nâng cao do ba sắp sẵn. Có phải do học nhiều hay không mà thằng nhỏ mắc chứng đau đầu. Thôi thì thuốc bổ óc, bổ máu tấp vào nhưng mỗi lần chú cháu gặp nhau, nó lắc đầu, mặt nhăn nhó, trông thương không chịu được. Học đến quên đời thế kia, không khéo tâm thần thì chết! Và lại, kiến thức sách vở đâu phải là tất cả; nếu chỉ dừng lại đó, sau này vào đời nhìn cái gì cũng ngỡ ngàng như con gà công nghiệp thì hỏng. Nghĩ thế, tôi lựa lời khuyên anh Hai. Anh giãi bày: “Chú nói hay nhỉ, học nhiều quá cũng không tốt nghĩa là sao?”. Tôi giải thích nhưng anh khoát tay lia lịa. Như không muốn tranh luận, anh chuyển đề tài: “Theo chú nên cho cháu thi trường nào?”. “Để cháu tự chọn, anh ạ”. “Tự chọn thế nào được, ta phải định hướng cho nó chứ”. Thế là mặc lời khuyên của tôi và cũng khác với mong muốn của Hòa, anh bảo con thi vào đại học y hoặc sư phạm. Theo anh, đó là những nghề cao quý, được người đời tôn là thầy. Quả không sai nhưng nếu chỉ vì muốn đạt danh hiệu ấy mà không nghĩ đến điều khác thì khập khiễng quá.

* * *

Ngày Hòa thi đại học, anh Hai đưa cháu ra nhà tôi. Tôi bảo, mấy khi đến thành phố trực thuộc trung ương, chú sẽ đưa cháu đi chơi thỏa thích rồi tới trường coi sổ báo danh. Nói thế bởi tôi muốn thằng bé được xả hơi trước khi “quyết đấu”. Nhưng anh tôi không chịu. Hơn thế, người phờ phạc sau chuyến xe đò từ quê ra, vừa vô nhà, anh đã kịp tìm chỗ ôn luyện cho thằng nhỏ. Uống chưa xong ly nước, anh lật đật đi thu dọn bàn học của con tôi (cháu đang nghỉ hè) để lấy chỗ học cho Hòa. Đến bữa, vợ tôi dọn ra, định gọi Hòa xuống ăn cơm nhưng anh ngăn: “Thím để tôi bung lên cho cháu”. Nhìn anh rón rén bung mâm cơm đặt trước mặt con, niềm thương lẫn át điều áy náy tôi muốn nói với anh. Cả đêm dường như anh không ngủ. Thức dậy khi đèn cao áp ngoài đường còn sáng trưng, tôi đã thấy anh ăn mặc chỉnh tề ngồi nơi phòng khách. Tôi muốn đưa cháu đi thi nhưng anh bảo: “Anh ở nhà, yên sao được”. Cha con đi được một lúc, anh học tốc quay về, hốt hải: “Nó quên thẻ dự thi!”. Tôi lấy xe máy chở anh phóng đi.

Hòa rớt, rớt cả hai trường đại học. Anh Hai buồn, buồn đến nỗi Hòa phát sợ, day dứt đau khổ vì nghĩ mình có lỗi. Nó tìm đến chú, nước mắt thấm trong từng lời: “Chắc ba cháu ốm mất!”. Tôi tức tốc về quê. Thấy tôi, anh Hai chỉ khề khàng “chú về đó à” rồi ngồi thừ ra. Học tài thi phận, thua keo này ta bày keo khác, tôi động viên anh bằng những câu sáo mòn xưa cũ ấy.

Người buồn, anh tôi lại lo việc học của con. Anh bảo



Hòa xuống thị xã, tìm lò luyện thi nào ngon nhất ghi tên vào, tốn mấy cũng bán lúa bán heo “theo với bạn với đời cho tới ngày kết quả”. Thằng bé lại chuẩn bị quần áo sách vở theo ba trực chỉ hướng thị xã. Đông qua, xuân hết, hè về, mùa thi đại học lại tới. Nhưng niềm hy vọng phập phồng của anh tôi bỗng tan tành. Sát ngày thi, Hòa lẫn đùng ra ốm, ốm kịch liệt phải vào viện. Đến nước ấy, anh chỉ còn ngửa mặt kêu trời. Anh gọi tôi về, nói gọn một câu: “Anh giao cháu cho chú”.

Hòa sống với gia đình tôi từ đó. Ngoài sách vở, hầu như nó chẳng làm gì, có chăng thì chỉ cầm được nổi cơm điện mỗi khi chú thím đi làm về trễ. Nhưng thằng nhỏ không còn chuyên tâm vào việc học. Bằng chứng là nó thường qua chơi nhà ông Tính hàng xóm. Ông Tính quê Hà Tây, nơi có nghề khảm trai nổi tiếng; đến thành phố này lập nghiệp cũng bằng nghề ấy. Ngoài bố con ông, còn hơn mười thanh niên ăn làm trong nhà. Chắc thằng nhỏ phải lòng con bé nào trong đám thợ siêng năng, hay cười bên ấy? Tốt thôi, dù có quyền công dân đã mấy năm nhưng Hòa cứ vui đầu vào sách vở nên chuyện yêu đương chắc chưa có gì. Nhiều hôm từ nhà ông Tính về, nét mặt Hòa phấn khởi lắm. Thấy chú, nó phúi bụi trên áo rồi lẳng lặng vào buồng tắm. Rút rè, Hòa nói sau một bữa cơm tối:

- Cháu không thi đại học nữa chú ạ.

- Tại sao?

- Sức học của cháu khó đậu. Nếu đậu, ba mẹ tập trung lo cho cháu, còn các em nữa...

Sau phút ngỡ ngàng, tôi bình tâm. Không nỡ trách suy nghĩ ấy của đứa cháu đã trưởng thành, tôi nói:

- Vào được đại học là rất quý nhưng cháu nghĩ thế cũng phải. Không thi đại học, cháu định làm gì?

- Cháu theo ông Tính học nghề khảm trai.

Tôi gặp ông Tính. “Thằng nhỏ sáng ý, khéo tay lại chăm”. Người thợ già nhìn tôi cười, chân thành. “Nếu chú không chê nghề vất vả này thì cho nó theo tôi; đảm bảo hai năm sau nó vượt hẳn đám thợ trong nhà này”. Nhìn những sản phẩm khảm trai, số đã hoàn thành, số còn dở dang xếp đầy trên hiên, tôi lần la hỏi ông Tính về thu nhập. Theo ông, với nghề thủ công này, người thợ sống khỏe; nếu sản xuất số nhiều, thu sẽ khá hơn. Tôi hơi yên tâm.

“Làm thợ thì hơn gì đi cày, cái tôi mong là tấm bằng đại học, chú hiểu không?”. Chưa nghe tôi nói hết, anh Hai gạt ngang. Anh xoay người, ngồi nghiêng, không thèm nhìn tôi, vẻ đau khổ và bức tức hiện rõ trên mặt. Đầu anh cúi xuống, trông thật thảm hại. Bất ngờ anh vung tay, chém gió, quát lớn giữa trời: “Dẹp hết, về cày ruộng!”. Không lạ tính anh, lại đã lường trước nên tôi ngồi lì chịu trận. Hòa đã co giò biến ngay xuống nhà dưới để ba khỏi ngứa mắt khi nhìn thằng con mang lại cho ông ế chế thất vọng.

* * *

Sau ba năm vừa học vừa làm với ông Tính, Hòa về quê mang theo nghề khảm trai. Lúc đầu nó lủi thủi làm một mình, sau phải kêu thêm người, thêm nhiều người. Chiều ý con muốn mở rộng cơ sở sản xuất, anh tôi đồn bạch đàn, chặt tre, mua tôn dựng lán ngay trong nhà vườn nhà. Hòa chỉ huy hai mươi *lính*, chia ra các công đoạn vẽ hình, tạo mẫu, đục gỗ, cắt dán trai, lau chùi đánh bóng. Tiếng lành đồn xa, các chủ sản xuất đồ gỗ trên thị xã nườm nượp đánh xe chở nào mặt bàn, mặt tủ, nào ghế... đến chỗ Hòa để làm đẹp trước khi xuất xưởng. Ở làng thuần nông này, giờ có thêm tiếng máy bào, máy cưa bên tiếng heo kêu gà gáy, nghe thật thích.

Hòa hay gọi điện thoại cho tôi khoe chuyện làm ăn. Nói mất tiền nhưng mỗi lần cầm điện thoại là nó cà kê như nói chuyện bên bàn rượu khiến tôi xót cả ruột. Chốc chốc tôi lại nhắc cúp máy nhưng nó cười vang: “Chú không phải lo!”. Quả là làm ra tiền nên giọng tự tin hẳn.

Vẫn là thấy nhưng không phải thấy thuốc hay thấy giáo như anh Hai hằng mong, giờ Hòa là thấy của những người thợ. Điều còn lại anh tôi không bằng lòng về con là đã ngấp nghề tuổi ba mươi nhưng nó chưa chịu lấy vợ. Nghe ba giục, nó chỉ cười cười, không lắc cũng chẳng gật. Anh tôi nói dối, giọng dối yêu hệt như của đàn bà: “Thôi, kệ mày!”. ■

Dòng sông thấp nển

Kính tặng dòng sông Thạch Hãn quê hương tôi

Đêm nay, đêm thiêng liêng trong tiết hạ thanh bình của đất nước, sự thanh bình yên ả mà nếu ai là người con quê hương Quảng Trị từng sống trong chiến tranh chắc không dám ước mơ, vì nó vượt ngoài những ước tưởng của họ.

Lúc này đây, trên đôi tay chúng ta có một ngọn nến hồng, ngọn nến nhỏ nhoi giữa bao la vũ trụ. Ôi ngọn nến ấm nồng là kết tinh của nguồn sống từ thuở hồng hoang, ngọn nến thiêng liêng lung linh phản chiếu trong trùng trùng ánh mắt. Ôi những đôi mắt nhòa lệ vì hạnh phúc, vì tình tự quê hương, vì ân sâu nghĩa nặng đối với tiền nhân và hồn thiêng sông núi.

Ngọn nến hồng trong tay quý Thầy cùng chúng con cúng dâng lên chư Phật, kỷ niệm ngày 40 năm tỉnh Quảng Trị thoát vòng nô lệ. Nguyên cầu chư Phật thù từ soi chiếu những khoảng sâu âm u đen tối của vô minh dục vọng và chớ che cho lũy tre làng cây đa bến nước không còn xơ xác, cháy bỏng bởi khói lửa chiến tranh. Ngọn nến hồng trong tay xin chư tôn đức Tăng Ni, quý vị quan khách và đồng bào Phật tử vận đại bi

tâm nguyện chuyển ánh sáng nhỏ nhoi này thành hào quang vi diệu mà soi đến cảnh khổ tam đồ.

Đêm này, trên mảnh đất này 40 mươi năm trước, cuộc chiến tao loạn phủ trùm quê hương Quảng Trị hầu như chấm dứt; và cũng là đêm này của ngày nay, lại là đêm mùa hạ yên lặng giữa lớp lớp người người mà chỉ còn vang vọng nhịp thốn thức của con tim. Một sự tương cảm, thông dung xuyên suốt ngọn nguồn, như chiếc cầu Hiền Lương im lìm lắng nghe lời ca vô ngôn bao đời của dòng sông Thạch Hãn.

Như rừng cây Ái Tử ngàn năm thâm u nghe tiếng ru hời của người mẹ Cam Lộ, Gio Linh.

Như núi Mai buông hương ngan ngát xông ướp thung lũng Ba Lòng và đại lộ Chiêu Linh Đài hòa tiếng thở đau thương mà bi tráng cùng liệt sĩ Trường Chinh, Trường Sơn.

Sự tương thông này thể hiện qua những đốm lửa nhỏ nhoi mà tỏa rạng một vùng, thể hiện qua từng rung cảm chân thành của chúng con khi chiêm ngưỡng tôn dung chư tôn giáo phẩm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, và ngược lại chúng con đang được quý ngài lân mẫn yêu thương!



THÍCH NGUYỄN MÃN

Quý vị đều được ấm áp bởi từ tâm vô lượng mà người người thành kính thanh tịnh dụng tâm!

Hãy về đây!

Hãy về đây để nương hào quang Đức Phật mà biết rõ nẻo chánh đường mê,

Hãy về đây!

Hãy về đây tắm trong nước cam lồ từ bi của Ngài Quán Thế Âm Bồ-tát mà xả ly tất cả chấp trước hận thù.

Đây là cơ duyên ngàn năm có một. Đây là cơ duyên hy hữu trong đời. Quý vị hãy lên thuyền Bát-nhã, hướng bến từ bi mà mau mau vượt qua dòng sông khổ nạn; hoặc phúc thay, được về cõi Cực Lạc phương Tây!

Được như thế, bao tâm huyết của Tăng Ni và đồng bào Phật tử phụng hiến lễ này không lãng uổng. Được như thế dù cho lạnh buốt đêm trường chúng tôi vẫn thấy ấm áp cõi lòng, dù giữa nắng mưa, ngũ uẩn lắm bệnh duyên của chư tôn trưởng lão nhưng quý ngài cũng trải lòng ra một cách hoan hỷ.

Nguyện rằng:

Ánh sáng và hơi ấm của rừng nến đêm nay soi đến ruộng đồng, thì ruộng đồng hoa tươi màu tốt.

Ánh sáng và hơi ấm của rừng nến đêm nay soi đến xóm làng thì dân làng chất phác hiền lương, áo cơm no đủ.

Ánh sáng và hơi ấm của rừng nến đêm nay soi đến chư thiên, A-tu-la thì được gia hộ mưa thuận gió hòa.

Soi đến đường lớn, đường nhỏ, hay rừng sâu, núi thẳm thì chuyển hóa ác tâm của hung thần, quỷ dữ để hộ trì cho vạn loại chúng sanh được bình an phước lạc.

Giây phút này đây, mọi âm thanh sẽ lịm tắt dần để ánh sáng chuyển hóa màn đêm. Cùng quý Phật tử chúng con, xin chư tôn đức Tăng Ni, quý vị quan khách hãy thắp lên những ngọn đèn rồi thả đèn trôi trên sông. ■

Ôi hạnh phúc biết bao sự hòa hợp của tứ chúng đệ tử Như Lai.

Trong niềm hạnh phúc lớn này, chúng ta chạnh lòng thương tưởng những oan hồn uổng tử suốt mấy cuộc chiến tranh dài dằng dặc trên đất nước mà Quảng Trị thân yêu là nơi bom đạn ác liệt nhất của địa đầu giới tuyến Bắc Nam!

Hỡi chư hương linh

Lúc này đây, chúng tôi cảm nhận được sự hiện hữu của quý vị qua làn gió phảng phất đêm xuân, qua bóng mây lang thang vô định, qua sự lung linh của ngọn hồng lạp trên tay.

Hỡi hồn thiêng của anh hùng liệt sĩ,

Hỡi hồn thiêng của chiến sĩ đồng bào

Hỡi hồn thiêng của những bậc vị quốc vong thân

Hỡi hồn thiêng của lớp lớp oan khiên uổng tử.

Không phân biệt người Tây hay người Mỹ, người Việt hay người Tàu, không phân biệt người khôn, kẻ dại, người ác, kẻ hiền. Bình đẳng trong pháp hội hoa đăng hôm nay, quý vị đều được soi sáng bởi hào quang tuệ giác mà chư tôn thiện đức đã dụng công chuyển tải.



Lời cảm ơn

**Chương trình Thơ Nhạc mừng mùa Vu-lan
chủ đề Bông Hồng Dâng Mẹ**

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo

Chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của các cơ quan đơn vị đã tạo điều kiện
để chương trình Bông Hồng Dâng Mẹ đến được với quý vị Thiện tri thức:

Ban Tôn giáo TP.HCM

Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch TP.HCM

Đài Truyền hình TP.HCM HTV

Nhà Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ

Ủy ban Nhân dân và Công an P.7, Q.3, TP.HCM

Tập đoàn Tôn Hoa Sen

Công ty Vina Giấy

Cơ sở Nha khoa Thế Hệ Mới

Chân thành cảm ơn sự đóng góp công sức quý báu của các nhà thơ, các nhạc sĩ, các nghệ sĩ, các ca sĩ và các ban
nhạc đã đem lại thành công cho chương trình:

Các nhà thơ:

Hồ Đắc Thiều Anh – Tôn Nữ Thu Thủy – Trương Nam Hương – Bảo Cường – Nguyễn Duy – Lê Thị Kim – Đặng
Nguyệt Anh – Nguyễn Tố Hoài – Huệ Triệu – Xuân Trường – Trần Mai Hương – Trần Trí Thông – Hồng Oanh

Các nhạc sĩ:

Thế Hiển – Kiều Tấn – Châu Đăng Khoa – Vĩnh Phúc

Các nghệ sĩ ca sĩ:

Hồng Vân – Nguyễn Phượng – Đông Quân – Quỳnh Như – Ngọc Quang – Quỳnh Hương

Các ban nhạc:

Minh Thành – Thúy Hạnh – Bảo Cường

Người dẫn chương trình:

Ngọc Tiên

Chân thành cảm ơn sự đóng góp về mặt kinh phí cho buổi biểu diễn của quý ân nhân, thân hữu:

Gia đình bà Võ Thị Hoàng Trang – Gia đình bà Trần Thị Ái Hòa – Gia đình nhà thơ Trương Nam Hương – Gia đình
bà Tôn Nữ Trâm Anh – Gia đình bà Tôn Nữ Liên Trì – Bà Nguyễn Thị Mừng, Công ty Thành Vũ – Bà Võ Mỹ Hương,
Công ty XNK Hoàng Việt – Nguyễn Tri Quỳnh Anh – nhà thơ Lê Thị Kim – nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương – Ông Phạm
Văn An, Công ty TNHH Minh Khôi – Vũ Thanh Hằng – nhà thơ Tôn Nữ Thu Thủy – Vũ Ngọc Minh – gia đình Tâm
Quang Hồ Đắc Thiều Anh – Nguyễn Thị Xuyên – Phật tử Tâm Cát Nguyễn Hồ Tiểu Anh – Phạm Văn Lâm – gia đình
Trung-Thông – Phạm Minh Mẫn – Vũ Thị Tư – Trần Văn Nhung – Trần Thị Tường Như – gia đình Tâm Cao – Cư sĩ
Nguyễn Lạc – Thượng tọa Thích Chơn Tịnh, Ban Từ thiện-xã hội Báo Giác Ngộ.

Chân thành cảm ơn sự có mặt của toàn thể quý vị Thiện tri thức, quý độc giả, ân nhân, thân hữu, cộng tác viên, và
quý khán giả đã hoan hỷ tham dự.

Xin nguyện cầu Tam bảo và thập phương Thánh Tăng gia hộ chư vị
được nhiều phước đức lợi lạc nhân mùa Vu-lan Phật lịch 2556.

NAM MÔ ĐẠI HIẾU MỤC-KIẾN-LIÊN BỐ-TÁT

Về thăm Chốn Tổ chùa xưa

Mùa Vu lan – Báo hiếu - 2012, tôi có dịp về thăm quê hương, thăm các bậc sanh thành, tạ ơn của Thầy Tổ chùa Bửu Phong. Lòng tôi rộn niềm vui khi bước chân vào lối cũ dẫn lên ngôi cổ tự; cũng lối đi này, thuở trước tôi thường theo mẹ đi chùa lễ Phật mỗi khi rằm, mồng một, rồi được quy y với Thầy tôi nay là Ni trưởng Huệ Hương, trụ trì. Thầy luôn dịu dàng tôi trong suốt những năm tháng xa xứ ở Arizona, những khó khăn về cuộc sống tâm linh cũng như thuật đối nhân xử thế để trụ vững ở xứ người...

Năm 1616, đất phương Nam mở cõi, một vị thiền sư đi theo bước chân bang giao hòa hiếu giữa hai nước Chân Lạp - Việt Nam đến nơi đây thấy vùng núi sông cấm tử, dựng nên một am tranh tu hành, hoàng dương Phật pháp và kế tục truyền thừa được 17 đời trụ trì và Thầy tôi là vị trụ trì thứ 18 được Đại lão Hòa thượng Thích Huệ Thành, Tăng thống Giáo hội PG Cổ truyền Việt Nam (là vị trụ trì thứ 17) bổ nhiệm trụ trì cho đến nay. Chư liệt vị Tổ sư đã có công lớn trùng hưng chánh pháp ngày càng uy nghiêm và hưng thịnh, đào tạo và phát triển Tăng tài, trùng tu chánh điện mỹ lệ với những bao lam, hoành phi vua ban, câu đối sơn son thếp vàng, v.v...

Với tâm nguyện "Hoằng pháp lợi sanh, báo Phật ân đức" và ý chí tiếp nối sự nghiệp Thầy Tổ, chọn cho mình con đường cầu đạo giải thoát, Thầy không ngại khó khăn, gian lao và vất vả tham gia tích cực công tác của Giáo hội, với trọng trách như Ủy viên Hội đồng Trị sự TW, Phó phân ban Đặc trách Ni giới thuộc Ban Tăng sự TW Chuyên trách đối ngoại, Phó ban Trị sự kiêm Trưởng phân ban Đặc trách Ni giới THPG Đồng Nai. Thời gian qua Thầy đã tham dự nhiều diễn đàn quốc tế như: Năm 1995, tham dự "Đại hội Phụ nữ thế giới" tại Bắc Kinh với đại biểu của 180 nước; Năm 1996, tham dự "Diễn đàn Quốc tế nữ" lần thứ nhất tại Thượng Hải với 186 nước tham dự; Năm 2006, tham dự



Đại lão Hòa thượng Thích Huệ Thành (1918 - 2001)

"Hội nghị Phụ nữ PG thế giới Sakyadhita lần thứ IX" tại Mã Lai và lần thứ X (2008) tại Mông Cổ; Nhận cờ luân lưu đăng cai tổ chức Hội nghị Phụ nữ PG Thế giới Sakyadhita lần thứ XI tổ chức tại Việt Nam năm 2010 và 2011; Hội đồng Trị sự GHPGVN cử Thầy làm Trưởng đoàn Ni giới GHPGVN hướng dẫn 74 vị Nữ giới PGVN đi dự Hội nghị Sakyadhita lần thứ XII tại Băng Cốc, Thái Lan; Năm 2007, tham dự "Đại hội Tỷ kheo ni trong Tăng đoàn PG lần thứ I" tại Cộng hòa Liên bang Đức, v.v... Năm qua, Thầy được Hòa thượng Pháp sư Tinh Vân trụ trì chùa Phật



Chư tôn đức Tăng Ni và chính quyền địa phương



Đoàn tại chùa Phật Quang Sơn, Đài Loan



Ni trưởng Huệ Hương tại chùa Phật Quang Sơn



Lễ khánh thành đền thờ Đức Quán Thế Âm và tượng bà Go Uao.

Quang Sơn mời sang Đài Loan tham dự lễ khánh thành Bảo tháp Xá lợi.

Tuy tuổi hạc đã cao, thân thể vẫn còn tráng kiện và minh mẫn. Thầy tôi vẫn tận tụy hy sinh phục vụ đạo pháp và chúng sanh. Trong chuyến công tác từ thiện 6 tháng đầu năm nay về Kiên Giang, đồng bào Phật tử và bà con lao động xã Vinh Phước A, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang cũng như chính quyền địa phương mong muốn Thầy xây lại ngôi đền thờ bà Go Uao. Sự tích của bà rất cảm động như sau: Là một thiếu nữ mới 19 tuổi đã giong con thuyền, lúc bấy giờ cư dân nơi đây còn thưa thớt, không may có một đàn cò 5 con xuất hiện. Chúng bắt trâu bò rồi người, làm cho bà con sống trong phấp phỏng lo sợ, không dám đi ruộng, nương rẫy. Trước cảnh tình như vậy, cô gái đã mưu trí để đánh giết lần lượt từng con cò và đến trận đấu sanh tử với con thứ 5, người và cò đều chết. Thương tiếc và để nhớ công lao của cô, dân chúng đã lập một ngôi miếu nhỏ để thờ, nay đã xuống cấp nhưng vì eo hẹp tài chính địa phương chưa tu sửa được. Muốn đi đến đây, Thầy và Phật tử phải dùng xuồng đi 8 cây số và lội ruộng cả trăm mét. Cảm thương nghĩa khí của người xưa và thuận theo yêu cầu bà con Phật tử và chính quyền địa phương, Thầy đã cho xây một ngôi đền thờ Bồ tát Quán Thế Âm và phía sau thờ tượng bà Go Uao (chi phí xây đến và tặng quà cho bà con Phật tử là 288.270.000đ) để tạo duyên cho đồng bào Phật tử chiêm bái. Với sự phát tâm cúng dường của: Gia đình Phật tử (GDPT) Ngọc Linh, GDPT Diệu Lành, GDPT Diệu Liên, GDPT Nguyễn Phú Vinh, GDPT tiệm Bánh canh Long Hương, v.v... Thời gian qua, công tác từ thiện luôn được Thầy quan tâm như: Xây tặng 5 căn nhà đại đoàn kết tại Kiên Giang, tặng quà cho người mù và người nghèo trong địa phương và vùng sâu vùng xa, mỗi năm ước độ trên 1 tỷ đồng. Mùa Vu Lan – Báo hiếu năm nay, Thầy và Phật tử bốn tự đang chuẩn bị tặng 300 phần quà cho trẻ em nghèo vùng đất U Minh lịch sử thuộc tỉnh Kiên Giang và 300 phần quà cho gia đình nghèo, người mù; 300 phần quà cho học sinh nghèo học giỏi ở địa phương. Tùy theo đối tượng để được tặng: gạo, mì gói, bột, ngọt, đường, tập vở, bút và tiền mặt...

Cuộc hội ngộ của thầy trò chúng tôi, thấm đậm tình đạo vị, vui cười ra nước mắt. Được biết, Thầy đang dự kiến trùng tu lại ngôi chánh điện hiện đã xuống cấp, cũng như xây dựng giảng đường để Phật tử có điều kiện thuận lợi trong tu tập. Thiết nghĩ, Phật sự của Thầy sẽ làm duyên và tạo phúc lành cho Phật tử các nơi tham gia, riêng gia đình tôi và các bạn bè ở Arizona thắm hứa nguyện góp phần tích cực vào việc trùng tu tôn tạo khi chùa bắt đầu khởi công.

HƯƠNG GIANG



Chính quyền tặng giấy khen từ thiện và xây đền cho Ni trưởng

Cảm niệm Ân đức Tôn sư



HT. Tôn sư THÍCH THIỆN PHƯỚC
(1924 - 1986)



Ni trưởng HUỆ GIÁC, Viện chủ
Quan Âm Tu Viện



Cổng tam quan

Thời gian thấm thoát trôi qua, mới đó mà đã 25 mùa thu sang. Mỗi lần đón Mùa Vu Lan - Báo hiếu là sắp đến ngày Lễ hỷ kỵ của Hòa thượng Tôn sư Thích Thiện Phước, dòng Lâm Tế thứ 41, hiệu Nhựt Ý, trụ trì Tổ đình Linh Sơn tự, Viện chủ Quan Âm Tu Viện và là Tổng trưởng sáng lập Liên tông Tịnh độ Non bồng. Nhớ lại ngày 30 tháng Bảy ÂL (1986), trời mây u ám, khi Hòa thượng Tôn sư từ biệt đồ chúng thu thân thị tịch đã làm cho mọi người con Phật thương tiếc vô vàn...

Linh Sơn tự là ngôi Tổ đình có bề dày lịch sử trên 200 năm, trải qua 7 đời liệt vị Tổ sư kế thừa. HT. Tôn sư Thích Thiện Phước là người kế thừa thứ 7. Tổ đình nằm ở sườn Tây khu núi, khoảng giữa của ngọn núi Dinh (cao 591m) có nhiều hang động, núi Ông Cầu, núi Ông Hựu xa hơn nữa núi Thị Vải, núi Ông Trịn. Trong khu vực núi có Long Cốc Thượng Tự, ngọn Long Mai có hang Mai, hang Lầu, hang Ông Trọng. Mặt tiền chùa nhìn ra biển Đông Hải, có núi Ông Trần. Phía Nam giáp với suối Tiên bắt nguồn từ hang Tổ chạy dài uốn khúc lượn quanh xuống chân núi, hiện nay nơi đây là thắng cảnh sinh thái của Khu du lịch Bà Rịa - Vũng Tàu. Phía Bắc giáp núi Bồng Lai, có con suối khởi nguồn từ vùng núi Long Hương chảy đến chân núi Dinh, ra đến cầu Rạch Ván và Chu Hải. Với non nước hữu tình, chốn tông lâm thắng cảnh, có nhiều cây loại gỗ quý... thật là:

"Phong quang vui vẻ bốn mùa

Nước reo pháp Phật gió khua nhạc trời"

HT. Tôn sư Thích Thiện Phước là người có căn lành và pháp khí lớn. Năm ngài được 16 tuổi đã biết cầu đạo tu học khắp đó đây, ngài về Văn Liên Bảy Núi, miền Tây Nam tìm minh sư. Nhưng với tấm lòng yêu nước, thương đồng bào, nên vào năm 1945, trước cảnh nước mất nhà tan do thực dân Pháp xâm chiếm, ngài tham gia hoạt động chống Pháp ở mật khu Saigon-Chợ lớn. Đến năm 1954, đình chiến và năm 1955 ngài về núi

Dài xin ẩn tu với Đức Sư Ông Bửu Đức chùa Bửu Quang. Năm 1956, vâng theo lời dạy của Thầy, ngài về Biên Hòa hoằng truyền Phật pháp và duyên lành đã đến, ngài gặp được Hòa thượng Thích Trí Châu, trụ trì Long Sơn cổ tự, cầu pháp được Hòa thượng thấu nhận làm đệ tử thuộc phái Lâm Tế gia phở thứ 41, hiệu Nhựt Ý. Ngài tiếp tục hoằng dương đạo pháp và đồ chúng hội tụ ngày càng đông, chính quyền cũ lo sợ phải ra lệnh trục xuất ngài khỏi tỉnh Biên Hòa. Năm 1957, ngài về ẩn tu tại Tổ đình Linh Sơn, xã Phước Hòa, huyện Long Lễ, tỉnh Phước Tuy, nay là xã Hội Bài, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ngài Yết Ma Sở, trụ trì Tổ đình đời thứ 6, nhận biết HT. Tôn sư là bậc giới đức vẹn toàn, nên truyền trao trụ trì Tổ đình Linh Sơn cho ngài. Lúc bấy giờ Tổ đình vắng bóng người, lại bị hư hoại, HT. Tôn sư tiếp nối trùng hưng, xiển dương chánh pháp, khai sơn Liên tông Tịnh độ Non bồng. Ngài cho xây dựng ngôi Tam bảo bằng cây rừng, mái lợp tole đơn sơ, nhà ăn, nhà ở để Tăng Ni có nơi an trú tu hành. Đồ chúng ngày càng đông, Ngài phải cho khai rẫy từ chân núi ra đến cầu Rạch Ván, hai bên đường đi trên 100 hec-ta để làm kinh tế tự túc cho chùa. Ngài quan tâm đến việc đào tạo Tăng Ni tài, bằng cách mở Phật học đường Tây phương Bồng Đảo, rước Chư tôn đức đệ tử Đức Pháp chủ Khánh Anh, quý Sư hệ phái Khất sĩ về giảng dạy. Với lòng từ mẫn, tiếp Tăng độ chúng, trong giai đoạn này HT. Tôn sư thành lập cô nhi viện Phước Lộc Thọ để đón nhận trẻ mồ côi do chiến tranh bị bỏ rơi, người già neo đơn không nơi nương tựa và đùm bọc con em gia đình cách mạng theo về nương nấu trồn giặc. Số lượng cô nhi đã lên đến 250 em. Việc lo ăn mặc, thuốc men với số người đông khá vất vả, Tăng Ni vẫn hoan hỷ phục vụ, thực hiện lời Phật dạy:

"Phụng sự chúng sanh là cúng dường Chư Phật".

Và được tiếp sức với những vần thơ khuyến tu của HT. Tôn sư:



NT. Huệ Giác tặng quà cho người nghèo



Bảo tháp của Hòa thượng Tôn sư



Tôn tượng Sư Ông Bửu Đức
và HT. Tôn sư tại chùa Nhứt Nguyên Bửu Tự



Chư tôn đức khai lễ khóa tu “Bá nhật trì danh
Niệm Phật” tại chùa Nhứt Nguyên Bửu Tự



HT. Thích Giác Quang, Phó trụ trì Quan Âm
Tu Viện đang thuyết giảng



Đội văn nghệ Quan Âm Tu Viện

“Làm người Phật tử Tây phương
Trên non dưới thế tuyết sương bền lòng
Dầu cho cực khổ mặn nồng
Chỉ tâm niệm Phật thoát vòng tử sanh
Khuyên ai thiện trí khách lành
Hiển nhân quân tử tu hành đừng quên...”

Năm 1962-1965, Tổ đình Linh Sơn là nơi đóng chốt của đường dây Liên khu 5, biệt động Thành đoàn và Tổ đình cũng trở thành nơi tiếp tế cho giải phóng quân. Người Mỹ trút bom đạn không thương tiếc làm cho 30 Tăng Ni và các em cô nhi bị thương tích nặng, 16 Tăng Ni và các em cô nhi thiệt mạng do bom đạn. Sự tổn hại đau thương này làm cho HT. Tôn sư đành phải cho Tăng

Ni và cô nhi tản cư về nhiều nơi để đảm bảo sự an ổn cho chư Tăng Ni, các cháu cô nhi, người già yếu. Ngày 8/4/1966, Ngài quyết định giao cho Ni trưởng Huệ Giác lập bản vẽ thiết kế, chọn đất xây dựng ngôi Quan Âm Tu Viện. Được ông Phạm Văn Hai và kiến họ Phạm hiến cúng thửa đất 1,6 ha, tại xã Bửu Hòa, tỉnh Biên Hòa. Quan Âm Tu Viện được chính thức khởi công xây dựng và tiếp tục phát triển cho đến ngày nay. Nội viện có trên 40 công trình và chia làm nhiều khu vực: Chánh điện Tăng, chánh điện Ni, Quan Âm các, Tổ đường Tăng và Ni, Phòng khách Tăng, Đông viện, Tây viện, Giảng đường, Ni viện Tịnh Tâm, Tịnh Đức, Tịnh Huệ, Nhà trù... để thuận lợi cho việc tu học, sinh hoạt Phật sự và từ thiện xã hội.

Nhân duyên sáng lập Nhứt Nguyên Bửu Tự (1960) do HT. Tôn sư chủ trương xây dựng, với tôn chỉ hoằng dương Chánh pháp, phổ độ quần sanh, xướng minh pháp môn Tịnh độ, giúp cho chư Tăng Ni, Phật tử khắp nơi về tham gia niệm Phật. Liên tục hàng năm đều có mở khóa “Niệm Phật một trăm ngày”, hàng vạn lượt chư Tăng, Ni, Phật tử các nơi về tham dự khóa tu (mỗi liên hữu tham gia công phu ít nhất là 2 tiếng/ngày). Hàng năm khóa tu khai mở ngày 16/8 ÂL và kết thúc vào ngày vía Phật A Di Đà 17/11 ÂL...

Đến năm 1975, đất nước hòa bình thống nhất, lúc này số em cô nhi đã lên đến trên 300 em, HT. Tôn sư phải về trụ ở chùa Long Phước Thọ, ấp 5, xã Long Phước, huyện Long Thành và cùng Tăng Ni chúng khẩn hoang khai rẫy trồng lúa, bắp, khoai mì tạo kinh tế tự túc cho chùa. Hưởng ứng chủ trương trồng cây gây rừng của Nhà nước, vào năm 1984, HT. Tôn sư chỉ đạo Ni trưởng Huệ Giác hướng dẫn Tăng Ni trồng cây gây rừng được trên 80 hec-ta tại Long Thành và Bà Rịa. Mở phòng thuốc bố thí cho bà con lao động nghèo ở địa phương và khu kinh tế mới Bàu Cạn... Công đức của HT. Tôn sư rất sâu dày không sao kể hết được. Để cảm niệm Ân sư, Ni trưởng Huệ Giác, Viện chủ QATV, Tổng trưởng Liên tông, cảm tác:

*Ai đi qua rừng tràm Long Phước Thọ
Rừng cây dâng hương hoa, ôi thơm tho
Sao khỏi bằng khuê nhớ nhung ngậm ngùi
Bóng hình bà mẹ đáng gầy năm xưa
Có những hoàng hôn – đây, màu cỏ cháy
Đồng trống hoang vắng đất khô gầy cằn
Tinh thương đất ấm Mẹ về khai hoang
Cây xanh xanh theo luống cày ngang hàng
Ôi! Trái tim vàng, tình thâm chan chứa...*

Mặc dù lao động rất khổ nhọc trong việc khai hoang, nhưng khi Bộ Quốc phòng muốn trưng dụng đất 46 hec-ta vườn, ruộng, rẫy để thiết lập bãi bắn cho trường Thiết Giáp I, HT. Tôn sư hoan hỷ giao đất mà không đòi hỏi điều kiện hay nhận bất cứ khoản tiền bồi thường nào, chỉ yêu cầu một điều: “Bao giờ trường bắn không còn sử dụng làm bãi bắn nữa thì xin hoàn trả đất lại cho tập thể Tổ đình để canh tác sản xuất, làm kinh tế cho chùa”.

HT. Tôn sư nay đã đi xa, nhưng lời dạy vàng ngọc của ngài vẫn còn âm vang mãi trong tâm khảm của môn đồ pháp quyến. Từ tiếp nhận ban đầu ngôi Tổ đình đổ nát, nhờ hồng ân Tam bảo và với đức độ cao dày, HT. Tôn sư tái thiết trùng tu ngôi Tổ đình từ năm 1958. Tổ đình Linh Sơn ngày nay trú xứ khai sơn môn phái Liên tông Tịnh độ Non Bồng được phát triển trên 150 tự viện, tịnh xá, tịnh thất, am tự. Chư tôn đức có 6 vị Hòa thượng, 17 vị Thượng tọa, 1 vị Ni trưởng, 29 vị Ni sư, đào tạo gần 1.000 Tăng Ni và trên một triệu Phật tử. Việc tu tập Tăng Ni luôn là tấm gương sáng, hàng năm vào mùa An cư kiết hạ cấm túc cho 170 vị có giới phẩm. Hàng cư sĩ tham gia tu học đều đặn, thọ Bát quan trai cách tuần ở QATV đến nay được 22 năm. Khóa tu “Bá nhật trì danh Niệm Phật” duy trì liên tục 47 khóa. Hiện có 12 vị tôn đức Tăng Ni tham gia công tác của Trung ương GHPGVN và Ban Trị sự THPG Đồng Nai. Trong công tác giáo dục hiện có 01 vị là Hiệu phó Giám luật Trường TCPH tỉnh, 02 vị Tăng Ni là Phó Chủ nhiệm Lớp Cao Đẳng Phật Học chuyên khoa tỉnh Đồng Nai, 03 vị giảng dạy tại Trường TCPH tỉnh Đồng Nai và 1 vị giảng dạy tại Học viện PGVN TP.HCM, 03 vị học vị Tiến sĩ. Trong công tác hoằng pháp có 5 vị là giảng sư TW và Tỉnh hội được thỉnh giảng ở các tỉnh miền Bắc, miền Nam và Đồng Nai. Liên tông tham gia công tác từ thiện như xây tặng nhà tình thương, tặng quà các ngày lễ lớn cho người mù và lao động nghèo, cứu trợ đồng bào bị thiên tai lũ lụt ở các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa... Noi theo hạnh lành của HT. Tôn sư, hàng hậu học mong được đem tình thương và ánh từ quang của Đức Phật xoa dịu những đau thương, mất mát của đồng bào ruột thịt, góp phần cùng với Giáo hội đem lại sự bình an mọi người.

Hàng năm, Lễ hỷ ký Hòa thượng Tôn sư được tổ chức trang trọng trong 3 ngày 29, 30/7 và mừng 01/8 ÂL tại Quan Âm Tu Viện. Toàn thể Tăng, Ni và Phật tử trong Tông phong về dự đông như trẩy hội, trên hai vạn lượt Phật tử vân tập về chùa để tỏ lòng tôn kính, tôn sư trọng đạo và tưởng nhớ đến ân đức to lớn của bậc chân tu, đạo đức cao trọng. Nghi lễ hỷ ký được tổ chức theo truyền thống Phật giáo như: Lễ tưởng niệm Tôn sư, cúng tiền thường, cúng tiền sư, cúng trai tăng, v.v... Ngoài ra, Đội văn nghệ của Quan Âm Tu Viện biểu diễn các nhạc phẩm ca ngợi công hạnh tu hành của Hòa thượng Tôn sư do Ni trưởng Huệ Giác sáng tác và các đội, nhóm văn nghệ, nhà hát tuồng cổ Hồ quảng Khánh Hỷ Xuân, Hồng Lạc Xuân thực hiện. Các sinh hoạt văn hóa, văn nghệ một cách tự nhiên đã làm cho Lễ hỷ ký Hòa thượng Tôn sư trở thành lễ hội văn hóa tôn sư trọng đạo tại Đồng Nai.

Pháp Tuệ - Minh Hiếu
(Tăng Bình Trọng)

Nha khoa Thế Hệ Mới

Tận tâm, Thân thiện, Chuyên nghiệp

Trong thời đại hiện nay, khi mọi thứ đầy đủ và thuận tiện hơn, con người cũng dành nhiều thời gian hơn để quan tâm đến sức khỏe và vẻ đẹp của mình. Tuy nhiên, không phải ai cũng có đầy đủ kiến thức để biết cách chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của mình một cách đúng đắn, điển hình là sức khỏe răng miệng, một phần quan trọng không thể tách rời của sức khỏe chung. Chính vì thế, việc tìm hiểu các kiến thức nha khoa và tìm cho mình một bác sĩ nha khoa giỏi, tin cậy là điều thật sự cần thiết.

Nha khoa Thế Hệ Mới là một trong vài nha khoa đầu tiên tại TP.HCM và cả nước thực hiện mô hình **Nha khoa Tiêu chuẩn Quốc tế**. Ngay từ ngày đầu thành lập (năm 2005), Hội đồng quản trị Công ty đã mạnh dạn đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất phòng khám chuyên biệt cho việc khám và điều trị nha khoa, với đầy đủ các phòng chức năng như phòng Tiếp khách, phòng Khám - Tư vấn, phòng chụp X-quang răng kỹ thuật số, phòng Vô trùng dụng cụ, phòng điều trị thông thường, phòng Điều trị kỹ thuật cao... Ngoài ra, Nha khoa Thế Hệ Mới còn đầu tư xây dựng phòng nghỉ cho khách ở xa, phòng Hẹn - Huấn luyện nhân viên - Hội chẩn các ca điều trị khó hoặc các ca cần phải phối hợp nhiều chuyên khoa với nhau... Máy móc, thiết bị đều được trang bị đầy đủ và nhập mới 100% từ các tập đoàn nha khoa nổi tiếng trên thế giới. Đến Nha khoa Thế Hệ Mới, chắc chắn các bạn sẽ

cảm nhận một sự khác biệt đó là việc trung tâm đã áp dụng việc thực hiện quy trình tiếp đón và chăm sóc khách hàng với phương châm **Tận tâm - Thân thiện - Chuyên nghiệp**.

Việc thiết lập một phòng Khám - Tư vấn tại mỗi cơ sở trong hệ thống Nha khoa Thế Hệ Mới do các bác sĩ nhiều kinh nghiệm để khám thật kỹ, cung cấp đầy đủ thông tin về tình trạng sức khỏe của khách hàng, thậm chí còn dành nhiều thời gian để tư vấn, giải thích rõ ràng từng phương pháp chăm sóc răng, vệ sinh răng, kỹ thuật điều trị... để khách hàng hiểu và tự lựa chọn cho mình những kế hoạch điều trị tốt nhất, phù hợp với quỹ thời gian và khả năng tài chính có thể. Đây là một mô hình mà các nước tiên tiến đang áp dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Điều đặc biệt là việc khám và tư vấn, kể cả chụp phim X-quang răng tại Nha khoa Thế Hệ Mới là hoàn toàn miễn phí. "Đến Nha khoa Thế Hệ Mới không những có được nụ cười đẹp hơn mà còn có được nhiều kiến thức về nha khoa hơn để có thể tư vấn lại cho người khác trong gia đình", đó là những lời tâm sự của nhiều khách hàng đã đến Nha khoa Thế Hệ Mới chia sẻ.

"Mỗi người có những nhu cầu và đòi hỏi khác nhau trong việc chăm sóc răng miệng, Nha khoa Thế Hệ Mới luôn dành thời gian để thảo luận cùng Quý khách về những vấn đề mà Quý khách quan tâm để tìm ra một kế hoạch điều trị thích hợp

nhất cho từng người một" – một đại diện của Nha khoa Thế Hệ Mới cho biết.

Hiện nay, nhằm để phục vụ rộng rãi hơn các đối tượng khách hàng trên địa bàn TP.HCM, Nha khoa Thế Hệ Mới vừa phát triển thêm chi nhánh Đông A tại 328C Phan Đình Phùng, P.1, Q.Phú Nhuận, TP.HCM (gần ngã tư Phú Nhuận). Đây là chi nhánh thứ ba trong hệ thống các phòng khám của Nha khoa Thế Hệ Mới, được trang bị đầy đủ các phòng chức năng và phòng Khám - Tư vấn tại chỗ theo mô hình Nha khoa Tiêu chuẩn Quốc tế.



Nha khoa Thế Hệ Mới, Chi nhánh Đông A

Hệ thống Nha khoa Thế Hệ Mới hiện có đầy đủ các chuyên khoa: **Nha khoa phòng ngừa** (cạo vôi & đánh bóng, hướng dẫn mọc răng, phòng ngừa sâu răng); **Nha khoa tổng quát** (trám răng, tiểu phẫu răng, điều trị tủy); **Nha khoa phục hồi thẩm mỹ** (tẩy trắng răng, trám răng thẩm mỹ, chỉnh hình răng); **Nha khoa kỹ thuật cao** (phục hình răng sứ thẩm mỹ, phục hình cố định, tháo lắp, tư vấn cấy ghép Implant), với phương châm điều trị Nhẹ nhàng – Chính xác – Không đau, kết quả điều trị luôn được theo dõi và chăm sóc chu đáo.

Nha khoa Thế Hệ Mới sẽ góp phần chăm sóc sức khỏe cho chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử và mang lại niềm vui cho mọi nhà.

NGUYỄN BÔNG



Phòng Khám – Tư vấn tại các chi nhánh trong hệ thống



NHA KHOA THẾ HỆ MỚI

Giờ làm việc:

Thứ 2 đến Thứ 7:

Sáng: 8h00 đến 12h00

Chiều & tối: 13h30 đến 20h00

Chủ Nhật & ngày lễ nghỉ

Thông tin liên hệ:

ĐC1: 549 Nguyễn Đình Chiểu, P.2, Q.3, TP.HCM. ĐT: (08) 38398587 – 38309458

ĐC2: 472B Trần Hưng Đạo, P.2, Q.5, TP.HCM. ĐT: (08) 39244778 – 39244779

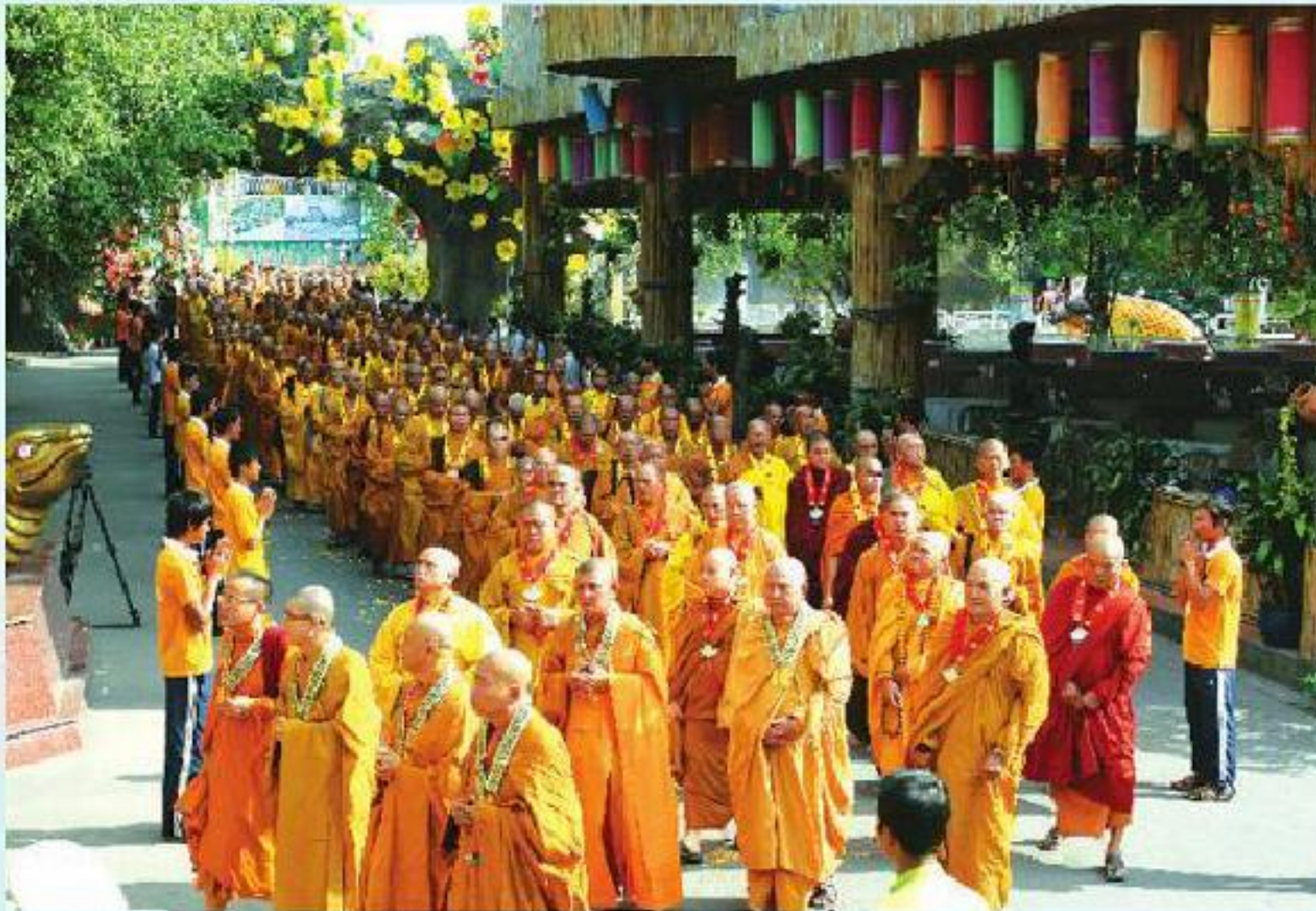
ĐC3: 328C Phan Đình Phùng, P.1, Q. Phú Nhuận, TP.HCM. ĐT: (08) 39952117 – 39952118

Website: www.nhakhoathehemoi.com.vn

Email: info@nhakhoathehemoi.com

Lễ hội Vu Lan – Mùa Báo Hiếu – Phật lịch 2556

tại Suối Tiên



Chư tôn đức Tăng Ni quang lâm chánh điện Long Hoa Thiên Bảo



Chư tôn đức khai lễ



Chư Ni tụng kinh cầu quốc thái dân an



Cúng dường trai tăng

Hàng năm, vào ngày Rằm tháng Bảy - Mùa Vu Lan Báo hiếu, Phật lịch 2556 – 2012, hàng triệu trái tim người con Việt lại cùng hòa chung nhịp đập hướng về báo đáp công ơn trời biển của đấng sinh thành. Và như một thông lệ, sau những ngày hè tươi vui rộn ràng của Lễ Hội Trái Cây Nam Bộ, Suối Tiên lại có nhiều hoạt động ý nghĩa chào đón du khách trở lại nhân mùa Vu Lan Báo hiếu. Bằng những hoạt động thiết thực, lễ hội sẽ mang đến cho du khách và bà con Phật tử một mùa báo hiếu trọn nghĩa vẹn tình.

■ Ngày 30/8 (nhằm ngày 14/07 âm lịch), DLVH Suối Tiên cung thỉnh hơn 700 vị Chư tôn giáo phẩm, Tăng Ni đến từ Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai, Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Tỉnh hội Phật giáo Bình Dương quang lâm chứng minh. Các Chư tôn đức sẽ khai mở nhiều nghi lễ Phật giáo trang nghiêm, đầy ý nghĩa như: Khai kinh, tụng kinh Vu



Phật tử và du khách dùng Buffet chay

Lan, tụng kinh Địa Tạng, cúng dường trai tăng.... tại Long Hoa Thiên Bảo.

■ Ngày 31/08 (nhằm ngày 15/07 âm lịch), trên cung đường lễ hội sẽ có 500 vị Khất sĩ Phật giáo thuộc Hệ phái Nam Tông thực hiện lễ khất thực «Cúng dường Bát Hội» và tịnh thiền dưới cội Bồ Đề. Quý du khách sẽ có dịp thấy lại con đường tu hành khổ hạnh của Đức Phật Thích Ca, đồng thời quý du khách cũng có dịp thể hiện lòng thành kính qua những vật phẩm dâng lên cúng dường Chư Tăng.

■ Trong 2 ngày 30 - 31/08, bà con Phật tử và du khách thập phương sẽ được thiết đãi đại tiệc Buffet chay miễn phí với những món ăn thơm ngon, bổ dưỡng của “Bát Tiên Quả Hải – Cửu Tiên Ngự Yến”. Du khách sẽ thật ấn tượng khi thưởng thức hương vị các món chay thơm ngon như: Hải Vị Bông Lai, Sơn Hào Tiên Cảnh, Linh Chi Nhật Nguyệt, Tiên Dược Bông Lai, Thủy Tụ Hồ Tiên, Bạch Ngọc Tiên Giới, Đào Tiên Vương Mẫu, Dược Tiên Trương Thọ... Tiệc Buffet chay phục vụ miễn phí hơn 15.000 lượt du khách/ngày và được bố trí nhiều cụm trên suốt cung đường lễ hội phục vụ cho tất cả du khách đến tham quan. Đặc biệt mùa Vu Lan năm nay du khách còn được thưởng thức món ăn “Trường Thọ Tam Thập Nhị Quả” được chế biến từ 32 loại củ quả. Sự kết hợp độc đáo dưỡng chất của các loại củ quả trong món ăn sẽ giúp người ta trẻ lại và trường thọ với thời gian. Món ăn này đạt kỷ lục là “Món ăn có nhiều loại củ quả nhất” (năm 2012).

Tại sân khấu Hoàng Đế và sân khấu cuối trục đường lễ hội, du khách còn được thưởng thức Chương trình ca múa nhạc, những bài ca vọng cổ đặc sắc mang chủ đề về đạo Phật và chữ hiếu do nhiều nghệ sĩ nổi tiếng thành phố tham gia biểu diễn. **Đặc biệt, trong 2 ngày diễn ra lễ hội 30 - 31/8/2012, Suối Tiên sẽ miễn giảm 50% vé cổng cho tất cả du khách.**

Du khách đến tham quan DLVH Suối Tiên vào những ngày này sẽ có dịp hội ngộ cùng Chư Tăng, cùng tham gia cầu nguyện cho bá tánh thập phương được nhiều thắng ý, vạn sự hanh thông, đạt nhiều phúc lộc, cầu cho đất nước hòa bình, phát triển và phồn vinh.

Đây cũng là dịp lập phúc cầu an, để du khách và bà con Phật tử cả nước cùng với Suối Tiên thắp nén hương thành kính tỏ lòng hiếu hạnh, sự tôn kính đối với tổ tiên, ông bà, cha mẹ.

Suối Tiên tự hào với bốn mùa lễ hội, là nơi trở về cội nguồn văn hóa dân tộc với nhiều công trình văn hóa tâm linh kỳ vĩ sẽ mang đến cho du khách một mùa Vu Lan thật nhiều ý nghĩa.

ĐAN TÂM

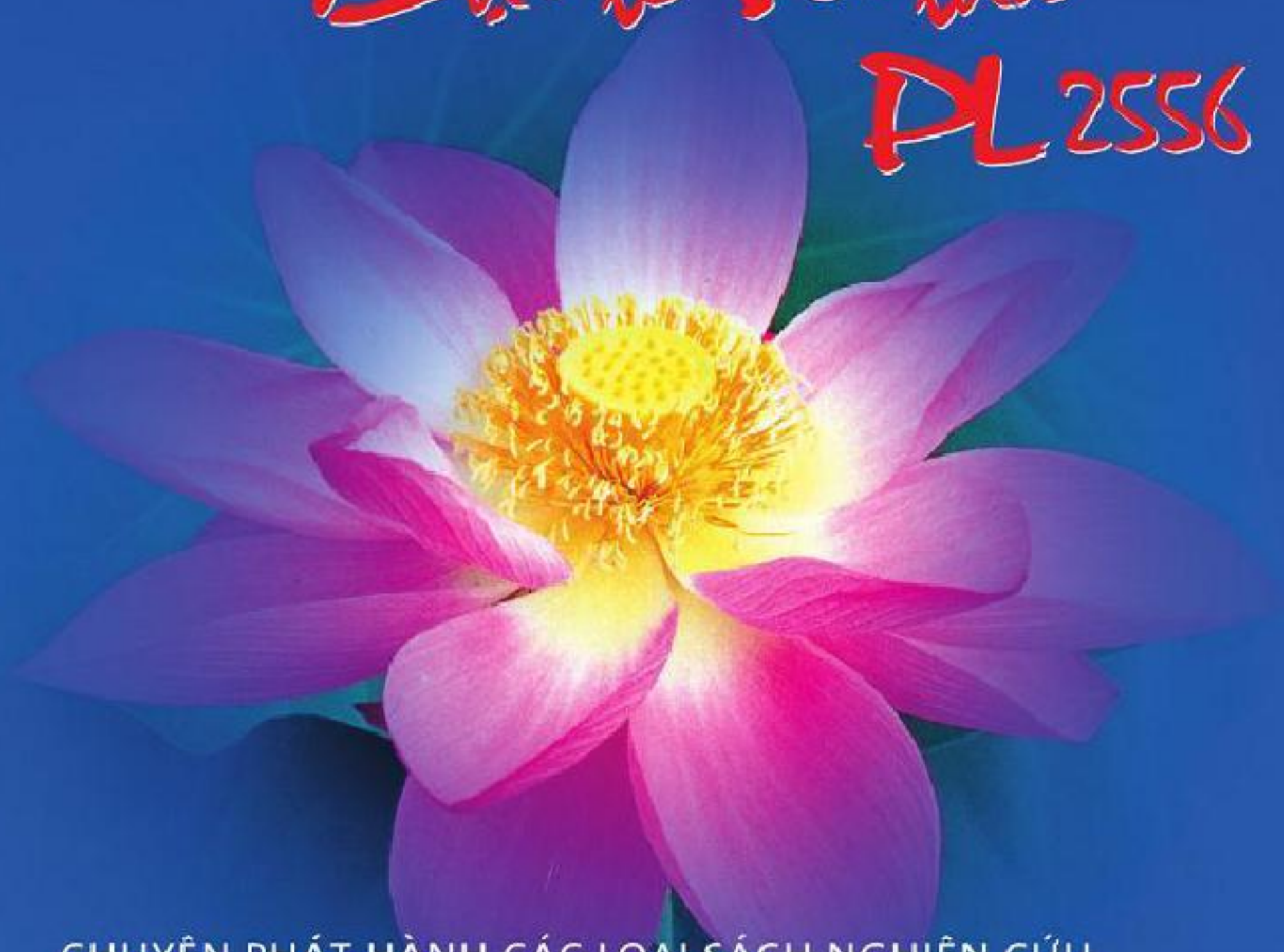
Nhà sách

TRÍ TUỆ

Kính mừng

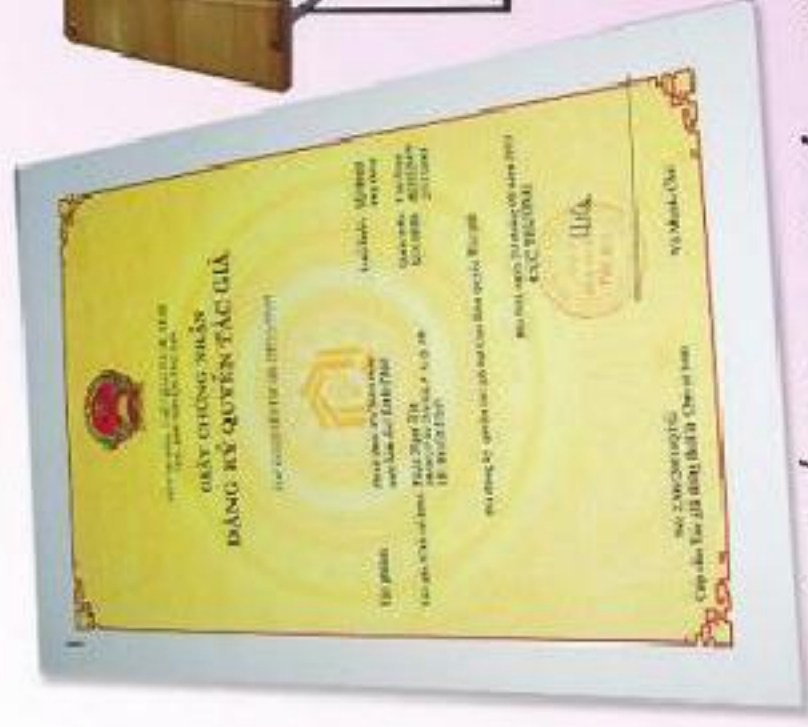
Đại lễ Vu lan

DL 2556



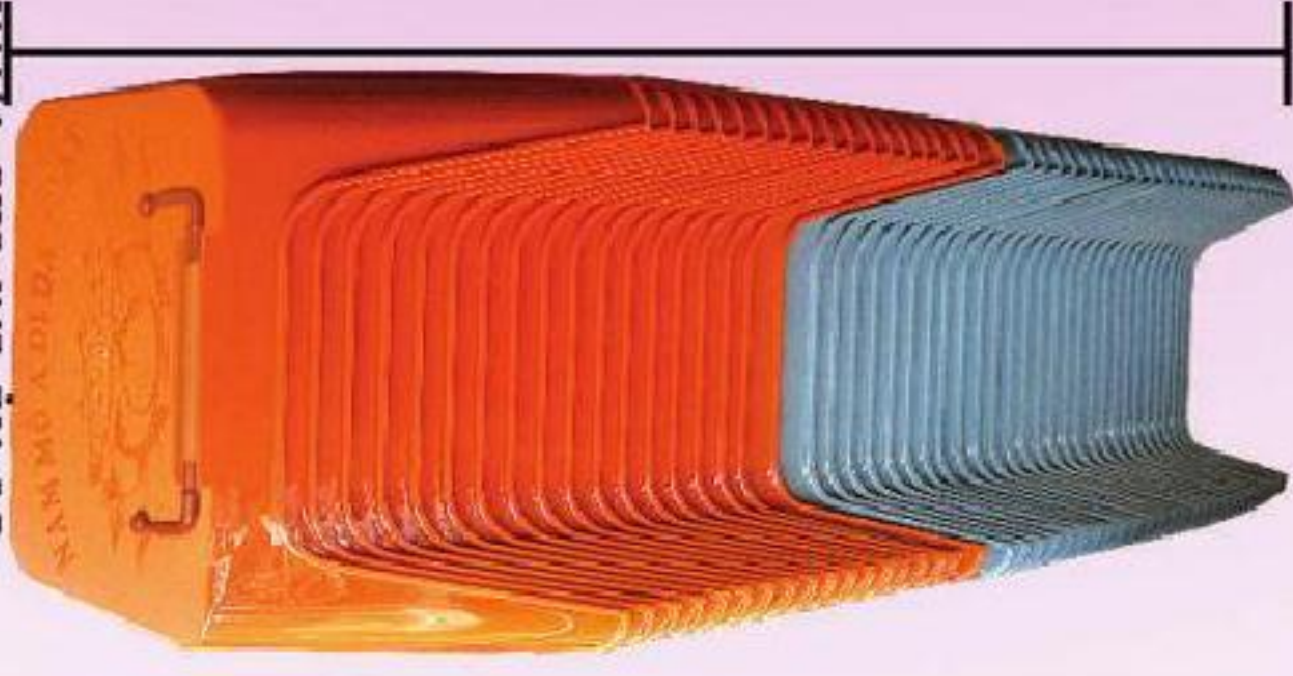
CHUYÊN PHÁT HÀNH CÁC LOẠI SÁCH NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC, TRIẾT HỌC, VĂN HỌC
VÀ CÁC VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

203 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38.395.296, (84-8) 22.194.521, Fax: (84-8) 38.642.396
Email: lamhloc_vpbank@yahoo.com
vuthinh@gmail.com

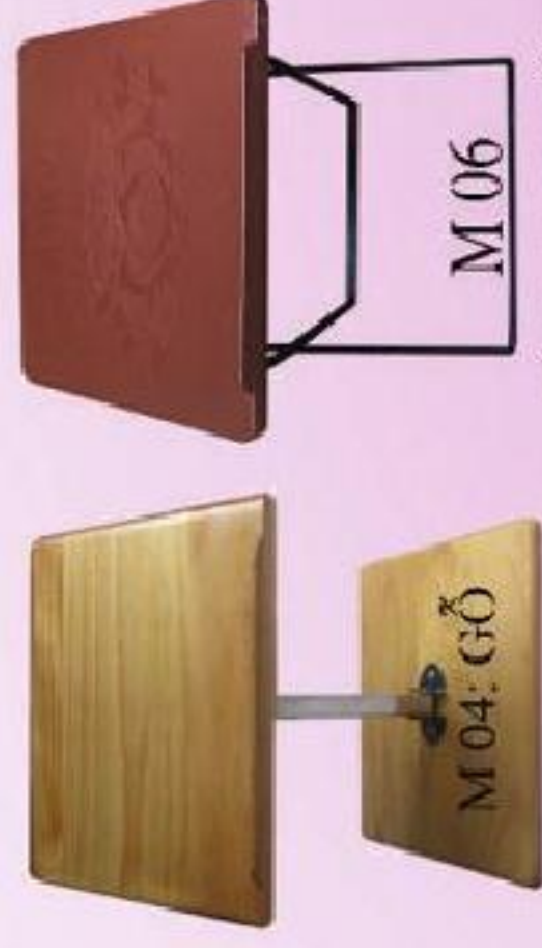


- Kệ ghế chúng tôi gắn chặt, không kê không độn quá cao làm dễ bị đổ lúc chõng lên nhau.
- Rất tiện lợi cho việc vận chuyển đi xa và không chiếm nhiều diện tích khi cất giữ.

50 kệ chỉ cao 1,1m



M 02: GỖ



M 04: GỖ



M 06

VÀNG - LAM - NẤU



M 09

VÀNG - LAM - NẤU



M 08

VÀNG - LAM - NẤU



(SAU KHI XẾP)

THUẬN ÂN

KỆ ĐỌC KINH XẾP

KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ VU LAN 2556

BẢO HÀNH 2 NĂM THỜI GIAN SỬ DỤNG TRÊN 5 NĂM

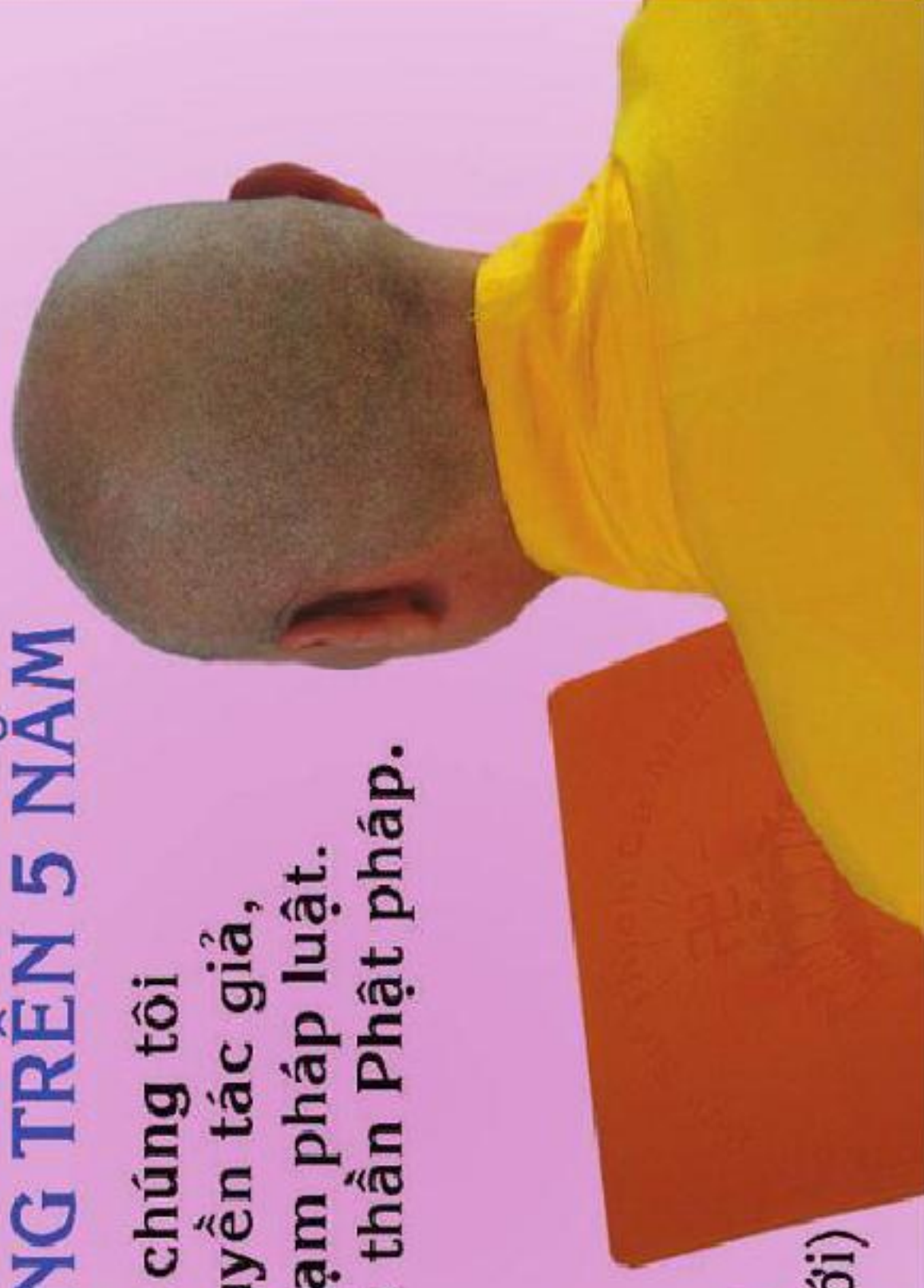
Toàn bộ sản phẩm của chúng tôi có đăng ký Cục Bản quyền tác giả, mọi sao chép đều vi phạm pháp luật. Không phù hợp với tinh thần Phật pháp.

ĐỊA CHỈ : 105M/27

HỒ THỊ KỶ P1 Q10

08-38351185-0903955150

PD. Tuệ Hiếu (Trần Ngọc Tới)



PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

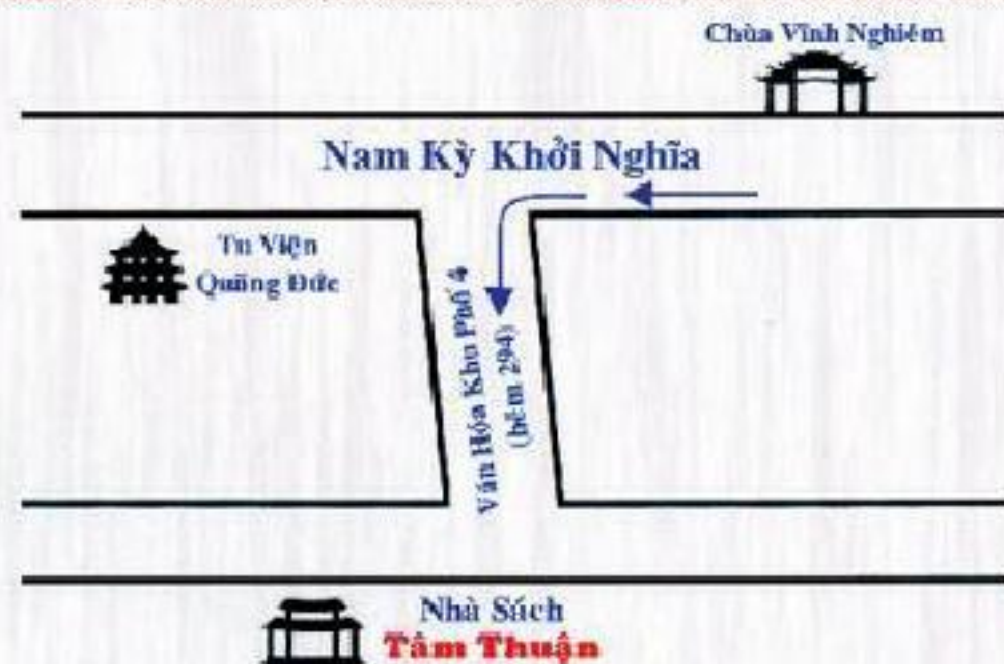


TÂM THUẬN

Kinh, sách, văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật Giáo
Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
Pháp cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 3536 0119

Đ/C: 82/110 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3536 0119 - ĐD: 0902 40 47 48



Nhà Sách
Tâm Thuận



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
THÁI LONG VINA
SANKU

◦ **Chuyên sản xuất và kinh doanh các loại muối dùng trong các ngành:**

Thực phẩm	Thủy hải sản
Xử lý nước	Thuộc da
Hóa chất	Thức ăn thủy sản, chăn nuôi

Từ muối hạt thiên nhiên, công ty chúng tôi đã tạo ra được nhiều sản phẩm đa dạng như muối sấy, muối lột, muối xay, muối hầm, muối nấu để đáp ứng cho nhiều ngành nghề khác nhau.

Ngoài ra, chúng tôi còn cung cấp các loại muối nhập khẩu.

◦ **Để biết thêm chi tiết xin vui lòng liên hệ:**
Ô.Lộc (0903824480)

ĐC: 79/3 Phan Văn Trị, P.14, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: 08.35163286 FAX: 08.62942936
EMAIL: thailongvina@yahoo.com

Neosign ĐẠI CAO THỂ HÀO QUANG "PHẬT"

Chuyên Sản Xuất & Thi Công

ĐÈN HÀO QUANG PHẬT
Không Ngại Làm Xa



ĐC: 543 TÔ NGỌC VÂN - P. TAM PHƯỚC - Q. THỦ ĐỨC - TP. HCM
ĐT: 08 2240 2812 - ĐD: 090 88 77 912

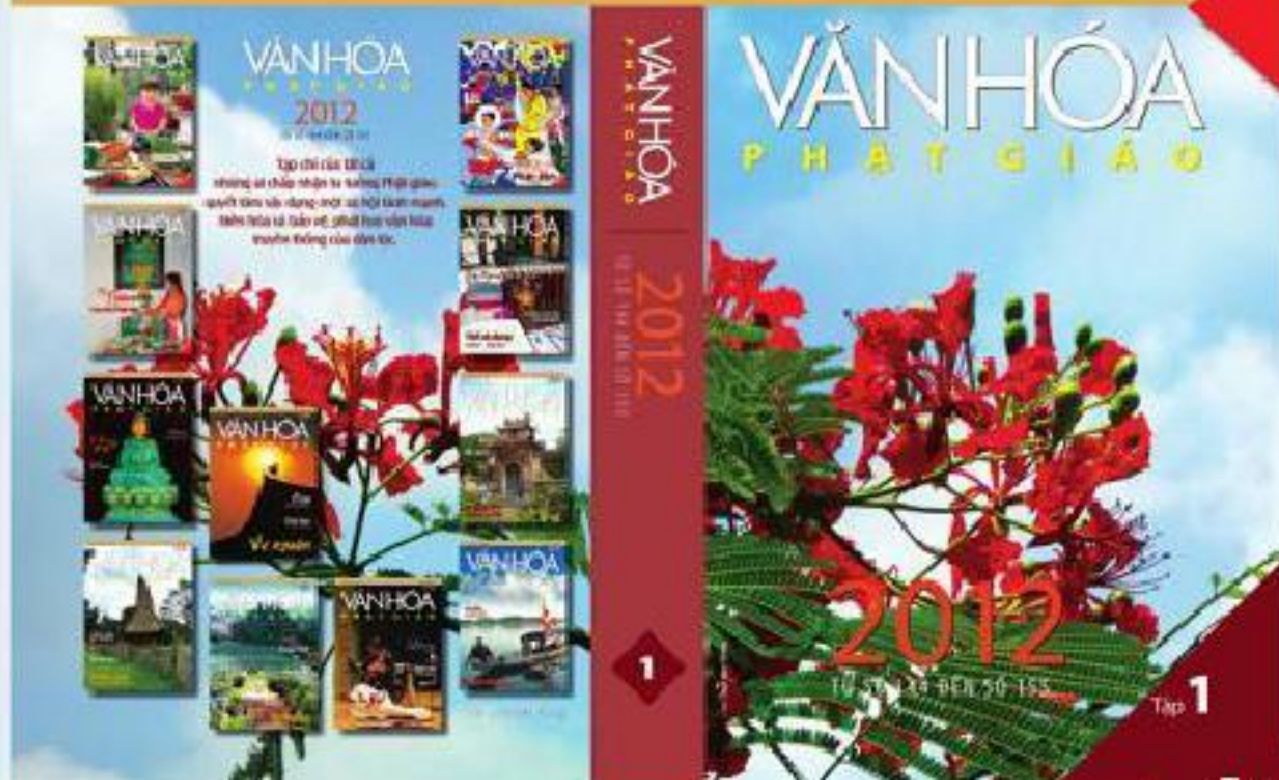
PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH TÂM MINH

65 Lý Chính Thắng, P.8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08.3848 3075 - E-mail: h_vt7@yahoo.com



◦ **Chuyên phát hành sỉ và lẻ:**
Kinh sách, đĩa, ấn phẩm Phật giáo
lồng đèn và cờ Phật giáo

◦ **Đặc biệt:**
Áo tràng vật khách, Nhật bình, Lư hán,
Túi, Đầy, Đồ vật khách chú tiểu, Đồ bộ thiền...
Chuong gió, Máy niệm Phật. Đồ phong thủy.



Đang phát hành

**VĂN HÓA
PHẬT GIÁO**

đóng bộ **Tập 1** năm 2012
từ số 144 đến số 155
giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn **Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ 2010 (2 tập): 380.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ 2011 (2 tập): 420.000VNĐ

www.vinagiay.vn

Giày Da Công Nghệ Cao

Vina-Giày®



Thương Hiệu Được Chứng Nhận
Top Ten Hàng Đầu Ngành Da Giày Việt Nam



*Fashion
Shoes*



CÁC CỬA HÀNG Ở TP. HCM
VÀ CÁC CỬA HÀNG ĐẠI LÝ TRÊN KHẮP TOÀN QUỐC

- 61 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q. Bình Thạnh
Tel: (08) 35103956 - (08) 38031193
Fax: (08) 38031192
- 180 -182, Lý Chính Thắng, P.9, Q.3
Tel: (08) 39319786 - (08) 39319787
Fax: (08) 39318343
- 22 Trần Huy Liệu, P.12, Q. Phú Nhuận
Tel: (08) 39974429 - (08) 39974430 - (08) 39974431
- 269 Trường Chinh, P.14, Q. Tân Bình
Tel: (08) 38490958
- 608 Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3
Tel: (08) 38351407
- 638 Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3
Tel: (08) 38331230
Fax: (08) 38331245
- 406A Cách Mạng Tháng 8, Q.3
Tel: (08) 39316534
- 218B-216C Quang Trung, P.10, Gò Vấp
Tel: (08) 38941621



LIÊN TIẾP 15 NĂM LIÊN BÌNH CHỌN
97'98'99'00'01'02'03'04'05'06'07'08'09'10'11'
HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO



ĐẠT CUP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT BỐN NĂM LIÊN 07'08'09'10'
ĐƯỢC BÌNH CHỌN TRONG TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH
Thương hiệu Việt

Luôn Đi Cùng Thành Công Và May Mắn Của Quý Khách



DHARMA GARDEN
website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



QUÁN CHAY - DHARMA FOODS
Email: quenchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 650 - 0919 190 177

NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS
Email: nhasesach@phapuyen.com

5 Trần Bình Trọng, Phường 5, Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ,
quà lưu niệm, pháp phục tăng ni cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng

y phục: nhận may pháp phục và đồng phục

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH HƯƠNG TỪ THIỆN

- ❖ Phnom Penh - Bangkok - Siem Reap. Giá 3.700.000VND (7 ngày 6 đêm)
 - ❖ Phnom Penh - Siem Reap. Vé xe giá 1.500.000VND (4 ngày 3 đêm)
 - ❖ Campuchia - Lào - Thái Lan - Myanmar. Giá 7.500.000VND (11 ngày 10 đêm)
 - ❖ Campuchia - Thái Lan - Ấn Độ - Nepal. Giá 1.000USD (20 ngày 20 đêm)
 - ❖ Tây Tạng - Trung Quốc. Giá 19.000.000VND (21 ngày 20 đêm)
- Liên hệ: Sư Tạng Minh: 01647826121 - 01646464103
ĐT: 08. 62750789 - 08.66806083
Địa chỉ: 95 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q.Gò Vấp, TP.HCM

TAM BẢO

537 Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận

❖ CHUYÊN KINH DOANH:

- Các loại tôn tượng Mật tông, Kim cang thừa, các pháp khí hành lễ Mật tông, các amulet do các vị thánh tăng gia trì.
- Các loại tượng Phật Thái Lan và tượng của các vị thánh tăng, các amulet do các ngài gia trì.
- Các loại hương liệu cúng dường, các loại đồ cúng mandala, đồ phong thủy và các linh vật may mắn cát tường theo phong thủy...

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ: **0907 844 640** (gặp Hoàng)

NHÀ MAY **Vạn Hạnh**

CHUYÊN MAY PHÁP PHỤC TU SĨ

- + Y - HẬU - ÁO TRÀNG - NHẬT BÌNH
- + QUỐC PHỤC - MÃO
- + TƯ VẤN THIẾT KẾ: Y - HẬU - KINH SƯ
- + MAY ĐO TẬN NƠI

NHẬN MAY SỐ LƯỢNG LỚN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

603 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 1, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT: 08.3830 1956 - 08.3504 0672 - ĐD: 0903 343 183
Web: www.van-hanh.coo.vn
(Đón ngõ 7 - Lên lầu 1 gặp cô Tịnh)



NGỌC HIỂN

QUÀ LƯU NIỆM - TƯỢNG PHẬT MA VÀNG - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO
CHUYÊN CÁC MẬT HẠNG THỜ CÚNG

- 144 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM - ĐT: 38 355 590 - ĐD: 0983 675 570
- 158 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM - ĐT: 38 355 590 - ĐD: 0908 748 568



Ngọc Bích-Nephrite

Website: www.ngocbich-nephrite.com

Quý khách có nhu cầu thỉnh tượng Phật và Bồ tát bằng ngọc bích và ngọc trắng Miến Điện (cửa hàng sẽ có giá ưu đãi)

Nơi chuyên cung cấp nhiều loại mẫu mã, kiểu dáng đẹp về trang sức bằng ngọc bích và các tôn tượng ngọc trắng Miến Điện

○ Cửa hàng: 359 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3 - ĐT: (08) 5404.3752

Đang giảm giá 50%



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 - Email: veg.hoakhai@gmail.com

❑ Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO

○ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Thu Sương**

○ BTDD: **0918 032 040**

✉ Email: thusuong69@gmail.com



Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.



Sân mây
NHÀ HÀNG CHAY

Nhà hàng sắp khai trương, tuyển dụng các vị trí sau:

- 4 giám sát nhà hàng
- 20 nhân viên phục vụ
- 10 nhân viên vệ sinh công cộng
- 5 kế toán viên
- 05 nhân viên pha chế
- 10 nhân viên phụ bếp

Vui lòng gửi hồ sơ tại: 224A -B Điện Biên Phủ, quận 03 gặp chị Hóa 0974 115 065

252/43 Cao Thắng (nd), p.12, q.10, tp.HCM | 08 3 507 1628 | 0938 234 638 | www.sanmayrestaurant.com



TIL
Nhà hàng *Chay*

Với các món ăn tinh khiết
theo lối HUẾ thuần túy

Địa chỉ:

- 11 TRẦN NHẬT DUẬT, P. Tân Định, Q. 1, TP. HCM
ĐT: 3843 6460 - Fax: 3827 9309
- 162 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, P. 6, Q. 3, TP. HCM
ĐT: 3822 5038 - Fax: 3827 9309
Email: info@tibrestaurant.com

Trân trọng kính mời



VĂN HÓA ẨM THỰC CHAY

Hương Nghiêm

KINH MỪNG ĐẠI LỄ VU LAN PL. 2556

Vu Lan Báo Hiếu lại về, Hương Nghiêm kính chúc chư tôn đức Tăng Ni thêm một hạ lạc giới đức trang nghiêm, định huệ viên mãn, và các Phật tử phước huệ song tu, thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Ẩm Thực Chay Hương Nghiêm tọa lạc tại B10 Trường Sơn, P. 15, Q. 10, nằm đối diện sau công viên Lê Thị Riêng - CMT8 với phong cảnh thoáng mát, thanh tịnh đầy thiên vị thích hợp cho Tăng Ni và Phật tử để thưởng thức những món chay thuần túy mang phong cách truyền thống Việt Nam, Thái Lan và Ý với các đầu bếp chuyên nghiệp, ngoài ra còn có thiên trà và kem được chế biến từ nguyên liệu trái cây tươi 100% không sử dụng mùi và bột hóa học.

Ngoài Ẩm Thực Chay, Hương Nghiêm còn có phòng trưng bày tranh tượng với nhiều truyền thống văn hóa Phật giáo khắp thế giới mang tính cách mỹ thuật cao. Hương Nghiêm với tâm nguyện phục vụ và truyền bá văn hóa Phật giáo để Tăng Ni và Phật tử được chiêm ngưỡng những tác phẩm do Hương Nghiêm và các nghệ nhân sáng tạo ra với phong cách riêng biệt để đóng góp cho nền văn hóa Phật giáo Việt Nam.

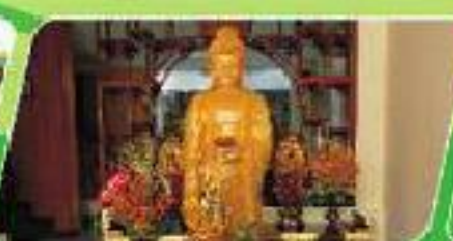
Chuyên phát hành: Tranh tượng, trầm hương Việt Nam, hồ phách Châu Âu, ngọc bích Canada.



Văn hóa tạo tượng Phật giáo Hoa Nghiêm



Văn hóa ẩm thực chay Hương Nghiêm



Phòng trưng bày tranh tượng



Sân trà truyền thống gần biển



Hướng dẫn đến văn hóa ẩm thực chay Hương Nghiêm

B10 TRƯỜNG SƠN, P. 15, Q. 10. ĐT: 0839700354 - DĐ: 0909020943 www.huongngghiem.net

VĂN HÓA TẠO TƯỢNG PHẬT GIÁO HOA NGHIÊM

82/112 LÝ CHÍNH THẮNG, P. 8, Q. 3. ĐT: 08.22128757 - DĐ: 0966479845 (đối diện Chùa Vĩnh Nghiêm)

Thsp TRUNG TÂM TIN HỌC

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM

✦ ĐÀO TẠO ✦ TỔ CHỨC THI
✦ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO ✦ LIÊN KẾT TỔ CHỨC THI

CẤP CHỨNG CHỈ QUỐC GIA A, B TIN HỌC

- ✦ Tin học văn phòng, đồ họa.
- ✦ Quản trị cơ sở dữ liệu.
- ✦ Tin học giáo dục, thiết kế web.
- ✦ Acad 2D, 3D.
- ✦ Thường xuyên khai giảng khóa mới: 2 lần mỗi tháng.
- ✦ Tổ chức thi tự do cho các thí sinh tự học: 5 tuần một lần.



Phòng học với các thiết bị hiện đại



Đội ngũ giảng viên dày dặn kinh nghiệm

Học phí ưu đãi cho Tăng Ni sinh - giảm 100.000đ

Để biết thêm chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

Địa chỉ: 280 An Dương Vương, Q.5, TP.HCM

Email: thsp.edu@gmail.com

ĐT: (08) 38.392.549

website: <http://tinhocsupham.edu.vn>



Công ty TNHH TM-SX

QUANG NGHỆ

光 QUANG NGHE CO., LTD. 藝
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DĐ: 0989 183 398

* Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

* Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.



Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước.

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5 - Q.11 - TP.HCM

ĐT: (08) 38840.322 - 22000.993 - **Fax:** (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

LỊCH KHỞI HÀNH



Zenflower Travel trân trọng kính gửi đến chư Tôn Đức Tăng Ni và quý Phật tử chương trình hành hương đặc biệt 2012:

 **Chiêm bái tượng Phật Ngọc Hòa Bình Thế giới và Tham dự Đại lễ tụng Tam Tạng Kinh điển quốc tế Pali tại Bồ Đề Đạo Tràng**
07 ngày 06 đêm, khởi hành ngày 29-11-2012 (dành cho quý khách đã đi Phật tích rồi)

 **Tham dự pháp hội của Đức Dalai Lama và đánh lễ Đức Kamapar - Kết hợp hành hương chiêm bái Phật tích Ấn Độ - Nepal**
16 ngày 15 đêm, khởi hành ngày 29-09-2012 và 27-10-2012

 **Khám phá Angkor - Hiện thân của Bồ Tát Quan Thế Âm, khởi hành ngày 16-09-2012 (tham dự cùng Việt Nam Quốc Tự)**
và ngày 04-09-2012 (tham dự cùng Tịnh xá Trung Tâm)

 **Hành hương Phật tích Ấn Độ - Nepal - Kết hợp tham dự Đại lễ tụng Tam Tạng Kinh Điển quốc tế Pali**
tại Bồ Đề Đạo Tràng 12 ngày 11 đêm, khởi hành ngày 24-11-2012

 **Mùa thu tuyết đẹp tại Trung Quốc - Chiêm bái đạo tràng của 4 vị Bồ Tát tại Tứ Đại Danh Sơn**
12 ngày 11 đêm, khởi hành ngày 19-09-2012 và 10-11-2012

 **Mùa thu Đài Loan - Thăm những ngôi chùa tuyết đẹp 07 ngày 06 đêm**
khởi hành ngày 05-10-2012

 **Miền Điện - Vàng rơi trên thân Phật 06 ngày 05 đêm**
khởi hành ngày 20-09-2012 và 20-11-2012

 **Đàn tràng vĩ đại Borobudur 06 ngày 05 đêm**
khởi hành ngày 10-10-2012

 **Srilanka - Cội nguồn Phật giáo 09 ngày 08 đêm**
khởi hành ngày 22-08-2012



NGHỈ ĐẾN DU LỊCH HÀNH HƯƠNG, NGHỈ ĐẾN ZENFLOWER TRAVEL

www.zenflower.vn

CÔNG TY TNHH DU LỊCH & DỊCH VỤ HOA THIÊN

Đ/c: Số R4, Đường Ba Vì, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Điện Thoại: (84-8) 3977.1513 - 3977.1796 Fax: (84-8) 3977.1586

Website: www.zenflower.vn

Email: info@zenflower.vn



Mái ấm gia đình Việt



TÔN HOA SEN

Hoa Sen Group:
Số 09 đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, TX. Dĩ An, Bình Dương.
ĐT: (+84 650) 3790 955 - Fax: (+84 650) 3791 792

VPĐD:
94 - 96 Nguyễn Du, quận 1, Tp HCM
ĐT: (+84 8) 3910 6910 - Fax: (+84 8) 3910 6913